NGUYỄN HIẾN-LÊ

dạy con theo lối mới

Tuổi thơ là hy vọng độc nhất
còn lại của nhân loại.
Arnold Gesell

Loại sách : « HỌC LÀM NGƯỜI »



Tên sách : DẠY CON THEO LỐI MỚI

Tác giả : NGUYỄN HIẾN-LÊ

Nhà xuất bản : SAIGON

Năm xuất bản : 1958

Nguồn sách : Sadec (TVE4U)

Đánh máy : Vân Anh, Đức Tùng

Kiểm tra chính tả : Ngô Thanh Tùng, Kim Thoa, Lã Thị Phương Thúy, Nguyễn Ngọc Linh

Biên tập ebook : Thư Võ

Ngày hoàn thành : 25/09/2018

MỤC LỤC

NGUYỄN HIẾN-LÊ

DẠY CON THEO LỐI MỚI

« Tuổi thơ là hy vọng độc nhất còn lại của nhân loại ».

Arnold Gesell

TỰA

Sau bản ***Tuyên-ngôn độc-lập*** *của Huê-kỳ (1776) và bản* ***Tuyên-ngôn nhân-quyền*** *của Pháp (1789), người ta đã tưởng nhân loại bắt đầu bước vào một kỷ-nguyên mới, kỷ-nguyên Tự do, Bình đẳng và Bác ái. Nhưng từ đó đến nay đã gần hai thế-kỷ, kỷ-nguyên mới đó vẫn chưa thấy hé màn, và bây giờ không ai nhắc tới nó nữa mà chỉ nói đến kỷ-nguyên Nguyên-tử, một kỷ-nguyên mà hai trái bom nổ ở Hiroshima và Nagasaki năm 1945 đã hứa hẹn cho nhân loại rất nhiều. Cái kỷ-nguyên trong đó chúng ta đương sống quả thực là nguyên-tử ! Đại-chiến thứ nhất mà bốn chục năm trước người ta tưởng là chiến-tranh cuối cùng của nhân loại, đã tàn khốc một cách kinh-khủng, nhưng so với đại-chiến thứ nhì chỉ là một trò đấm đá của con nít bên cạnh một cuộc đấu võ của các lực-sĩ « hạng nặng ». Và không ai dám tưởng tượng, mà cũng không ai có thể tưởng-tượng được nếu có đại chiến thứ ba thì đại chiến nầy so với đại chiến thứ nhì sẽ ra sao. Nhân sinh kỷ-hà ! Rán quên đi, bạn ạ ! Chúng ta bất lực, hoàn toàn bất lực. Vả lại còn có điều đáng cho ta nghĩ tới hơn.*

Nghệ-thuật chiến tranh dù tiến mạnh tới bực nào cũng không làm cho ta tởm bằng cái nghệ-thuật độc-tài. Vài ngàn trái bom làm tiêu diệt cả nhân loại trong nháy mắt, kể cũng đáng ghê thật, nhưng ai nấy đều chết thì là hết, có gì mà lo buồn ? Chứ hành-động của một bọn bắt hàng chục hàng trăm triệu người phải theo đường lối của mình, chẳng kể phải trái, hễ không phục tòng thì đầy, thì chém, thì bắn, thì cho vào lò thiêu, vào phòng điện… những hành-động đó mới thực

đáng kinh. Chiến-tranh chỉ giết người, chính sách độc tài mới làm con người thành nô lệ. Mà nghệ-thuật độc tài từ đầu thế kỷ đến nay, tiến một cách mãnh liệt phi thường, đến nỗi Tần Thủy Hoàng có sống lại mà coi bọn phát-xít « trị » dân, tất cũng phải xanh mặt và than : « Ôi ! hậu sinh khả úy ». Hitler, Mussolini đã chết, nhưng cái nòi độc tài đâu đã tuyệt hẳn ? Từ đông qua tây, biết bao người vẫn lăm lăm nắm cơ-hội để nối gót hai hung thần ấy. Chính đó mới là mối nguy của nhân loại. Dù da trắng hay da vàng, da đen hay da đỏ, chúng ta đều có thể nhất đán thành nô lệ hết, có tai mà không dám nghe, có miệng mà không dám nói, và cứ phải nhẫn-nhục cúi đầu, vâng vâng dạ dạ để một nhóm người sai khiến.

Trước cái nguy đó, nhiều nhà tư tưởng tỏ vẻ thúc thủ, và chỉ còn trông mong ở thế hệ sau tức như ông Arnold Gesell, là một. Nhà bác học nổi danh ở Huê Kỳ, chuyên tâm nghiên cứu trẻ em ấy đã viết trong bài tựa cuốn ***Infan from 5 to 10*** *: « Tuổi thơ là hy-vọng độc nhất còn lại cho nhân loại ». Ông cho rằng muốn có một chế độ thực sự tự do và dân chủ thì phải sửa đổi nền giáo dục trước hết. Không phải cứ tuyên ngôn tự do mà nhân loại được tự do ; cũng không phải cứ san phẳng giai cấp mà nhân loại được bình đẳng ; cũng không phải cứ hô hào bác ái mà nhận loại bác ái. Con người có được dạy dỗ, đào-tạo ngay từ hồi nhỏ theo những phương-pháp tự do, bình-đẳng bác ái, có được thấm nhuần không khí tự do, bình đẳng, bác ái trong ít nhất là năm ba thế hệ liên tiếp rồi mới có thể hành động theo quy tắc tự do, bình đẳng bác ái được. Nghĩa là vấn đề giáo dục quan trọng*

nhất. Ta không thể mong con ta thành những người chỉ huy trọng tự do, bình đẳng, bác ái nếu ta dùng phương pháp độc đoán để nhồi nặn chúng, bắt chúng hoan hô những kẻ chúng khinh bỉ, và ngày ngày tụng những lời thù oán và gây hấn.

Mà phương-pháp giáo-dục cổ điển của Á Đông cũng như Âu Tây là phương-pháp độc đoán đó. Tôi không phủ-nhận thiện-chí của người xưa, nhưng cái lối uốn nắn trẻ theo một mẫu-mực mà người lớn đã định trước, không gây được hạnh-phúc cho nhân loại. Từ đầu thế-kỷ, nhiều nhà giáo, nhà tâm-lý ở Âu-Mỹ đã bỏ phương-pháp đó, tự thích nghi với trẻ, chứ không bắt trẻ phải thích nghi với mình nữa. Muốn thích-nghi với chúng, họ tìm hiểu sinh-lý và tâm-lý của chúng. Họ dò dẫm từng bước, và gần đây ông Arnold Gesell sau nhiều năm chung sức nghiên-cứu với bạn bè, đã tìm được ít nhiều luật phát triển của trẻ. Những luật đó, được các nhà giáo-dục Âu-Mỹ dùng làm cơ-sở cho phương-pháp giáo-dục mới, mà người ta gọi là phương pháp « thuận phát » (développementalisme). Theo phương pháp nầy, nhà giáo dục không được độc đoán như hồi xưa, cũng không được cho trẻ phóng túng muốn làm gì thì làm như J.J. Rousseau, Léon Tolstoi, đã chủ-trương, mà phải tùy theo ***luật phát-triển về sinh-lý và tâm-lý của trẻ*** *để hướng dẫn chúng, sửa chữa chúng, giúp chúng thành những người biết tự trọng và trọng kẻ khác. Tóm lại, giáo dục ngày nay không phải chỉ là vấn-đề luân-lý nữa – nếu chỉ là vấn-đề luân-lý thì một tập* ***Gia huấn ca*** *của Nguyễn-Trãi hay một bài* ***Trị gia cách ngôn*** *của Chu bá Lư là đủ dùng rồi – mà là một vấn đề tâm-lý ; và các bậc cha mẹ cùng thầy dạy phải tìm hiểu trẻ về mọi phương-diện,*

tìm hiểu bằng cách nhận xét, đọc sách, thí nghiệm.

Tôi soạn cuốn nầy và cuốn ***Tìm hiểu con chúng ta*** *chính là để giúp độc giả trong công việc tìm hiểu ấy.*

Khu vực mênh-mông, không thể nào đi khắp được, cho nên ở đây tôi chỉ nghiên-cứu ít điểm căn bản mà chúng ta phải hiểu rõ để cải thiện cách dạy trẻ, rồi, trong cuốn sau, sẽ tóm-tắt những phương-pháp mà các tâm-lý gia dùng để dò xét trẻ và những kết quả của công cuộc dò xét ấy.

Khoa giáo-dục rất khó-khăn và phức-tạp. Không có ai dám tự hào là nắm được bí quyết ; cũng không có phương-pháp nào gọi là hoàn toàn. Xét cho cùng thì ở đời không có lý thuyết nào hoàn toàn được, vì nếu nhận là hoàn toàn tức thị là không tiến nữa, mà có ai dám nghĩ rằng từ nay đến khi bị tiêu diệt, nhân loại đứng hoài một chỗ trong một khu vực nào đó không ? Chẳng qua lý-thuyết nào cũng chỉ để cứu cái tệ của một thời thôi.

Vậy phương-pháp « thuận phát » mới được khai sanh đây tất nhiên không thể hoàn toàn, và nhiều lời khuyên trong cuốn nầy không thể là những quy tắc bất di bất dịch. Bạn chỉ nên coi nó như những lời dẫn dụ, đừng theo đúng nghĩa từng chữ một. Bạn phải có tinh-thần thí-nghiệm lại và phê-phán. Bản phải tự nhủ : « Người phương Tây đã thí-nghiệm và thấy kết-quả đó ; thử xem ở nước mình đúng hay không ? ». Bạn lại nên nhớ rằng về giáo dục, có khi quy-tắc tốt mà thất bại vì vấn-đề người dạy vẫn là quan-trọng hơn hết. Không sáng suốt, không kiên nhẫn, không biết thích-nghi thì phương pháp hoàn thiện cũng là vô dụng. Có nhớ hai điều đó thì đọc

cuốn sách nầy mới có ích.

Saigon, ngày 11-4-1958

PHẦN THỨ NHỨT : THỜI MỚI GIÁO DỤC MỚI

Giáo dục ngày nay không phải chỉ là vấn đề luân lý nữa.

CHƯƠNG I : CẦN ĐẶT LẠI VẤN-ĐỀ

1. Hoàn-cảnh đã thay đổi

Năm sáu ông bạn học cũ, tuổi đều gần ngũ tuần, họp mặt nhau trong một ngày xuân, sau nhiều năm xa cách. Người ta nhắc lại chuyện xưa, hỏi thăm về công-việc làm ăn và gia-cảnh của nhau, rồi lần-lần câu chuyện chuyển về vấn-đề dạy con. Hầu hết đều phàn-nàn trẻ bây giờ khó dạy quá.

Một ông bảo : « Thằng con trai lớn của tôi làm biếng học, chỉ đi chơi suốt ngày. Tôi mắng hoài nó không chừa, mới rồi giận quá phải đánh. Tôi bạt tai nó cái thứ nhất, nó cúi xuống chịu. Tới cái thứ nhì nó đưa tay lên đỡ. Tới cái thứ ba, nhìn vào mắt nó, thấy nó không còn phải là con mình nữa. Thôi, đành chịu. Tôi nhớ lại thời xưa, cũng vào cái tuổi nó, có lần bị anh tôi quất cả chục roi, mà cứ nghiến răng chịu, không dám oán hận. Bị đòn xong, còn phải khoanh tay xin lỗi anh tôi nữa chứ. Bây giờ thì phải « hàng » cái ông tướng ấy ».

Ông vừa nói câu cuối vừa ngó chung quanh xem có trẻ nào nghe được không.

Một ông khác chua-chát hơn : « Anh mới « hàng » đây, chứ tôi thì mấy năm trước, từ khi thằng Hợp của tôi 13, 14 tuổi, tôi đã không dám động gì tới nó nữa. Mỗi tháng đưa tiền học và tiền tiêu vặt cho cậu cả, rồi hỏi qua loa về sự học của nó, còn thì mặc, nó muốn làm gì thì làm. Nó suốt ngày họp bạn và mỗi tuần đi xem chớp bóng không biết mấy lần ».

Ông thứ ba chen vào : « Cũng có những đứa siêng học, nhưng ta phải nhận là tình của chúng đối với cha mẹ bây giờ

nhạt lắm. Chúng chỉ bắt cha mẹ phải có bổn-phận này, bổn-phận khác mà quên hẳn cái tình cha con đi. Tôi biết một bà cụ nọ đã gần tám chục tuổi, mà vẫn phải lọ-mọ làm lụng để kiếm tiền nuôi người con út. Cậu ta đã hai mươi lăm tuổi, đã đậu tú-tài, làm việc được một năm, rồi chê lương ít, đời không có tương lai, xin thôi việc, đăng tên vào đại-học và cụ già mỗi tháng phải ki-cóp, gởi hai ngàn đồng nuôi cậu con, để rồi gặp ai cũng phàn-nàn : Tôi sắp tới thời phải xuống lỗ rồi mà nó không biết thương tôi, bắt tôi phải nuôi nó hoài. Nó kiếm được nhiều tiền thì nó ăn nhiều, vợ nó, con nó ăn nhiều, chứ ích gì cho ai đâu ? »…

Câu chuyện kéo dài trên một giờ với cái giọng chán chường đó. Người ta đem đủ các tội đổ lên đầu thanh niên mà không chịu tìm kiếm nguyên-nhân ở đâu.

Nguyên-nhân là gia-đình Việt-Nam đã thay đổi và đời sống chúng ta đã thay đổi. Cách đây bốn chục năm, chế-độ đại gia-đình chưa bị lung-lay : ba bốn đời ở chung với nhau, người cha hoặc ông nội nắm cả kinh-tế và quyền chỉ-huy, trên ra lệnh thì dưới phải nghe, kẻ nào bướng-bỉnh cãi lại thì bị cả nhà, cả họ trị tội mà xã-hội cũng không dung thứ. Quan-niệm về thiện và ác rất giản-dị : cái gì được người trên khen, khuyên làm thì là thiện, cái gì người trên chê, cấm làm thì là ác. Đã vậy chủ gia-đình phần nhiều lúc nào cũng có mặt ở trong nhà, nhận xét từng hành-vi, cử chỉ của trẻ : trẻ được uốn nắn hằng ngày, mà không chịu nhiều ảnh-hưởng ở ngoài, cho nên dễ dạy.

Khoảng mười năm sau cuộc đại-chiến thứ nhất, một số thanh-niên ở thành thị, một phần vì chịu ảnh-hưởng của văn-

hóa Âu Tây, một phần vì có cơ hội sống ở ngoài đại gia-đình (đi học hoặc đi làm ở xa) bắt đầu thấy không-khí trong đại gia-đình hơi khó thở. Rồi nhóm **Phong Hóa, Ngày Nay** hô-hào trong báo-chí và tiểu-thuyết sự thoát-ly đại gia-đình. Tiếng chuông tuy có vang, cũng chỉ vang trong giới tân-học, và phải đợi đến cuộc đại-chiến vừa rồi gia-đình Việt-Nam mới thay-đổi mạnh từ thành-thị đến thôn quê.

Trong cuộc chiến đấu với thực dân Pháp, biết bao thanh-niên đã đặt Tổ-quốc trên Gia-đình, đã thấy quyền hồi xưa của cha mẹ đối với con cái là không hợp thời, có khi không hợp lý nữa. Họ nhận xét rồi phê bình, chỉ trích. Họ uất-hận khi thấy người lớn theo địch hoặc chỉ bo-bo tìm mọi cách duy-trì tư lợi. Như vậy thì làm sao một số cha mẹ chẳng mất uy tín đi được ? Tất-nhiên, hồi xưa, tổ-tiên ta cũng đã nhiều lần chiến-đấu với ngoại xâm, và cũng có những người chỉ biết nắng chiều nào che chiều nấy ; nhưng cơ sở của đại gia-đình còn vững-vàng mà số thanh niên phản-đối cha mẹ vì chính-kiến rất ít, nên uy-tín của người lớn không bị thương tổn nhiều. Ngày nay thì khác hẳn : trong mười gia-đình chắc-chắn có sáu, bảy gia-đình mà chính kiến của cha con, vợ chồng anh em đối chọi hẳn nhau.

Lại thêm, trẻ chịu ảnh-hưởng của gia-đình ít, mà chịu ảnh hưởng ở ngoài thì nhiều. Ở thành-thị, người cha thường chỉ gặp con trong bữa cơm, và mười người có lẽ không được một người bỏ ra mỗi tối một giờ chơi với con và săn-sóc sự giáo-dục của chúng. Thành-thử cái bổn-phận dạy con hồi xưa thuộc về người cha, ngày nay chuyển qua người mẹ. Mẹ lựa trường cho con, mẹ tiếp-xúc với cô giáo của con, mẹ coi bài

vở cho con, mẹ ký tên học bạ của con… còn cha, năm thì mười họa có mở tập của con ra coi thì gắt um lên : « Học hành như vậy hả ? Chỉ tại má mầy hết. Không biết dạy con. Tao còn lo kiếm tiền nuôi tụi bay chứ thì giờ đâu ? ».

Mà ta phải nhận rằng ít người mẹ có đủ thì giờ và khả năng để dạy trẻ và nhiều bà cho rằng con có chỗ ăn chỗ học là bổn phận của mình đã tròn. Trong khi đó trẻ chịu biết bao ảnh-hưởng khác : ảnh-hưởng của bạn-bè, của xã-hội, nhất là của báo chí, hát bóng và truyền thanh, truyền hình.

Tóm lại, vì uy tín của cha mẹ giảm đi, vì sự săn-sóc của cha mẹ không kỹ-lưỡng, vì trẻ chịu nhiều ảnh-hưởng ở ngoài hơn là trong gia-đình, nên trẻ thời nầy mang cái tiếng là khó dạy.

2. Phải thay đổi phương-pháp dạy trẻ

Sự thực, chúng có khó dạy không ? Tôi tin rằng không. Không phải chúng khó dạy, mà tại chúng ta không biết dạy chúng. Tình-thế đã thay đổi, hoàn-cảnh đã thay đổi, tâm hồn chúng đã thay đổi, mà cứ bo-bo giữ quan-niệm cũ của ta, cứ muốn uốn nắn chúng theo mẫu-mực thời xưa, cứ bắt chúng phải nén những ý-nghĩ, tình-cảm của chúng mà theo ta, phục tùng ta một cách triệt-để thụ động, thì tất-nhiên ta phải thất bại. Cho nên ta cần xét lại vấn-đề gia-đình giáo-dục.

Tôi biết, sẽ có nhiều bạn phản-đối bảo : « Chúng tôi phải « hàng » chúng tới bực đó rồi ; ông còn muốn chúng tôi « quy thuận » chúng nữa sao ? ».

Thưa bạn, dạy con sao lại nói đến chuyện « hàng ». Ta

nên bỏ tiếng đó đi, chỉ nên xét hạnh phúc của chúng và tương lai của xã hội. Mà trong nửa thế kỷ nay, hàng ngàn nhà bác học và giáo dục ở khắp thế giới, chuyên tâm nghiên cứu trẻ em, đều nhận rằng phải thay thế cách dạy trẻ, phải thuận theo sinh-lý, tâm lý và cá tính của chúng mà hướng-dẫn, sửa đổi chúng, chứ không thể nhồi chúng vào một cái khuôn đã định trước được. Điều đó, trong cuốn ***Thế hệ ngày mai****,* tôi đã đứng về phương-diện trường học mà xét ; trong cuốn này, tôi sẽ xét thêm về phương-diện gia-đình.

CHƯƠNG II : CHÚNG TA MUỐN CÁI GÌ ? QUYỀN-LỰC CỦA TA TỚI ĐÂU ?

1. Mục-đích của giáo-dục

Trước hết chúng ta phải tự hỏi : « Ta muốn cái gì ? ». Trả lời được câu hỏi đó là định được mục-đích cho giáo dục. Phải vạch rõ mục-đích rồi mới xét tới phương-pháp và phương-tiện.

Hồi xưa, các cụ theo quan niệm của Khổng giáo, cho cá-nhân, gia-tộc, quốc-gia, thiên-hạ như bốn cái khoen móc vào nhau ; hơn nữa, như bốn vòng tròn đồng tâm mà vòng nhỏ nhất là cá-nhân, vòng lớn nhất là thiên-hạ.

Câu của Khổng Tử đáp Tề Cảnh công khi ông nầy hỏi về chính-trị : « Vua theo đạo vua, bầy tôi theo đạo bầy tôi, cha theo đạo cha, con theo đạo con » (Quân quân, thần thần, phụ phụ, tử tử) ; nhất là câu về quẻ **Gia-nhân** trong kinh **Dịch** : « Cha theo đạo cha, con theo đạo con, anh theo đạo anh, em theo đạo em, chồng theo đạo chồng, vợ theo đạo vợ mà gia-đạo chánh, chánh gia-đạo thì thiên hạ định » (Phụ phụ, tử tử, huynh huynh, đệ đệ, phu phu, phụ phụ, nhi gia đạo chánh, chánh gia nhi thiên hạ định hỹ), đều có ý cho gia-tộc là một cơ quan của quốc-gia, có tính-cách chính-trị. Gia-đình đã là một tiểu tổ chính-trị thì cá nhân tức là một cán bộ chính trị có nhiệm vụ giữ trật tự trong xã hội, cho nên Chu tử mới nói : « Cha con yêu nhau, gốc là việc công ».

Dưới một chế độ như vậy, cá nhân tất phải chịu uốn nắn,

nhồi nặn theo một kiểu mẫu đã định sẵn, không thể được tự do phát triển. Đã đành, nhà cầm quyền hồi xưa cũng lo hạnh phúc cho cá nhân, nhưng cho rằng hạnh phúc đó nằm trong hạnh phúc của quốc gia, và cá nhân phải hy sinh hạnh phúc của mình cho hạnh phúc của đoàn thể.

Nền giáo dục đó là nền giáo dục một chiều, giáo dục con người vì gia đình, vì xã hội chứ không phải vì con người. Chẳng những phương Đông chúng ta mà hết thảy các nước ở phương Tây cũng đã trải qua giai đoạn ấy, cũng đàn áp cá tính cùng nhu cầu của trẻ để bắt chúng sống theo đường lối của ta.

Nhưng từ khi Jean Jacques Rousseau viết cuốn **Emile** (thế kỷ 18), Pestalozzi, người Thụy Sĩ viết cuốn **Comment Gertrude instruit ses enfants,** Léon Tolstoi sáng lập lớp học tự do, quan niệm cũ đã bị chỉ trích kịch liệt, và trên nửa thế kỷ nay, các nhà tân giáo dục như John Dewwey (Mỹ) Helen Parkhust và Wasburn (Mỹ), Montessori (Ý), Decroly (Bỉ), Froebel (Đức), Clarapède (Thụy-sĩ), Adolphe Ferrière (Thụy-sĩ), Alfred Binet (Pháp), Freinet (Pháp)… đã thực hành một phương pháp mới, dựng trên quy tắc nầy : « **Cá-tính của trẻ em là thiêng-liêng ; nhu cầu của trẻ phải là nền tảng cho chế-độ giáo dục** » [1] ; và mục-đích của **giáo-dục** là dựa theo những luật phát triển về sinh lý và tâm lý của trẻ để hướng dẫn chúng, dự bị cho chúng vào đời, hầu làm cho « mỗi người trở nên một vật sung sướng cho chính mình và cho đồng loại » [2]. Quan niệm đó, tôi đã trình bày kỹ trong cuốn **Thế hệ ngày mai**, ở đây xin miễn xét lại.

2. Quyền lực của chúng ta có hạn

- Ta không thể uốn-nắn trẻ ra sao tùy ý.

- Ta không thể tránh hết những sự xung đột giữa trẻ và ta.

- Ta không thể đi ngược những luật tự nhiên.

- Ta không thể làm trái với bẩm chất và cá tính của mỗi trẻ.

Đã vạch mục-đích rồi, đã biết ta muốn cái gì rồi, lại phải biết ta không làm được cái gì nữa. Những vị cha mẹ quá nghiêm khắc luôn luôn phàn nàn về con cái, là những người trông cậy nhiều quá ở giáo dục và không thấy được giới hạn quyền lực của mình.

Khổng Tử, một trong những nhà mô phạm và nhà tâm lý sâu sắc nhất cổ kim, đã có lần thất vọng phải nhận rằng không thể sửa đổi tính tình hạng hạ ngu được [3] vì họ mê muội, không thấy điều phải, hoặc thấy mà không làm. Quan niệm đó hơi bi quan. Theo tôi, hạng đó vẫn có thể giáo hóa được, nhưng tới một mức nào thôi, và phải tốn rất nhiều công phu.

Hạng trung nhân trở lên, dễ chịu ảnh hưởng của giáo-dục hơn ; tuy nhiên, cũng không phải như một cục đất, một thanh sắt, muốn nặn, đập theo mẫu nào cũng được. Cả những trẻ em ngoan ngoãn nhất, dễ bảo nhất, cũng phản ứng với giáo dục bằng cách nầy hay cách khác.

Lại thêm, hai thế hệ già và trẻ – tức thế hệ của cha mẹ, thầy học với thế hệ của con cái, học sinh – thường tương phản nhau về tính-tình, tư tưởng, do đó phát sinh những sự

xung đột mà bực cha mẹ sáng suốt phải giải quyết một cách khéo léo, chứ không được bi quan, thất vọng, hoặc nhất định cương quyết ngăn cản mọi phản ứng. Luật xung-đột đó rất tự nhiên, dù muốn hay không, ta cũng phải nhận nó và quyền lực của ta trong sự dạy trẻ do đó giảm đi một phần nữa.

Một mặt khác, những luật phát triển về sinh-lý và tâm lý của trẻ cũng phải được tuân theo. Chẳng hạn về sinh lý, trẻ tới tuổi dậy thì, trai cũng như gái, thay đổi rất mau, mà tính tình chúng cũng khác trước : chúng sinh ra làm biếng, hoặc gắt gỏng, mơ mộng, bướng bỉnh, ít nói, dễ vui, dễ buồn… Nếu ta không chịu nhận những biến đổi rất tự-nhiên, bình-thường đó, mà rầy la trẻ, bắt chúng phải luôn luôn như ý muốn chúng ta thì kết quả tất tai hại, một là chúng oán ta, hai là chúng hóa chán đời, tủi phận.

Trí khôn của trẻ cũng phát triển theo những luật gần như nhất định : tám tuổi mới biết học tính và *hiểu* được ba lần bốn là mười hai (tôi nói những trẻ thông minh trung bình), lần lần biết lý luận một cách cụ thể ; mười một, mười hai tuổi mới bắt đầu quan niệm được những cái trừu tượng, mới hiểu thế nào là lòng nhân từ, công bằng… ; nếu ta bắt chúng mới chín tuổi, đã phải hiểu một bài toán về tỉ lệ ngược hoặc phân biệt nhân với nghĩa thì chính ta ngu độn chứ không phải là trẻ ngu độn.

Vậy muốn dạy trẻ, ta phải tùy theo sự phát triển của chúng. Không những thế, ta còn phải tùy theo bẩm chất và cá tính của mỗi em. Tôi xin cử một thí dụ để bạn thấy sự hiểu biết trẻ quan trọng ra sao.

Ai cũng nhận thấy rằng có những trẻ mới sinh ra đã ốm yếu, cân chỉ được trên 2 kí-lô, xương, bắp thịt ngực đều nhỏ. Những em đó, dù được săn sóc, tẩm bổ tới bực nào thì lớn lên cũng không sao lực lưỡng được. Trái lại, một hạng trẻ khác, mới sanh đã nặng gần bốn kí lô, ngực nở, xương to. Hạng trẻ đó sau tất thành những lực sĩ, mặc dầu sự doanh dưỡng không được hoàn hảo. Ngoài ra, còn một hạng trẻ thứ ba hồi nhỏ cũng ốm yếu như hạng trẻ thứ nhất, song tới tuổi dậy thì, chúng phát triển rất mau, to lớn, cao vọt lên, chỉ trong ít năm, theo kịp hạng thứ nhì. Vì không hiểu tiết điệu đặc biệt của các hạng trẻ, mà biết bao cha mẹ lo lắng khi thấy trẻ làm biếng ăn, và cố tìm mọi cách ép trẻ ăn cho kỳ được. Ở Âu-Mỹ, người ta đã làm thống kê và thấy 80% trẻ trong các gia đình phong lưu đều biếng ăn, mà hầu hết đều bị người lớn mỗi bữa mỗi nhồi cho đủ một lượng thức ăn nhất định. Họ tưởng rằng con họ ốm yếu vì ăn ít, và nếu không bắt chúng ăn thì chúng sẽ đau, có biết đâu rằng càng ép chúng, chúng càng sợ ăn, bộ tiêu hóa của chúng càng dễ bị bệnh, còn như cứ để chúng tự do ăn uống đừng làm ngược lại với tiết điệu phát triển tự nhiên của chúng, thì chúng lại mạnh khỏe.

Nuôi trẻ, ta phải theo bẩm chất của mỗi đứa mà dạy trẻ thì cũng vậy. Ta không thể bắt con ta mười tuổi phải ngồi lớp nhất vì thấy con một ông bạn mười một tuổi đã đậu tiểu học. Ta cũng không thể bắt con ta phải học y khoa vì lẽ trong nhà ta đã ba đời làm thầy thuốc.

Tóm lại, ta phải tùy theo trẻ mà hướng dẫn, uốn nắn, chứ đừng bắt trẻ phải theo ý muốn của ta ; phải nhớ rằng trẻ tuy

là giọt máu của ta thật đấy, nhưng không phải là ta, mà trẻ con lại cũng không phải là người lớn. Muốn vậy ta phải *hiểu những luật phát triển chung của tuổi thơ và hiểu bẩm chất cùng tính tình riêng của mỗi trẻ.* Vấn đề đó rất quan trọng và rất phức tạp, cho nên tôi sẽ nghiên cứu riêng trong cuốn *Tìm hiểu con chúng ta* và chỉ xét trong cuốn nầy những quy tắc chính về gia đình giáo dục và những cách sửa vài tật thông thường nhất của trẻ em.

Nhưng trước khi qua chương sau, tôi xin nhắc lại những điểm cốt yếu tôi vừa mới bàn :

- dạy trẻ là hướng dẫn trẻ, dự bị cho chúng vào đời, để mưu hạnh phúc cho chúng và xã hội.

- ảnh hưởng của giáo dục không phải là vô biên : ta chỉ có thể sửa đổi trẻ tới một mực nào thôi, và trong khi giáo hóa, ta không thể đi ngược những luật tự nhiên về sinh lý, không thể làm trái với bẩm chất và cá tính của mỗi trẻ : mà cũng không thể tránh hết những sự xung đột giữa trẻ và ta được.

CHƯƠNG III : TRẺ KHÔNG PHẢI CHỈ SỐNG BẰNG SỮA MÀ CÒN SỐNG BẰNG TÌNH YÊU

1. Sinh tố « tình yêu »

Rose Vincent và Roger Mucchielli, trong cuốn *Comment connaître votre enfant,* nói trẻ có ba nhu cầu cốt yếu : nhu cầu được yêu, nhu cầu được yên ổn và nhu cầu tự bảo-vệ. Theo tôi, tự bảo vệ là một bản năng chứ không phải là một nhu cầu ; và trẻ chỉ có mỗi một nhu cầu là được yên ổn sống để phát triển một cách đầy đủ. Nhưng muốn được yên ổn sống, trẻ phải có cảm tưởng là được người lớn yêu mến nâng niu. Rốt cuộc nhu cầu được yên ổn và nhu cầu được yêu chỉ là một.

Các nhà nghiên cứu về nhi đồng giáo dục gần đây đã phát minh điều rất quan trọng nầy là *trẻ không phải chỉ sống bằng sữa mà còn bằng tình yêu.* Những công việc của Spitz ở Nữu ước, của Bowlby ở Luân Đôn, của bà Audry ở Ba Lê đều chứng tỏ rằng tình âu yếm cần thiết cho sự phát triển của trẻ, như một sinh tố. Thiếu tình đó, trẻ ăn uống không tiêu, chậm lớn, kém thông minh, dễ bị bịnh và tử suất của chúng (tức số trung bình cứ 100 trẻ thì có bao nhiêu trẻ chết) cũng tăng lên nhiều. Nhờ nhận xét đó, người ta mới hiểu hiện-trạng lạ lùng nầy là các trẻ dưỡng bệnh lâu trong các nhà thương, mặc dù được đủ tiện nghi, đủ thuốc thang, mà vẫn èo ọt, ốm yếu hơn những trẻ dưỡng bệnh tại nhà.

Trong một nhà hộ-sinh kiểu mẫu nọ ở Mỹ, người ta nuôi một nhóm trẻ mới sanh với những điều kiện cực kỳ hoàn hảo và theo đúng những quy tắc vệ sinh. Người ta cho chúng sống cách biệt nhau, để tránh vi trùng. Các nữ điều dưỡng chỉ được rờ mó chúng khi nào thực cần thiết, như khi thay đồ, tắm rửa, cho bú. Thức ăn được tính toán kỹ lưỡng tùy theo nhu cầu của mỗi trẻ, bệnh tật được đề phòng và điều trị bằng những phương pháp tối tân. Vậy mà những trẻ đó không lên cân nhiều, không mạnh khỏe bằng những trẻ ở ngoài, sống trong những gia đình thiếu thốn, tại những xóm tối tăm, bẩn thỉu. Các y sĩ không hiểu tại sao, sau ra công nhận xét, thí nghiệm trong một thời gian mới thấy rằng nguyên nhân chỉ do những trẻ đó thiếu sinh tố tình yêu. Tức thì, trên mỗi cái nôi, người ta treo một tấm thẻ với hàng chữ : *Mỗi ngày phải âu yếm trẻ một giờ.* Từ đó, các nữ điều dưỡng được quyền bồng bế, hôn hít, nựng chúng, chuyện trò, chơi đùa với chúng. Kết quả hoàn toàn thay đổi : trẻ bú nhiều hơn, mau lớn, vui vẻ và tinh anh hơn.

Bác sĩ Spitz đã quay một phim rất bổ ích cho các bà mẹ về các cách cho trẻ bú : lúc thì người mẹ miễn cưỡng cho bú, lúc thì quạo quọ, lúc lại lo lắng hoặc chán chường. Có khi mới cho bú thì giật ra một cách vội vàng, có khi cứ cho bú một chút lại bắt trẻ ngưng… Những thái độ đó đều ảnh hưởng lớn tới trẻ : trẻ kém bú, mất sức, xuống cân, tiêu hóa xấu, ụa, mửa… *Óc của chúng chưa hiểu được gì đâu, nhưng từng thớ thịt, từng mạch máu, từng sợi gân của chúng đều cảm thấy rõ ràng rằng người ta không yêu chúng, chúng không được yên ổn ;* trọn cơ thể chúng khổ sở, mà màu mơn mởn trên

má chúng lần lần phai, nụ cười hồn nhiên trên môi chúng lần lần biến mất.

Cô Anna Freud cũng ghi chép minh bạch những kết-quả trong các nhà dưỡng nhi. Cô bảo : Cách thức nuôi trẻ trong các nhà đó có lợi cho trẻ trong năm tháng đầu : trẻ ít bệnh, mau lớn hơn trẻ trong những gia-đình thợ thuyền. Nhưng từ tháng thứ sáu trở đi thì trẻ thua kém hẳn trẻ ở ngoài, kém tinh nhanh, hoạt động. Qua năm thứ nhì, trẻ chậm nói hơn. Về tư cách thì lớn lên chúng có bề ngoài lễ-phép, đàng hoàng, nhưng dù được dạy dỗ tận tâm tới bực nào, chúng cũng là hạng mất gốc, không hơn hạng trẻ thiếu giáo dục là mấy.

2. Không gì thay thế được gia-đình

Trong những nhà dưỡng nhi đó, trẻ không phải là hoàn toàn thiếu sinh-tố tình yêu, vì cũng có những nữ điều dưỡng, những bà phước yêu trẻ như con đẻ ; nhưng trẻ vẫn âm-thầm nhận thấy mình không phải là con của ai cả ; chúng vẫn khát khao cái không khí gia đình mà cái không khí đó, không có gì thay thế nổi.

Trong tạp chí *Sélection du Reader's Digest,* số tháng hai năm 1957, Morton Hunt sau khi phỏng vấn hàng chục nhà chuyên môn về vấn đề thanh niên, viết một bài để kết-luận rằng loài người chưa tìm ra được một cơ quan giáo-dục nào để thay thế gia đình.

Trường học, giáo đường, trại thanh niên… đều có ích lợi, nhưng trong sự đào tạo tư cách thì gia đình vẫn giữ vai quan

trọng nhất.

Ông bảo : « Các tâm lý gia đều nhận rằng *chính trong năm đầu,* trẻ mới sanh, tùy không khí trong gia đình mà khuynh hướng yêu người của trẻ được nẩy nở hay bị tiêu diệt. Nếu chúng được luôn luôn âu yếm, đói được ăn, buồn được an ủi, thì lòng tin cậy và yêu mến người khác của chúng phát triển dần dần… Chính vì yêu cha mẹ mà chúng nghe lời, tập những đức mà cha mẹ dạy chúng. Không một công cuộc, một nhà chuyên môn nào thay thế được tình yêu đó ».

Rồi ông đưa ra một chứng cớ : « Trong đại chiến vừa rồi. Chính phủ Anh tản cư hàng ngàn trẻ con ở Luân Đôn về miền quê để tránh bom đạn, cho chúng sống trong những đoàn thể và săn sóc chúng rất chu đáo. Người ta nhận thấy chúng tập được nhiều đức ; dễ tuân lệnh trên, biết chiều đãi kẻ khác, có tinh thần bằng hữu ; nhưng những đức đó không ăn sâu trong tâm hồn chúng, chỉ như lớp sơn bề ngoài và chỉ ít lâu sau khi ra khỏi đoàn thể là mất gần hết ».

3. Ảnh-hưởng và sức mạnh của tình yêu

Tình yêu có ảnh hưởng mạnh mẽ lạ lùng, đến nỗi tiếng nói của trái tim có thể át được tiếng nói của huyết thống.

Người ta kể chuyện một thiếu phụ Thụy sĩ nọ sanh đôi và một trong hai đứa bé bị đánh tráo mà bà không hay. Sáu năm sau, hai bà mẹ mới nhận thấy sự thực, đổi con cho nhau nhưng không bao giờ quên được chúng, vẫn thương chúng hơn con thiệt của mình. Một bà luôn-luôn nhớ lại nét mặt, hình bóng của đứa con giả, bảo nó giống chồng bà như đúc.

Còn bà kia thì nói : « Tôi thấy gần đứa con trước (tức đứa con giả) hơn. Tính nó giống tính tôi và các em trai tôi hồi nhỏ : cũng nhanh nhẹn thích bạn-bè, hay gây lộn. Tới hình dáng, nước da, cặp mắt nó cũng giống tôi nữa ».

Mà sự thực gần đúng như vậy, chứ không phải hai bà mẹ đó hoàn-toàn tưởng tượng đâu. Tình yêu thay đổi trẻ từ tính tình đến hình dáng : cả tâm hồn và cơ thể của chúng như tiêm nhiễm hình ảnh người đã nuôi chúng và âu yếm chúng. Ta chẳng thấy nhiều trẻ giống vú già nuôi chúng hơn là giống mẹ chúng đó ư ?

Câu chuyện dưới đây, xảy ra độ mười năm nay còn chứng thực điều đó một cách rõ ràng hơn nữa. Một nhà tu hành Ấn-Độ một hôm gặp trong rừng hai đứa bé gái, một đứa khoảng 2 tuổi một đứa khoảng 8 tuổi. Chắc cha mẹ chúng đã bỏ chúng hoặc lạc chúng và chúng được một con chó sói cái cho bú. Chúng sống y như loài thú rừng. Ông động lòng, đem về nhà nuôi. Từ đó, chúng khổ sở vô cùng. Đứa nhỏ không sao tập đi được và chỉ một năm sau ủ rũ rồi chết. Đứa lớn kéo dài đời sống khốn nạn thêm được chín năm, mà chỉ học nói được bốn mươi sáu tiếng thôi.

Trẻ con, trung bình sanh được năm, sáu tháng rồi mới nhận được mẹ. Khi chúng đã nhận được mẹ rồi thì hình ảnh của mẹ chúng – hay người cho chúng bú trong năm sáu tháng đó – không khi nào phai mờ trong trí não chúng nữa.

4. Khi trẻ thiếu tình yêu

Sự thiếu tình yêu của mẹ tai hại cho trẻ vô cùng. Bác sĩ

Jenny Aubry ở Trung-tâm thiếu nhi quốc-tế tại Longchamp nói rằng trong cái khoảng trẻ được 5 đến 15 tháng, nếu thiếu sự săn-sóc của người mẹ một thời gian khá lâu, thì hại cho trẻ cũng bằng trẻ bị bịnh kinh niên mỗi ngày mỗi nặng vậy.

Dù nuôi nấng, săn sóc mà không yêu chúng hoặc để cho chúng có cảm-tưởng rằng chúng không được ta âu yếm, thì cái hại cũng rất lớn.

Một bà mẹ tối nào cũng hôn con trước khi cho con đi ngủ một hôm vì lo lắng hay đau yếu, quên lệ đó. Chỉ bấy nhiêu cũng đủ cho trẻ buồn hoặc giận dỗi rồi. Một lần chưa sao, nếu mười, mười lăm lần như vậy, là trẻ bắt đầu có mặc cảm bị ghét bỏ, và tính tình thay đổi hẳn : hóa xấu tính, bướng bỉnh, làm biếng, nói dối, ăn cắp, ghen ghét anh chị em, rồi oán lây tới cả mọi người.

Gần đây các bác-sĩ đã nghiên-cứu những trẻ mà cha mẹ bắt thôi bú một cách quá đột ngột. Chúng đều có cảm-tưởng bị xa mẹ, mặc dầu mẹ chúng vẫn săn-sóc chúng, vì chúng mất cái vui được bú, được nằm trong lòng người mẹ, được gần cái hơi người mẹ. Những trẻ đó thường bị bệnh tiêu-hóa, mà từ trước người ta cứ tưởng rằng vì chúng chưa quen với cháo, với bột : sự thực thì một phần lớn do chúng buồn rầu tưởng rằng mẹ chúng bỏ bê chúng.

Ở trên, tôi đã nói trẻ cảm được bằng tất cả những thớ thịt trước khi chúng hiểu biết. Cảm tưởng đó rất mãnh liệt. Khi một đứa trẻ tưởng rằng ta không yêu nó nữa, thì ta có tìm mọi cách để giảng-giải rằng ta vẫn yêu chúng, cũng là vô ích. Thành-thử đối với trẻ, ta càng phải giữ ý hơn là đối với người

lớn, nhất là khi chúng ta khó tưởng-tượng được nỗi buồn rầu, đau khổ của trẻ âm thầm tới bực nào.

M. Sylvestre trong một bài đăng ở tạp chí *Constellation,* số tháng tám năm 1952, kể chuyện một em gái ở miền Ba-lê có tính làm đỏm, mượn của một bà cô một cây kim gài nhận hột xoàn, để đeo trong dịp làm lễ ban thánh thể lần đầu, rồi vô ý đánh rớt đâu mất. Bà cô tỏ vẻ không quan-tâm tới sự đánh mất đó, nhưng cha mẹ em rầy la em dữ, bắt em phải thường. Luôn trong bốn năm, em can-đảm chịu mọi thiếu thốn, không nhận quà No-en, không nhận xe máy của cha định mua cho, nhịn đi coi hát bóng, đi du lịch, nhịn cả ăn mặc, để dành từng đồng một để mua cây kim gài khác thường lại bà cô. Bà cô thấy vậy, rầy : « Cháu điên hả ? Tội nghiệp, chịu nhịn mọi thứ trong bốn năm như vậy ? Thực là gàn ! ».

Em bé òa lên khóc, rồi cầm cây kim gài ra về. Cha mẹ em khen em lắm. Nhưng đêm đó, em lén mở cửa đi, ra bờ sông, gieo mình xuống nước, sau khi để lại cho cha mẹ hàng chữ nầy : « Đời sống vô nghĩa quá ! Ba má hiểu cho con chứ ? ».

Cuối chuyện đó, tác giả trách em đã lầm lộn một sự rủi ro, một sự hiểu lầm với đời sống. Ý ông cho rằng cha mẹ em chỉ muốn dạy em đừng làm đỏm, cho nên để em mua cây kim gài khác trả bà cô, chứ không có lòng nào bắt em phải chịu khổ. Vâng, đúng như vậy, nhưng bài học đó cũng quá nghiêm-khắc, mà lòng của cha mẹ em thực cũng là sắt đá.

Cũng trong bài đó, ông M. Sylvestre còn kể vài chuyện tự tử khác nữa. Một em trai 13 tuổi, tự tử bằng súng lục sau khi

để lại bức thư nầy cho cha : « Thưa ba, xin ba đừng buồn vì cái chết của con. Con tự tử vì con muốn chết. Ba đừng tìm hiểu tại sao. Đây là di chúc của con : con không muốn cho một vật nào của con về tay em Marius hết : con ghét nó vô cùng, ghét tận đáy lòng. Ba đừng khóc con. Con chết đi là sướng ».

Một em gái mười ba tuổi ở Grenoble, vui-vẻ đi chợ với mẹ, rồi bị mẹ rầy một cách nhục-nhã trước mặt một người hàng xóm, tủi thân, nhảy xuống sông Isère tự tử.

Toàn là do những nguyên nhân mà người lớn chúng ta cho là « con nít » hết, nhưng sự thực là thế đấy, và nhiều tâm-lý gia Pháp đã lo ngại khi thấy số trẻ em tự-tử mỗi năm một tăng : năm 1949, sáu mươi tám em dưới hai chục tuổi ; năm 1950, một trăm em ; năm 1951, một trăm ba mươi bốn em. Ấy là không kể nhiều vụ trẻ em tự trầm mà người ta khai là chết rủi-ro, để khỏi làm buồn lòng cha mẹ. Lại nên nhớ thêm rằng, cứ một vụ tự-tử mà chết, phải tính ba hoặc bốn vụ tự-tử hụt.

Ở nước ta, tôi không được rõ người ta có làm thống kê về những vụ đó không, nhưng cứ chỗ tôi biết thì trong mười gia-đình có lẽ chỉ được một gia-đình mà con cái không hề tủi thân, oán cha mẹ.

Mà cái đập kiên-cố nhất để ngăn làn sóng tự-tử của trẻ là tình thương của ta. Chúng ta thường bảo : « Cái tuổi thơ đó, vô tư vô lự ». Lời đó rất sai. Tuổi thiếu niên chính là cái tuổi thấy đau khổ thấm-thía nhất, dễ thất vọng, chán đời nhất ; và sự bất công, sự quá nghiêm-khắc của cha mẹ là nguyên-

nhân chán đời thường thấy nhất. Mà bất công và quá nghiêm-khắc đều là không yêu trẻ hoặc không biết cách yêu trẻ.

Sự thực nhiều khi bi thảm thật, và ta không có quyền tự bịt mắt để khỏi thấy, vì dù là uốn một cành cây, đập một thỏi sắt, ta cũng còn phải để ý đến sức phản ứng của nó, huống-hồ là dạy trẻ.

Tuy nhiên, để ý đến phản ứng không có nghĩa là phóng nhiệm, bỏ hết cả kỷ-luật. Trong phần sau, tôi sẽ xét về vấn-đề kỷ-luật.

PHẦN THỨ NHÌ : VẤN ĐỀ KỶ LUẬT

« Chỉ có cách tuân theo thiên-nhiên mới sai khiến được thiên-nhiên ». **Francis Bacon**

CHƯƠNG I : TỰ DO TRONG KỶ LUẬT

1. Tự do và kỷ luật

- Không có tự-do hoàn toàn.

- Người ta cần có cảm giác tự do hơn là tự do.

- Trẻ phải được tự do phát triển theo luật thiên nhiên.

Bàn về giáo-dục thì phải xét vấn-đề kỷ luật, mà muốn xét vấn-đề kỷ-luật thì phải định-nghĩa thế nào là tự-do.

Tôi không muốn bước vào địa hạt chính-trị, trong đó vấn-đề tự-do đã làm phí biết bao giấy mực, và làm đổ biết bao máu : nhiều nước dân chủ đã tự phong cho mình cái mỹ-hiệu là thành-trì của tự-do, mặc dầu những dân nghèo của họ, tức 90 phần 100 dân số hay hơn nữa, bị bó buộc đủ thứ chỉ vì cái tội nghèo ; mà những nước độc tài lại càng lớn tiếng hô-hào dân chúng chiến-đấu cho tự-do, và để có đủ sức mạnh chiến-đấu, dân chúng phải hy-sinh tất cả những tự-do căn bản của con người. Ở đây, tôi chỉ đứng trong phạm-vi giáo-dục, và nhắc bạn ba điều căn-bản bạn cần nhớ kỹ về quan-niệm tự-do mỗi khi dạy trẻ.

Điều thứ nhất : Con người không khi nào được tự-do hoàn toàn, muốn làm gì thì làm. Luôn-luôn hành-vi của ta bị hạn-chế, do những luật thiên-nhiên, những luật xã-hội hoặc năng lực của bản thân ta. Có khi ta tự cho là được tự-do, mà sự thực ta bị lệ thuộc mà không biết ; tức như tâm trạng các ông bù nhìn, tự đắc về uy quyền của họ khi họ quên những sợi dây nó giật họ ; hoặc như tâm trạng một anh nghiện rượu, không nghe lời cấm đoán của bác sĩ, tưởng như vậy là

muốn làm gì thì làm, có ngờ đâu rằng mình chỉ là nô lệ của ma men. Vậy sự tự-do có tính-cách từng phần và rất tương đối. Cho nên trẻ đi chưa vững mà đòi tập xe máy, và ta cũng cho trẻ tập để tôn trọng tự-do của trẻ thì hành động của ta hoàn toàn vô ý thức.

Điều thứ nhì : Quan niệm về tự-do tuy phức-tạp, mập-mờ, song **cảm-giác tự-do thì rõ rệt và giữ một địa-vị quan trọng trong đời sống chúng ta.** Loài người tìm cảm-giác tự-do hơn là sự tự do, và không phải trình độ tự-do của ta tăng mà cảm giác đó cũng tăng theo đâu. Nhiều thanh niên sống trong những gia đình nghiêm-khắc mà không thấy rằng mình bị câu thúc, cho tới khi uy-quyền của gia-đình bớt đè nặng, họ mới oán trách cha mẹ.

Nhu cầu cảm-giác tự-do đó, khéo áp-dụng thì kết-quả rất thần hiệu, ngay cả với người lớn. Trong đại chiến vừa rồi, chính phủ Mỹ muốn tiết-kiệm số thịt ăn trong dân-gian để gởi qua giúp các nước đồng minh. Chính-phủ phải làm sao cho các bà nội-trợ đừng bỏ phí những miếng thịt mà từ trước họ chê là không ngon và không thèm mua.

Người ta thí-nghiệm hai cách :

- Cách thứ nhất là cho nhiều nhà hùng biện diễn thuyết, dùng phim chiếu bóng, hình tô màu để chứng-minh một cách toán-học cho các bà nội-trợ thấy rằng những miếng thịt ấy chẳng những rẻ, bổ mà dùng nó còn là tỏ lòng ái quốc, giúp nhà cầm quyền một cách đắc-lực để thắng bọn độc-tài Hitler và Mussolini. Các bà nội-trợ chăm-chú nghe một cách rất lễ-phép nhưng vẫn không bỏ tập-quán cũ, vì vẫn nghi ngờ, có

cảm-tưởng là bị hạn-chế, cấm-đoán một cách gián tiếp.

- Cách thứ nhì hiệu-quả hơn gấp mười. Người ta không tốn công chứng minh, mà chỉ trình-bày vấn-đề để các bà tự giải-quyết với nhau. Ai cũng có quyền đưa ý-kiến ; nhân-viên của chính-phủ chỉ giữ một địa-vị cố vấn, chứ không xen vô, đưa ý-kiến của mình ra. Như vậy các bà có cảm tưởng là mình được tự-do, vui-vẻ bàn bạc với nhau và hiểu rằng trong vấn-đề đó, các bà phải quyết-định lấy, và các bà đã quyết định theo ý muốn của chính-phủ.

Đối với trẻ cũng vậy, ta phải cho chúng có cảm-giác rằng chúng được tự-do, thì chúng sẽ sung-sướng và dễ bảo. Chẳng hạn, ta muốn cho chúng đừng làm ồn, để ta ngủ thì ta đừng nạt : « Đứa nào làm ồn, mất giấc ngủ của ba thì bị mười roi », mà bảo chúng như vầy : « Các con không buồn ngủ, không thích ngủ trưa, phải không ? Ba để các con tự do chơi. Nhưng ba lại buồn ngủ và cần phải ngủ, vì đêm ba thức khuya đọc sách. Nếu các con chơi mà ồn quá thì ba ngủ không được, mà nếu ba bắt các con đi ngủ để nhà cửa yên ổn cho ba ngủ được, thì các con không được chơi. Chúng ta phải làm sao bây giờ cho các con vẫn được chơi mà ba vẫn ngủ được ? ». Như vậy, tất nhiên chúng sẽ thấy ngay giải-pháp, tự đặt kỷ-luật rồi giữ đúng kỷ-luật đó.

Điều thứ ba : Muốn có cảm-giác tự-do thì mỗi **trẻ phải được phát triển theo đúng luật thiên nhiên và giữ được cá tánh của nó.** Tuổi lên ba lên bốn là tuổi ham chạy nhảy mà ta bắt trẻ phải khoanh tay dựa cột nghe người lớn nói chuyện Nghiêu Thuấn, Khổng Tử, Mạnh Tử hàng giờ, thì trẻ tất nhiên thấy khó chịu, bực bội. Hoặc trẻ không thích văn

chương, chỉ thích máy móc, mà ta bắt chúng phải chuyên tâm luyện văn thì chúng rất khổ sở, một là ỳ ra, hai là hóa giả-dối, và không được chút kết-quả gì.

Đó là điểm mà tân giáo-dục khác cựu giáo-dục. Hồi xưa, người ta có quan niệm « xã-hội » về kỷ-luật, uốn nắn trẻ theo những quy-điều, mẫu-mực của xã-hội, mà không cần biết phản ứng ở trẻ ra sao. Ngày nay, người ta có quan-niệm khoa học, tìm hiểu sinh-lý và tâm-lý của trẻ mà hướng chúng, rồi tùy sự phát triển của chúng mà bớt sự hướng dẫn đó đi, để chúng lần-lần tự hành-động lấy, tự lãnh lấy trách-nhiệm. *Ngày xưa, dạy dỗ là rập khuôn ; ngày nay, dạy dỗ là giải-phóng lần lần.*

2. Quan niệm tự do trong giáo dục của Tolstoi

Nhưng giải phóng không có nghĩa là phóng-nhiệm như J.J. Rousseau và L. Tolstoi đã chủ-trương. Cách đây gần đúng một thế-kỷ, Tolstoi mở trong điền của ông một trường để dạy con nông dân, và sáng lập một nguyệt san giáo khoa để đả đảo chế-độ giáo-dục đương thời. Ông viết : « Từ xưa đến nay, bất kỳ dân tộc nào cũng nhận trẻ em là ngây thơ, trong sạch, là hiện thân của cái thiện, cái chân, cái mỹ. Chúng sinh ra đã hoàn toàn rồi… Không ai có quyền bắt chúng phải nhận một nền giáo-dục nào cả. Giáo dục theo quan niệm ngày nay là uốn nắn con người theo một kiểu đã định trước. Quan niệm đó đã không có kết quả, không thể thực-hiện được mà còn phi-pháp… Không ai có quyền đào luyện ai. Tôi phủ nhận quyền đó. Trường học và văn-minh chỉ làm trẻ hư thôi… Phải để cho trẻ giữ tánh tự nhiên của chúng, phải để cho chúng tự

đào tạo lấy chúng. Cá nhân có quyền tự do phát triển, và ta phải để cho học sinh tùy ý, muốn học cái gì thì học, khi nào thích thì học, không thích thì thôi ».

Lớp học của ông chỉ là một nơi cho trẻ em tụ họp, chơi với nhau, và khi chúng hỏi, ông thầy mới giảng. Ngay như học đọc, học viết, học tính cũng không phải là cần thiết và bó buộc. Ông cho trẻ muốn làm gì thì làm : đóng bàn, cuốc đất, trồng cây, nuôi súc vật… để chúng phát triển tất cả thiên-tư của chúng. Lạ nhất là một văn-sĩ như ông, lại chủ trương cho học-sinh diễn-tả tư-tưởng cách nào cũng được, không bắt lỗi ngữ pháp, không buộc phải theo những quy tắc hành văn, nhất là không phải thuộc lòng những bài kiểu mẫu.

Trong lịch trình tư tưởng của nhân loại, muốn đả đảo một chế độ cũ, các nhà lý thuyết bao giờ cũng hăng hái, tiến quá cái mức tự nhiên, rồi lần lần tình-hình ổn định lại, tư-tưởng được trung hòa. Rousseau và Tolstoi đều đã quá khích, đưa ra một cực đoan mới để thay thế một cực đoan cũ. Cả hai đều nhận thấy nhu cầu tự do của trẻ mà không biết rằng trẻ cũng có *nhu cầu câu-thúc* nữa.

Trẻ yếu ớt, cần sự che chở. Nếu ngay từ hồi trẻ mới sanh, ta theo quan niệm của Rousseau và Tolsoi, cho trẻ tự do muốn làm gì thì làm, thì chắc chắn là mười đứa không nuôi được một. Cả khi chúng lớn lên cũng vậy, chúng tò-mò muốn đốt xăng ở trong một căn nhà lá chẳng hạn mà ta không ngăn cản chúng, thì hại cho chúng và cho chúng ta biết bao. Cho nên sự câu thúc là cần thiết : nó che chở cho trẻ, mà cũng che-chở xã-hội.

Theo nhiều tâm lý gia, thì trẻ cảm thấy ngấm ngầm sự cần thiết đó. Nếu ta không cấm đoán chúng, để chúng hoàn-toàn tự do, thì chúng thấy hoang-mang, khổ sở, như bị ta bỏ bê rồi chúng sợ. André Berge trong cuốn *La liberté dans l'éducation* (Edition du Scarabée) kể chuyện một em tám chín tuổi nọ, nằng-nặc đòi cha mẹ cho đi học một mình, khỏi có người dắt, tới khi đi được một mình thì hoảng-hốt, và sau thú thực : « Tự do, nó làm tôi sợ quá » Một em khác, lớn tuổi hơn, cũng chỉ mơ ước tự-do mà khi được qua ngoại quốc một mình để họp với bạn trong một đoàn thể, thì mếu máo trách mẹ : « Má thật nhẫn-tâm mới để cho con đi một mình như vậy ! ». Mà người lớn chúng ta có hơn gì chúng đâu ? Biết bao công chức phàn nàn rằng làm trong chính-phủ lương ít mà bó buộc, chỉ muốn « thoát ly » càng sớm càng hay. Nhưng sau ba chục năm sống cái đời mà họ cho là bó buộc và lương ít đó, tới tuổi được về hưu, được « thoát ly », thì họ nằng nặc xin ở lại vài năm nữa, xin không được thì oán trách nào là bất công, nào là không kể công lao của họ… Loài người, như vậy, cả bạn, cả tôi nữa, đều đầy những mâu thuẫn.

Vả lại, trẻ dù ngang tàng, phá phách đến đâu cũng nhận thấy rằng không có kỷ-luật không thể sống được. Ông Aichborn ở Vienne (kinh-đô Áo) đã làm một thí-nghiệm cực kỳ táo-bạo. Người ta giao cho ông trị một tụi trẻ du côn khét tiếng trong châu thành, hầu hết mắc những tội ăn cắp, hành-hung. Ông cho chúng sống chung trong những trại lính, muốn làm gì thì làm, muốn phá phách tới bực nào tùy ý. Ông phái vài người lại để xem xét chúng, mà không được ngăn

cản chúng trong bất kỳ một việc gì. Ôi thôi ! Các ông quỷ sứ đó được thể, tha hồ tung hoành, chửi nhau, đập phá, làm dơ một cách không thể tưởng tượng được. Nhưng chỉ trong ít bữa, chúng bắt đầu thấy chán, thấy trong phòng đầy những vật dơ, không sao ở được. Người ta không hề trách chúng một lời, lại vui vẻ tặng chúng những phòng mới, sạch sẽ, đủ tiện nghi. Lần này, chúng tự đặt ra kỷ-luật, tự cấm-đoán nhau và đứa nào cũng rất ngoan, giữ kỷ-luật răm-rắp.

Vậy quan-niệm của Tolstoi sai. Ta không thể cho trẻ hoàn toàn tự do được. Ta tôn trọng tự do của chúng, nhưng phải khéo léo câu thúc chúng. Bà Maria Montessori, một trong những nhà đặt cơ-sở cho nền tân giáo-dục hiểu rõ điều ấy, cho nên một mặt hô-hào phải để trẻ được tự-do, một mặt lại bảo : « Ông thầy đã ra lệnh, thì học-trò phải nghe, nếu mới đầu cần phải phạt chúng, thì cũng cứ phạt ».

Bà có tự mâu thuẫn không ? Không. Vào trong những trường học áp-dụng đúng phương pháp của bà, ta thấy trẻ em vui-vẻ nhận kỷ-luật. Các em trong lớp mẫu-giáo muốn làm gì thì làm : vẽ, nặn, xỏ chuỗi, xếp nhà… nhưng không được phá đồ đạc, hoặc ngăn cản trò chơi của bạn. Người ta không bảo chúng : « Đây chỗ ngồi của em đây. Ngồi đó, không được nhúc nhích, không được nói chuyện nghe không ? Khi nào cô hỏi mới được đáp. Không nghe lời thì bị phạt ». Người ta cho chúng tự-do đi đi lại lại để lấy đồ chơi, được hỏi cô hay hỏi bạn, nhưng không được làm ồn. Nếu em nào không giữ kỷ-luật, thì cô giáo nhắc nhở một cách nghiêm : « Em Bình, nói nho nhỏ chứ » – « Em Đoan chơi rồi, phải sắp đồ chơi lại, cất vào chỗ cũ ; làm ngay đi ».

Như vậy trẻ có cảm-giác được tự-do – mà chúng được tự-do thật – nhưng tự-do đó là tự-do trong kỷ-luật, và kỷ-luật đó dựng trên sự hoạt động và trật-tự.

Đối với trẻ em lớn hơn cũng vậy : hoàn toàn câu-thúc không được mà hoàn toàn thả lỏng thì sự huấn-hỗ cùng không có kết quả.

Bác-sĩ Kurt Lewin đã thí-nghiệm với học sinh một trường thực-nghiệp, trai và gái, mà ông chia ra làm ba bọn :

- Bọn thứ nhất bị điều khiển bằng uy-quyền : một người lớn ra lệnh cho trẻ và trẻ phải làm đúng vì kỷ-luật rất nghiêm.

- Bọn thứ nhì được điều-khiển một cách « dân chủ ». Một người chỉ huy chia công-việc, bảo trẻ cách làm, rồi để trẻ thực-hành, quyết định lấy, giữ trật-tự lấy.

- Bọn thứ ba được hoàn-toàn tự-do. Nghĩa là không có người cầm đầu. Trẻ muốn làm cách nào thì làm, muốn làm lúc nào tùy ý.

Sau bác sĩ thay đổi ba bọn đó và người chỉ-huy. Chẳng hạn cho bọn thứ nhất được tự-do, bắt bọn thứ nhì phải theo kỷ-luật nghiêm-khắc, đưa người chỉ huy bọn thứ nhì xuống chỉ-huy bọn thứ ba… ; như vậy để biết chắc rằng kết-quả không chịu ảnh-hưởng của cá-tính người chỉ huy hoặc cá-tính các học sinh.

Bác-sĩ thấy bọn thứ nhất mới đầu tiến rất nhanh, làm được nhiều việc hơn hết, nhưng sau có chuyện bất bình và người ta phải đuổi vài trò ra khỏi bọn. Khi vắng mặt người

chỉ-huy thì lớp học thành một cái chợ.

Bọn « dân chủ » trái lại, mới đầu tiến hơi chậm, nhưng lần lần sức làm việc tăng lên, hơn bọn trên. Chúng biết hợp tác với nhau, không có chuyện bất bình xảy ra và khi người chỉ-huy vắng mặt thì chúng vẫn làm việc, vẫn giữ trật-tự. Chúng lại hãnh diện được tự chỉ huy lấy, được ở trong cái nhóm của chúng.

Còn bọn thứ ba thì kết-quả thật tai hại, không làm được việc gì, lớp học luôn-luôn như có cuộc mổ bò. [4]

Vậy trong sự giáo-dục, các tâm-lý gia ngày nay đều khuyên ta trung-dung, vừa tôn trọng tự-do của trẻ, vừa tập cho chúng tự chủ. Nghiêm-khắc quá như hồi xưa thì trẻ quá sợ-sệt, mất cả chí khí ; mà phóng-nhiệm quá như tại nhiều trường bên Mỹ hiện nay thì học sinh thành chúa tể trong lớp, không chịu gắng sức, chỉ tìm mọi cách để giỡn, phá. [5]

CHƯƠNG II : KỶ LUẬT PHẢI XÂY DỰNG TRÊN NHỮNG QUY-TẮC NÀO

Trẻ phải theo kỷ-luật của ta. Lẽ đó rất giản dị, minh bạch, nhưng khi thực hành mới thấy khó, và tân giáo dục với cựu giáo dục chỉ khác nhau ở cách thức thực hành mà thôi. Mà bàn đến cách thực-hành thì trước hết phải giải quyết được vấn đề căn bản nầy : Kỷ-luật phải xây dựng trên quy-tắc nào để trẻ được phát triển điều hòa và tự-nhiên ? Theo tôi có năm quy tắc mà tôi sẽ lần-lượt trình bày dưới đây.

1. Tuân theo luật sinh-lý và tâm-lý của trẻ

Như ở chương trên tôi đã nói, quy-tắc thứ nhất là phải *theo luật sinh lý và tâm lý của trẻ em.* Những luật đó không thể tóm-tắt trong một chương được, sẽ được xét riêng trong cuốn sau, cuốn **Tìm hiểu con chúng ta** [6]. Ở đây tôi chỉ xin kể một vài trường-hợp làm thí-dụ.

Sách nào cũng khuyên ta phải tập cho trẻ ăn đúng bữa, không được ăn vặt, để bao tử chúng được nghỉ-ngơi, dễ tiêu hóa. Điều đó rất hợp lý. Nhưng trong trường hợp trẻ mất ăn (anorexie), hoặc bị chứng nào đó về bộ tiêu hóa thì ta phải theo luật thiên-nhiên, không được ép chúng, cứ để chúng muốn bú lúc nào thì bú, muốn ăn cái gì thì ăn. Dù chúng đòi ăn rất nhiều kẹo cũng cứ cho chúng tùy thích. Có lẽ cơ-thể chúng thiếu chất đường đấy, được thỏa mãn rồi chúng sẽ thôi.

Trẻ khoảng sáu tuổi, đương ngoan-ngoãn, đột-nhiên trải

qua một thời kỳ rất bướng-bỉnh, ta bảo cái gì, chúng cũng cãi nhất định là không nghe. Dublineau trong cuốn *Les grandes crises l'enfance* bảo rằng những cuộc trở chứng đó rất tự-nhiên, trẻ bình-thường nào cũng có. Chúng tới một giai-đoạn mới trong sự phát-triển, thấy những năng lực mới của mình và muốn thử nó nên đổi tính như vậy. Một bà bạn tôi không hiểu luật thiên nhiên đó, rầy đứa trẻ suốt ngày, đánh đập nó nữa, rồi gặp ai cũng phàn-nàn rằng : « Nó hư quá thôi, ai lại mới bấy nhiêu tuổi mà nó cãi tôi nhoen-nhoẻn. Nhà thật là vô phúc… ». Bị hành-hạ, đứa trẻ càng bực tức, càng tỏ vẻ cứng đầu, và không-khí trong nhà càng khó thở. Tôi giảng cho bà đó hay luật trở chứng của trẻ và khuyên bà đừng buồn, cứ ôn-tồn với nó, cởi mở cho nó một chút, để nó thấy năng-lực của nó tăng tiến, thì nó sẽ vui-vẻ ngoan-ngoãn trở lại ngay. Bà ta nghe tôi và sáu tháng sau cơ hồ như bà không còn nhớ gì những cảnh mà trước kia bà cho là « đứt ruột » nữa.

2. Tùy theo cá tính của trẻ

Ta lại phải tùy theo cá tính của mỗi trẻ. Mỗi trẻ một khác, ta không thể đặt kỷ-luật chung cho các trẻ được. Mua giày ta còn phải lựa cho hợp với chân của trẻ, thì tại sao dạy chúng ta lại không theo tính tình của chúng ? Người ta thường trách trường-học, giáo đường, là đặt những kỷ-luật chung cho hàng ngàn, hàng vạn thanh-niên mà không kể gì tới sự sai biệt về tính tình của các hạng trẻ. Những cơ quan đó không thể làm khác được : nhưng trong gia-đình mà dạy trẻ cũng như dạy lính trong trại, thì rất vô ý-thức. Đúng 9 giờ tối, đứa nào cũng phải đi ngủ. Phải như vậy tiện cho chúng ta lắm.

Nhưng, đứa bẩm chất ngủ nhiều thì mới tám giờ đã gục lên gục xuống ; còn đứa bẩm chất ít ngủ, sẽ trằn trọc, hóa nghĩ vơ vẩn vì sợ đêm. Cư xử với một đứa đa cảm, dễ mủi lòng mà cũng nghiêm khắc như với những đứa lì, thì những đứa trên tất thấy đau khổ, có thể sinh ra oán hận cha mẹ và chán đời nữa. Bạn e rằng không công bình chăng ? Tôi thì trái lại, cho rằng thế mới là công-bình. Sự công-bình rất tế nhị, không thể diễn thành một đẳng-thức, như một đẳng-thức đại số được. A là con ta, B cũng là con ta, vậy A = B ; và hễ bắt A phải chịu hình phạt nào cũng bắt B phải chịu hình phạt đó. Không, con người không phải là con số.

Vô-lý nhất là thái-độ của những người cha thấy một đứa con học được, giỏi toán, thi đậu, bắt những đứa khác cũng phải giỏi toán và thi đậu, không được thì mỉa mai, đay nghiến, chửi rủa, thậm chí trút cả tội lỗi lên đầu người mẹ. Chính tôi đã nghe thấy một nhà trí-thức nọ chua-chát nói với khách trước mặt vợ và con : « Thằng nhỏ nầy học giỏi mới thực là con tôi ; còn những đứa kia, ngu dốt, làm biếng, là con của mẹ nó, chứ không phải con tôi ! ».

3. Giải phóng trẻ lần-lần

Con bọ hung cái, gần tới kỳ sinh đẻ, suốt ngày bay đi kiếm phân trâu, bò hoặc ngựa, đem về hang, vo lại thành một cục tròn, lớn bằng hột gà, cứng, nhẵn bóng, nhưng khuyết một lỗ nhỏ ở đầu. Công việc đó tốn biết bao công phu ! Bạn thử tưởng-tượng chân nó nhỏ như vậy, chở biết bao lần mới được đủ phân, rồi nó nặn cách nào, vo cách nào mà thành hình tròn như vậy ? Tới kỳ, nó đẻ trứng vào lỗ khuyết,

rồi lấp lại. Công việc làm mẹ của nó thế là xong. Ít lâu sau, trứng nở. Bọ hung con, ăn lần lần cho hết cục phân thì đủ sức lớn, rồi bay ra khỏi hang, kiếm ăn lấy. Nó không biết mẹ nó là ai, mẹ nó cũng không hề biết nó, mặc dầu mấy tháng trước đã tận tụy lo cho nó đủ điều kiện để phát triển cho đến lúc trưởng-thành.

Loài chim tiến hơn một bực. Gà mái chẳng hạn, đẻ trứng rồi kiên nhẫn ấp cho trứng nở, tận tụy nuôi cho con lớn. Cảnh nó úm con, nó dắt con đi kiếm ăn, cục cục, nhớn nhác tìm những con lạc đàn, nhất là cảnh nó can-đảm chống với diều hâu để che chở cho bầy con, đã làm cho chúng ta cảm động. Nhưng khi gà con đã đủ sức kiếm ăn một mình, thì gà mẹ không nhận ra gà con nữa, gà con cũng không nhớ gà mẹ nữa ; chúng tranh nhau, mổ nhau nữa là khác.

Loài có vú lại tiến hơn một bực, và người ta thấy những con vượn ôm con hàng giờ, mặt như mếu, khi con nó chết. Nhưng khi khỉ con đã lớn, thoát ly cha mẹ rồi, thì mẹ con khỉ cũng không nhớ gì nhau nữa.

Đó là một luật của tạo hóa. Cha mẹ chỉ thương con khi con cần được che chở, nuôi nấng. Khi con lớn, tình thương hóa vô dụng và tự-nhiên hết.

Loài người thì khác : tình cha con, tình mẹ con còn hoài. Dù con cái đã ở riêng, dù cha mẹ đã khuất, mà lòng thương nhớ vẫn không nguôi. Và cái uy-quyền của cha mẹ với con tuy mỗi ngày mỗi giảm nhưng không khi nào mất hẳn.

Tuy nhiên, bực cha mẹ sáng-suốt phải hiểu rằng sở dĩ ta có uy-quyền đó, sở dĩ trẻ nhận uy-quyền đó, vì trẻ cần được

ta che chở, hướng-dẫn để phát-triển chứ không phải vì lẽ ta sinh ra chúng mà bắt gì chúng cũng phải nghe. Mục đích cuối cùng của giáo-dục là giải-thoát. Đó không phải chỉ là một quan-niệm ; đó là một luật thiên-nhiên. Kỷ-luật đặt ra phải để dìu-dắt trẻ, dự-bị cho chúng tự giải-thoát lần lần cho đến khi tự giải-thoát được hẳn.

Hồi trẻ mới sanh, ta để trẻ bú, ngủ, cử-động theo những luật sinh-lý. Khi chúng đã bắt đầu có trí khôn – hai ba tuổi – ta mới khuyên bảo chúng, áp-dụng kỷ-luật để dắt dẫn chúng. Chúng càng lớn, năng lực càng tăng, thì ta càng phải cởi mở cho chúng, để chúng được tự-do thêm. Tới tuổi dạy thì, kỷ-luật nên nhẹ hơn chút nữa để cá tính của chúng có thể nẩy nở được và khi chúng đã thành nhân thì ta chỉ có bổn-phận, chỉ có quyền khuyên bảo chúng mà thôi. Bà Anna W.M. Wolf trong cuốn *Vos enfants et vous* nói cha mẹ dạy con thì phải biết « cắt cuống rốn ». Lời đó thực chí lý. Cách độc nhất để giữ hoài lòng yêu quý của con là cho chúng bay khi chúng đã đủ lông, đủ cánh. Biết bao bi-kịch trong gia đình xảy ra vì người mẹ ích-kỷ, cứ cột con với vạt áo mình hoài mặc dù chúng đã có vợ có con. Họ làm tủi nhục cho con họ. Tôi ghét những bà mắng những cậu trai đã lớn : « À, mày tưởng mầy đủ lông đủ cánh rồi, không cần tới mẹ mày nữa hả ? Thôi đi đâu thì đi, bước ra khỏi nhà này đi ». Họ không phải những người mẹ, vì người mẹ phải giúp cho con mau « đủ lông đủ cánh », phải mừng khi thấy chúng « đủ lông đủ cánh », và phải tập cho chúng « bay nhẩy » khi chúng đã « đủ lông đủ cánh ».

4. Để ý nhận xét phản ứng của trẻ

Trẻ phản ứng lại uy quyền của ta bằng hai cách, tùy hoàn cảnh, tùy thái độ của ta, nhất là tùy tính tình của chúng.

Cách thứ nhất là *phản động.* Có nhiều trẻ, mà người lớn cũng vậy, khi bực mình thì cằn-nhằn nhưng rồi cũng theo lệnh người trên. Tôi biết một thanh niên nọ siêng năng lanh lẹn thành thử song thân cậu sai cậu hoài, còn anh cậu biếng-nhác vụng-về thì được yên thân. Một hôm, thân phụ cậu sai cậu một việc. Cậu đương đọc sách, bực mình, ngồi ỳ ra, rồi ngâm lớn câu : « Xảo giả đa ưu, chuyết giả nhàn ». Thân phụ cậu nghe được, cười rồi bỏ qua. Nhưng mười phút sau, cậu cũng bỏ sách đứng dậy miễn cưỡng làm việc đó. Cậu thuộc vào hạng phản-động miệng, dễ thương nhất.

Một hạng khác bướng bỉnh, cãi lại ta, nhất định không làm. Gặp trường hợp đó, ta phải bình tĩnh, xét lại hành động của ta, và ta sẽ thấy phần nhiều lỗi về ta : ta hoặc bất công, hoặc vụng-về, hoặc quên những luật tự nhiên nó chi phối tính tình của trẻ.

Bực mình cho ta nhất là hạng trẻ, bảo cái gì cũng « dạ dạ » mà chẳng làm cái gì cả. Bề ngoài chúng như phiến đá lạnh lùng, không thể nào lay chuyển được, nhưng trong thâm tâm, có lẽ chúng không được bình-tĩnh đâu. Chúng mâu thuẫn với bản thân, hành-động có khi như tự phản mình ; cho nên dù bực mình ta cũng phải thương chúng và thay đổi thái-độ với chúng.

Không nhất-định là trẻ chỉ phản-động khi nào uy-quyền của ta quá nghiêm ; cả những khi ta rất thương chúng, ngọt

ngào với chúng, chúng cũng có thể tỏ vẻ bất-mãn, cau-có, vì chúng cảm thấy rằng lòng thương của ta có mục-đích là bắt chúng lệ-thuộc ta hoài, không cho chúng tự-chủ. Hễ thấy chúng như vậy, ta phải nhớ ngay lời khuyên cắt « cuống rốn » của Anna W.M. Wolf ở trên.

Cách phản ứng thứ nhì của trẻ là *tỏ vẻ ngoan-ngoãn lạ lùng.* Cha mẹ ít người để ý tới cách đó, không ngờ rằng một thái độ nhu-thuận cũng là phản ứng, mà chính cách phản ứng đó mới đáng cho ta lo nhất. Một là trẻ giả-dối, ngoài mặt thì hiếu đễ mà trong lòng nuôi những ý bất chính ; hai là trẻ mất cả cá-tính, sau này ra đời, chỉ biết cong lưng phục tùng mọi uy-quyền không biết phán đoán, chỉ trích gì nữa : « Xếp bảo vậy thì tất nhiên vậy là đúng ».

Người ta thường nói : « Muốn biết làm chủ, thì trước hết phải biết tuân lệnh ». Lời đó quá đáng. Người chỉ biết tuân lệnh bề trên, thì làm sao chỉ huy kẻ dưới được ? Thời xưa, đức nhu-thuận có lẽ là đức ích nhất cho xã hội, bây giờ chúng ta cần đức tự chủ hơn, và câu trên phải đổi ra : « Muốn làm chủ kẻ khác thì trước hết phải biết tự chủ ». Dạy trẻ là hướng dẫn, dự bị cho trẻ thoát ly ta. Mà chúng làm sao thoát-ly ta được, nếu ta bắt chúng một mực nhu thuận. Cho nên gặp những trẻ hiền như cục bột, bảo sao nghe vậy, ta phải khuyến-khích chúng bày tỏ ý riêng, bàn bạc với ta. Đối với người lớn cũng vậy. Một ông bạn tôi cưới một thiếu nữ quen đời trưởng giả, nhưng nhu mì. Ông muốn cải hóa vợ, người vợ nghe ông răm-rắp, trong hai năm sống chung không cãi ông một lời. Một lần nọ, người vợ thấy thái độ của chồng mỗi ngày một thêm khó chịu, phản động lại, bảo : « Gia đình tôi

như vậy, tôi quen sống như vậy, tôi tầm thường như vậy, không thể hơn được ; đã lỡ cưới tôi rồi thì rán mà chịu, đừng gắt gỏng nữa, không ích lợi gì đâu ». Bạn thử đoán phán ứng của ông chồng đó ra sao ? Ông đã không phẫn nộ, mà còn cười : « Hai năm nay mới được nghe mình nói một câu chí lý. Mình đã có tinh-thần tự lập rồi đó ». Bà vợ đã đáng khen mà ông chồng còn đáng khen hơn. Bà vợ đã tỏ ra rằng mình không phải là một khúc gỗ, và ông chồng cũng hiểu rằng dạy vợ không phải là đẽo một khúc gỗ.

5. Thỉnh thoảng đừng can-thiệp, mà để trẻ tự do

Sau cùng, ta *phải thỉnh thoảng đừng can thiệp vào hành động của trẻ, để cho chúng được tự do.*

Ta phải biết can thiệp tùy lúc. Việc nhỏ không đáng can thiệp thì đừng can thiệp ; can thiệp mà không có kết quả thì cũng đừng can thiệp.

Cách đây nửa thế kỷ, ở Pháp, người ta đã thí-nghiệm và thấy mỗi người có một lối làm việc riêng. Người ta bảo hơn ba chục thanh-niên bóp một quả bơm cao su cho tới khi nào mệt thì thôi. Không khí trong quả bơm ấy đẩy một cột thủy ngân mà trên mặt có một miếng bấc nối với một cây ở đầu có gắn ngòi viết, ngòi viết này chạm vào một ống ghi quay đều đều. Khi bóp mạnh quả bơm, cột thủy ngân lên vọt, miếng bấc và ngòi viết cũng lên theo, thành thử ngòi viết vẽ trên ống ghi một đường cong hướng lên ; khi đã mệt, sức bóp yếu đi, cột thủy ngân xuống và ngòi viết vẽ một đường cong hướng xuống. Mỗi người bóp quả bơm cao-su và mỗi người có một đường cong trên ống ghi. Lạ thay, trong mấy chục

đường cong của mấy chục thanh-niên thí nghiệm, không đường cong nào giống đường cong nào : đường thì lên rất mau, xuống cũng rất mau, đường thì lên xuống từ từ, đường thì lên một chút rồi ngừng, rồi mới lên nữa… Và người ta kết luận rằng mỗi người có một lối dùng sức, một lối làm việc.

Về tinh-thần cũng vậy, mỗi người cũng có một cách làm việc riêng : người thì ưa suy nghĩ vào buổi sáng, kẻ thì buổi tối, người thì làm việc luôn một hơi, kẻ thì làm một chút lại nghỉ.

Dù phương-pháp làm việc của ta có hợp lý đến mấy đi nữa, mà không hợp với tính-tình, thể chất của trẻ, thì ta cũng không thể bắt nó theo ta được ; mà càng can thiệp thì kết quả càng tai hại. Nhất là trong khi chúng chơi với bạn, ta nên để chúng tự tổ chức lấy. Tất nhiên ta phải coi chừng nếu chúng còn nhỏ, nhưng đừng tỏ thái-độ chỉ-huy mà làm mất hết hứng-thú của chúng.

Không những vậy, cả trong việc học, thỉnh-thoảng ta cũng phải để cho chúng xả hơi, được tự do làm gì thì làm. Ông André Berge trong cuốn *La liberté dans l’éducation* đã chép lại hai câu thơ sau nầy của một em nhỏ tám tuổi :

« C’est notre cahier de brouillons
Nous y faisons tout ce que nous voulons ».

(Đây là tập bài nháp của chúng ta
Chúng ta muốn làm gì trong đó thì làm.)

Chính người lớn cũng muốn có một « tập bài nháp », khỏi phải trình cho người trên coi, khỏi phải nhận những lời chê bai, chỉ trích, huống hồ là trẻ em bị bó buộc suốt ngày.

Nhiều khi, chính vì được xả hơi trong một thời gian mà trẻ hóa ra dễ bảo, biết tuân kỷ luật. Tại các tân học đường bên Pháp, người ta nhận thấy nhiều em ở nhà bị bó buộc quá, hóa bướng bỉnh, khi mới tới trường được tự do, vẽ luôn trong mấy tuần lễ, nào mèo, nào chó, nào xe hơi, tàu biển, nguệch ngoạc đầy tập nầy tới tập khác, vẽ chán rồi mới bắt đầu học, và học rất siêng năng tấn tới.

Cũng ở Pháp, người ta dắt một em nhỏ hỗn láo, lầm lì, nói dối, ăn cắp, thôi thì đủ tật, tới một viên y sĩ chuyên trị bệnh thần kinh. Ông nầy đoán được rằng em ở nhà bị kiềm chế quá, nên phản động bằng cách đó, bèn dỗ dành, hỏi chuyện em, cho em tin cậy ở ông, sau cùng em xổ ra một hơi những lời cực kỳ tục tĩu, thổ lộ hết bao nỗi uất ức ; từ đó tâm hồn em dịu xuống và bao nhiêu tật cũ lần-lần giảm đi rất nhiều.

Vậy hễ nén quá thì phải cho xả hơi [7]. Đó cũng là một luật tự nhiên nữa.

CHƯƠNG III : NHỮNG CÁCH ĐỂ GIÚP TRẺ GIỮ KỶ-LUẬT

1. Phải đổi một sự bó-buộc riêng thành một luật-lệ chung

Có kỷ-luật là có sự bó-buộc. Mà sự bó-buộc, không nhiều thì ít, luôn-luôn làm mất cảm-giác tự-do của trẻ ; cho nên ta phải khéo-léo, đừng làm thương-tổn lòng tự ái của chúng một cách vô ích, như vậy cũng là một cách giúp chúng biết tuân lệnh mà vẫn vui-vẻ.

Một tâm-lý chung là trẻ khi đã biết suy nghĩ, không chịu lệ thuộc ý muốn của một cá nhân khác, nhưng rất sẵn-sàng tuân những lệ-luật chung. Người lớn chúng ta cũng vậy. Trong rạp chiếu bóng, khi ta thấy trên màn bạc hàng chữ rất quạu : « Cấm hút thuốc », thì ta liệng ngay điếu thuốc xuống đất, mà không bực mình ; trái lại, nếu một khán-giả nào ngồi bên cạnh rất lễ-phép bảo ta : « Xin ông vui lòng đừng hút thuốc nữa, tôi không chịu được khói thuốc », thì ta xấu hổ lắm, có thể bỏ rạp hát mà đi ra liền và oán kẻ đó là bất lịch sự !

Có lẽ một phần vì tâm-lý đó, mà nhiều trẻ ở nhà rất hung dữ, tới lớp học lại rất ngoan. Đã đành, không-khí nhà trường vẫn trang-nghiêm hơn, mà thầy giáo, cô giáo ít khi cưng học-trò như cha mẹ cưng con ; nhưng nguyên do cũng tại trẻ cho rằng lệnh của cha mẹ chỉ thi hành riêng với chúng, còn lệnh của thầy dạy thi hành chung cho hết thảy. Ở nhà ta nhắc chúng ba bốn lần : « Chín giờ rồi, tới lúc đi ngủ rồi con » ;

chúng vẫn giỡn với trẻ hàng xóm ở trước cửa, đã chịu về đâu ; vậy mà cứ bảy giờ sáng và hai giờ chiều thì chúng răm-rắp tới trường, chỉ sợ trễ giờ, thày phạt.

Cho nên khi ta muốn bắt chúng theo một lệnh gì thì rán làm sao cho lệnh đó thành một luật chung trong gia-đình. Chẳng hạn ta quyết định trẻ nhỏ 8 giờ tối đi ngủ, 6 giờ sáng dậy, trẻ lớn 9 giờ tối đi ngủ, 6 giờ dậy ; và người lớn đi ngủ trễ hơn, nhưng sáu giờ cũng phải dậy. Luật đó ta đặt ra và ta phải theo trước hết ; như vậy trẻ thấy sự bó-buộc đó là chung, là tự-nhiên, và vui-vẻ theo.

Khi chúng đã hơi lớn, ta lại nên cho chúng có cảm giác rằng những luật-lệ mà chúng phải theo là do chúng thảo luận và quyết định. Trong hai cuốn *Tổ chức công việc theo khoa học* và *Tổ chức gia đình* tôi đã giới thiệu gia-đình Gilbreth một kỹ-sư Mỹ. Tôi không cần nhắc lại tấm gương cần mẫn, tổ chức, đoàn kết, hy sinh của hai ông bà, chỉ xin kể cách hai ông bà đặt kỷ luật cho các con ra sao. Ông lập một hội nghị gia-đình họp vào chiều mỗi thứ bảy và mỗi khi có việc bất thường. Ông làm chủ-tịch, ngồi một đầu bàn, bà làm phó chủ tịch ngồi đối diện với ông ; và hết thảy những trẻ từ bốn năm tuổi trở lên đều làm hội viên. Cứ cuối mỗi tuần, ông hội họp đông đủ, cùng nhau thảo luận chương trình làm việc và chi tiêu trong tuần tới, rồi phân công với nhau. Ông đặt vấn đề rồi cho trẻ góp ý kiến, cùng nhau giải quyết công việc nào nên hoãn lại, công việc nào cần phải làm ngay, làm vào những ngày giờ nào, giao cho ai, món chi tiêu nào có thể bỏ, món nào phải giữ, các con cần mua sắm thêm gì không…

Chương trình nghỉ mát mỗi năm cũng được đem ra bàn

cãi thân mật. Nhờ vậy mà trẻ đã không ganh tị nhau còn thương yêu nhau, đoàn kết với nhau, cùng góp sức gây sự thịnh-vượng cho gia-đình ; và ông bà chỉ phải mướn mỗi một người bếp, còn những việc lặt-vặt trong nhà do trẻ vui vẻ làm lấy hết.

Cảm động nhất là hồi ông mới mất, bà phải làm kỹ-sư thay chồng nuôi con và phải qua châu Âu trong một thời gian lâu. Bà họp các con lại kể tình trạng gia-đình rồi yêu cầu chúng tiếp tay bà giải quyết vấn đề nầy : một là chúng phải xa cách nhau, đứa thì đi ở nhờ bà cô, đứa ở nhờ ông chú, đứa về với bà ngoại ; hay là ở chung với nhau mà tự cai quản lấy nhau. Chúng hết thảy là mười một đứa, đứa lớn nhất mới mười tám tuổi, đứa nhỏ nhất hai tuổi. Mấy đứa lớn quyết-định ở với nhau và cam-đoan với mẹ sẽ trông nom các em chu đáo như khi có mẹ ở nhà. Bà bằng lòng, nhưng khi lên đường, vẫn không được yên tâm lắm. Bóng bà vừa khuất ở đầu đường, thì mười một đứa sụt-sùi trở vào nhà, lập ngay một hội-nghị để phân công với nhau và lập quỹ chi tiêu, rồi đồng lòng tiết kiệm, dành dụm một số tiền để khi mẹ về giao lại cho mẹ. Dạy con như vậy mới là đạt được mục-đích.

2. Để trẻ tự lựa lấy cái « muốn làm » và cái « phải làm »

Câu chuyện dưới đây do ông C. Seelmann kể trong cuốn *Comment préparer les écoliers à la vie* (nhà xuất bản Aubanel ở Avignon) cũng chứng thực rằng để cho trẻ quyết-định lấy, tự lựa lấy cái « muốn làm » và cái « phải làm », thường có lợi cho trẻ và cả cho ta. Một em nọ rất dở về toán,

học không có kết-quả. Thầy giáo bảo em : « Trò giỏi thể-thao, luận văn cũng khá, lại siêng tưới cây cho trường. Vậy là trò can-đảm, cần mẫn chịu suy-nghĩ. Trò có muốn tập ít « thể thao » về toán không ? Thầy sẵn lòng chỉ cho ». Đứa nhỏ suy-nghĩ một chút rồi rụt-rè vâng. Biết nó còn do-dự, thầy giáo nói thêm : « Bây giờ trò còn chưa sẵn-sàng. Không sao. Khi nào trò quyết-định rồi thì cho thầy hay ». Một tuần sau, nó lại thưa với thầy xin học thêm toán. Thầy vui-vẻ tuyên-bố với cả lớp : « Trò Pierre dở toán, nhưng có ý gắng học. Vậy mỗi ngày, sau buổi học chiều, thầy vui lòng giảng thêm cho trò ấy năm phút nữa. Nếu có trò nào muốn học thêm, thì cứ ở lại ». Kết-quả ra sao, chắc bạn đã đoán được.

Ông giáo đó hành động khéo léo để trẻ tự quyết định lấy, lại biết thư thư cho nó. Nhiều cha mẹ ra một lệnh không vui gì cho con mà lại bắt nó làm ngay theo ý muốn của mình ; thành thử làm mất cảm-giác tự-do của nó đến hai lần. Ta nên tính trước và để cho nó có thì giờ suy nghĩ, sắp đặt công việc, chẳng hạn, ta bảo : « Mỗi ngày con phải tưới hai chục gốc cây đó, mỗi gốc nửa thùng, chỉ mất độ mươi, mười lăm phút thôi. Tùy ý con đấy, tưới sáng, chiều hay tối cũng được ». Như vậy đã tránh được cho nó khỏi bực mình phải làm ngay một việc không hứng thú ; mà lại tập cho nó có sáng kiến, quyết định lấy, tự lãnh trách-nhiệm.

3. Đừng nên cấm trẻ những cái gì ?

Vài ông bạn nghĩ đến vấn-đề kỷ-luật thường hỏi tôi : « Nên cấm nhặt trẻ chạy rầm-rầm trong nhà, phá phách đồ-đạc, gây lộn vớn nhau, nhõng-nhẽo, nhè-nhè khi có khách-

khứa không ? Hay nên khoan-hồng với chúng tới một mức nào đó ? ».

Tôi đáp : « Việc gì đã cấm thì cấm hẳn, chứ đừng lúc cấm lúc không. Không gì thất sách trong sự giáo-dục bằng thay đổi thái-độ rất thường đến nỗi trẻ không biết ta muốn gì nữa : chẳng hạn khi ta quạu lên thì mới gọi một tiếng chúng chưa kịp thưa, đã nổi cơn thịnh nộ, quất lấy quất để, mà khi vui thì chúng ăn nói thô-tục, vô lễ cũng chỉ cười. Ta nên lập bảng ghi những hành-vi phải ngăn cấm, và sắp theo thứ tự quan trọng. Ta bắt chúng phải theo đúng ít điều quan trọng nhất, ví-dụ đập phá đồ đạc, làm rầm-rầm khi có khách, hoặc trong giờ nghỉ trưa, còn những điều khác thì chỉ khuyên bảo, nhắc nhở thôi ».

Những trẻ bình-thường, không tật bệnh thì bao giờ cũng táy máy, nghịch-ngợm, hay phá. Chân nhỏ xíu mà xỏ vào đôi dép người lớn mà lết lẹt quẹt trong nhà ; chơi xong rồi bầy bừa ra không thu xếp lại ; nằm bệt xuống đất ; chui vào trong xó moi những đồ bụi bặm ra coi ; vầy nước nghịch bùn ; chân tay dơ dáy mà chùi ngay vào áo trắng tinh… trẻ nào cũng vậy hết. Chúng nghịch-ngợm vì muốn thử những khả-năng của chúng, luyện ngũ quan để tìm hiểu các vật ở chung quanh, chúng dơ-dáy vì chưa có cái quan niệm về sạch sẽ và chưa hiểu thế nào là vệ-sinh. Nhất-thiết cấm đoán chúng những điều đó, bắt chúng phải luôn luôn hiền và sạch như cục bột, tức là làm trái những luật thiên-nhiên và làm cho chúng khổ sở lắm.

Một em gái nọ mới đi học, về nhà chỉ muốn bắt chước làm cô giáo, nhưng không dám, sợ cha mẹ rầy. Một hôm, tôi

rủ em lại nhà tôi chơi trọn một ngày, em đưa ngay điều-kiện : « Vâng, cháu lại nhà bác ở lại ba ngày cũng được nữa nhưng bác phải cho cháu đi giày cao gót làm cô giáo nhé ? ». Tôi mỉm cười : « Được, bác sẵn-sàng cho ». Tới nhà tôi, nó mừng rơn, xỏ ngay chân vào đôi dép của nhà tôi, cầm cây thước trong tay, rồi lẹp-kẹp đi hết nhà trong tới nhà ngoài, vẻ mặt hân-hoan, hãnh diện lạ thường. Chỉ một lúc nó chán rồi thôi. Hỏi nó đi dép cao gót thấy ra sao, nó đáp : « Khó đi mà đau chân quá, bác ạ ». Khi trẻ tinh-nghịch vô hại như vậy thì không nên cấm.

Thái-độ của bà mẹ trong câu chuyện dưới đây thực là vô lý. Bà bắt cậu con trai phải quấn khăn vào cổ trong bữa cơm. Một hôm, một đứa bạn gái của nó nhỏ hơn nó, thấy vậy, chế giễu nó : « Ê, ê, bây lớn mà còn buộc khăn vào cổ ». Nó mắc cỡ, bữa sau năn-nỉ má nó cho nó bỏ khăn, và hứa không làm dơ quần áo. Nó mắc cỡ cũng phải – vì nó đã 7 tuổi – mà sự đòi hỏi của nó rất chính-đáng. Như bạn và tôi thì chúng ta vui-vẻ cho nó thử liền, khuyến-khích nó, chỉ bảo cách ăn làm sao cho sạch-sẽ ; nếu thử nhiều lần mà không được, thì ta sẽ ngọt-ngào bảo nó : « Con thấy không, con vẫn chưa quen, dơ cả quần áo, mất công giặt ; thôi con quàng khăn vào đi, rồi khi nào con ăn mà không đổ vãi nữa, ba má sẽ cho bỏ khăn ». Tất-nhiên, lúc đó nó vui vẻ nhận lại kỷ-luật của ta ngay và uy quyền của ta không bị thương tổn chút nào. Bà mẹ đó không hành-động như vậy, có lẽ tự nhủ : « À, vậy đó, nó sợ con bạn nó mà muốn phản-đối lại mình đây. Không được ! », rồi nổi cơn thịnh-nộ lên, mắng chửi nó, nhất định không cho nó bỏ khăn. Nó giận-dỗi, bỏ ăn, bỏ cả đi học. Tôi

phải khuyên bà, giảng giải cho bà hiểu rằng mục-đích của bà là giữ cho quần áo nó khỏi dơ, mà có hai cách để đạt mục đích đó : một là quàng khăn, hai là rán ăn uống cho khỏi vãi, rớt ; cách sau hơn cách trước, thì tại sao lại không cho nó thử. Còn sự nó mắc cỡ với bạn là do lòng tự ái của nó, ta phải trọng lòng tự ái đó mà lợi dụng trong sự giáo-dục chứ ? Sao không bảo nó : « Ừ, má hiểu con lớn rồi mà cứ quàng khăn hoài coi cũng kỳ, má cho con bỏ khăn, nhưng phải rán ăn cho sạch-sẽ, không thì má bắt đeo lại đấy nhé ».

4. Ra rất ít lệnh

Muốn cho trẻ nhớ lệnh của ta thì phải ra rất ít lệnh. Khi con mới tới trường lần đầu, cha mẹ nào cũng có thói khuyên chúng cả chục điều. Cha thì : « Tới trường phải lễ phép, nghe không con, chứ đừng như ở nhà nhé ? – (Thú vị chưa ?) – Gặp thầy thì phải chào nhé ?... Mà gặp thầy lớp khác cũng phải chào nhé ? Ngồi trong lớp đừng nói chuyện nhé ? Chăm chú nghe lời thầy dạy nhé ?... » Mẹ thì : « Coi chừng xe nghe không con ? Đói bụng thì lấy gói bánh ra ăn nhé ? Mà đợi giờ ra chơi rồi mới ăn nhé ? Đừng chơi dơ nhé ? Đừng bắt chước những đứa mất dạy, ăn nói thô tục nhé ? Phải nhường bạn nhé ? Đứa nào ăn hiếp con thì vô méc thầy nhé ? » (!) Một đứa nhỏ mới năm, sáu tuổi làm sao nhớ hết được những lời gia huấn đó chứ ? Tới Phật kia mà cũng chỉ cấm chúng ta có năm điều, thì tại sao ta lại bắt trẻ nhớ hàng tràng những huấn lệnh như vậy ? Bạn thử kể hết những điều bạn bắt trẻ theo, xem có tới số trăm không ? Tôi sợ hơn nữa. Tôi khen người cha nọ khi tiễn con ra bến tàu ngày cậu xuất dương du

học, chỉ khuyên cậu mỗi một câu : « Làm gì thì làm, phải giữ lấy nhân cách ! ». Chứ không như các ông cha khác, rán nhồi vào óc con cả chục điều : Phải siêng học nầy, phải cần kiệm nầy, mỗi tuần gởi thư về nhà một lần, đừng nghe lời bạn rủ rê, phải lựa bạn mà chơi, mỗi tuần đi coi hát một lần thôi, chi tiêu món gì phải biên vào sổ, nghỉ hè thì lại nhà ông cậu mà ở, đừng nhẩy đầm và đừng mê đầm v.v…

5. Nhắc lại nhiều lần mệnh-lệnh và coi cho trẻ thi-hành thành thói-quen

Vậy phải ra thật ít mệnh-lệnh, nhưng phải giảng kỹ cho trẻ hiểu rõ, và phải nhắc đi nhắc lại cho chúng nhớ. Bà Anna W.M. Wolf, trong cuốn tôi đã dẫn, bảo phải nhắc ít nhất là mười lần. Tôi thấy lời đó không quá đáng, mà còn muốn nói thêm : « Nhắc đi nhắc lại mười lần chưa đủ, phải đích thân trông nom cho trẻ làm nhiều lần, để trẻ quen đi nữa ». Chẳng hạn, nhà nào có thang gác mà cha mẹ chẳng dặn con cả trăm lần, chứ đừng nói là chục lần nữa : « Không được xuống thang một mình, nghe không ? Té bể đầu đấy ». Nhưng luôn luôn cũng vẫn thấy trẻ té thang. Tại sao vậy ? Một là chúng nhớ lời ta nhưng không quan-niệm được sự nguy hiểm mà ta muốn tránh cho chúng. Hai là chúng thích xuống thang để có một cảm giác mới, *nên trong lúc đó,* quên hẳn lời ta đi. Gặp trường ấy, tôi tưởng không gì bằng tập cho chúng bò xuống lần lần từng bực (nếu thang không dốc quá) và bò giật lùi, để khỏi té. Coi chừng như vậy cho chúng năm, mười lần, thì khỏi phải dặn chúng, mà chúng cũng không té nữa.

Khi trẻ ra đường cũng vậy. Nhắc hoài phải coi chừng xe chỉ là vô ích ; sao không dắt chúng đi rồi chỉ cho chúng trước khi đặt chân xuống đường thì phải làm sao, khi qua đường thì phải làm sao, tới ngã ba hay ngã tư thì phải làm sao… Tóm lại, ta phải tập cho chúng có thói quen đi đường, chứ không được bắt chúng thuộc cách thức đi đường, rồi để mặc chúng.

6. Chân uy-quyền thì không cần nghiêm-khắc

Sau cùng, tôi xin nhắc bạn điều nầy : chân uy-quyền không cần phải nghiêm-khắc, và khi quá nghiêm-khắc thì uy-quyền lung lay rồi đấy.

Bạn nào đã lớn tuổi mà đã học trường Bưởi ở Hà-nội, chắc còn nhớ cụ S. một giáo-sư toán. Lớp học của cụ luôn luôn im phăng-phắc, có thể nghe được tiếng ruồi bay. Nhiều ông bạn tôi, gần tới giờ toán của cụ, mặt xám xanh như sắp bị Công-an Pháp tra khảo, và hết thảy học sinh Trung-học ở Hà-nội thời đó, chỉ nghe tên cụ cũng đủ lắc đầu le lưỡi. Tướng mạo, giọng nói của cụ đã ghê, mà cách phạt của cụ còn ghê hơn nữa : những định lý hình-học và số-học phải thuộc lầu-lầu theo thứ-tự, không được quên một chữ, nếu không thì « dê-rô » và « công-xinh ». Nhưng hễ đã qua lớp của cụ rồi, thì không một học-sinh nào, cả những học-trò « ruột » của cụ, cũng không muốn gặp mặt cụ.

Trái lại, cụ Dương-quảng-Hàm dạy Pháp-văn và Việt-văn thì rất dễ dãi, bước vào lớp là luôn mỉm cười một cách rất hồn nhiên, và trong hai năm học cụ, tôi không nhớ cụ có phạt một học-sinh nào không. Là vì học-sinh nào cũng rất ngoan, trong giờ của cụ. Cả những cậu nghịch-ngợm nhất cũng chăm

chú nghe lời cụ giảng. Cụ không cần phải la hét mà cũng chẳng cần phải lấy lòng học-trò như nhiều giáo-sư ngày nay. Hình như học-sinh có cảm tưởng rằng nếu phá cụ trong khi cụ dạy thì sẽ hóa ra vô giáo dục mất. Nhân cách của cụ cao, học-thức của cụ rộng, đó uy-quyền của cụ chỉ ở đó.

Khi con còn nhỏ thì cha mẹ nào cũng sẵn có uy-quyền đối với con ; nhưng khi chúng lớn lên thì tôi tưởng nhiều cha mẹ cũng nên xét gương của hai giáo-sư đó mỗi khi muốn tỏ uy quyền với chúng.

CHƯƠNG IV : THƯỞNG PHẠT

1. Vấn-đề thưởng phạt không giản-dị như ta tưởng

Một số nhà giáo-dục cấm chúng ta không được thưởng trẻ, nhất là thưởng tiền ; mà cũng không được phạt trẻ, nhất là phạt roi. Họ bảo : « Thưởng trẻ là tập cho chúng có óc đổi chác, thương mại : « Hễ con làm xong việc nầy thì ba má phải cho con cái đó » ; mà, đánh trẻ có khác gì coi chúng như thú vật, làm chúng mất cả nhân cách và nhiễm cái tinh thần nô lệ, chỉ làm việc vì sợ hình phạt. Không, như vật không gọi là giáo-dục ; giáo dục thì phải tập cho trẻ yêu cái Thiện, cái Chân, cái Mỹ vì cái Thiện, cái Chân cái Mỹ, chứ không phải vì ham danh lợi hoặc vì sợ hình phạt ».

Vâng lý-tưởng đó cao đẹp lắm. Nhưng tôi không hiểu tại sao các nước không chịu bỏ những giải thưởng văn chương, khoa học đi, nhất là giải thưởng Nobel. Các nhà luật học hoặc văn-hào vào hạng Einstein, Tagore… biết yêu cái Thiện, cái Chân, cái Mỹ hơn ai hết, thì cần gì phải khuyến-khích họ bằng một cái băng đỏ, băng xanh và một tấm chi phiếu dù là cả chục triệu đồng ? Mà sao không bỏ luôn cả hình đi nữa ? Bọn người lớn chúng ta, biết thế nào là thiện là ác, là phải là trái, là tốt là xấu, thì chỉ cần nhắc nhở nhau một chút, là chúng ta biết phục thiện, rồi cải thiện ; chứ cần gì phải nhốt nhau vào khám cho mất cái nhân cách của nhau đi, phải không bạn ?

Không, vấn-đề không đơn giản như vậy, không phải chỉ có việc tuyên bố nên thưởng phạt hay không mà là xong

được. Còn phải tùy theo tính-tình của trẻ, tùy theo tội lỗi, hoàn cảnh, nhất là cách thưởng và phạt nữa.

2. Thưởng

Ai đã dạy trẻ tất nhận thấy rằng chính-sách thưởng phạt nhiều khi nếu không phải là cần thiết thì ít nhất cũng có lợi. Tuy nhiên, ta nên nhớ điều nầy : hiệu nghiệm của nó không bền và càng dùng nó thường thì hiệu-nghiệm càng kém.

Tôi không ưa cái lối thưởng tiền : trẻ dưới mười một mười hai tuổi không cần dùng tiền ; còn trên tuổi đó, thì mỗi tháng hoặc mỗi tuần, ta nên cho chúng một số tiền vừa phải để chúng tập sử dụng lấy. Tuy-nhiên, nhiều gia-đình như gia-đình Gilbreth mà tôi đã giới thiệu với bạn, vẫn dùng phương-pháp đó mà trẻ vẫn ngoan : ông sai một cậu sơn hàng rào, nếu làm cẩn thận và xong đúng kỳ hạn thì ông trả công. Đó cũng là một cách tập cho trẻ hiểu giá trị của tiền. Nhưng cũng còn tùy tính tình của trẻ : nếu có tiền mà chúng tiêu bậy thì tôi tưởng cách đó có hại hơn là lợi.

Tôi cũng không ưa cái lối hứa với trẻ : « Ráng học đi, nếu cuối năm thi đậu thì ba thưởng cái xe Suzuki ». Lời hứa đó cũng kích thích trẻ được, nhưng tôi chắc là không lâu, vì tôi không tin rằng một đứa trẻ bình thường, có thể gắng sức hoài suốt năm chỉ vì mong tới cuối năm được cái xe máy dầu, hoặc được đi nghỉ mát Đà-lạt, hoặc được bộ quần áo mới. Vả lại, khi trẻ đã mười lăm, mười sáu tuổi, thì nhiều đứa chỉ mỉm cười khi nghe mẹ hứa như vậy. Hình như chúng tự nhủ : « Ba má muốn « mua » mình đây… để xem có mua mình được không ? ». Cho nên nếu bạn muốn áp-dụng chính sách «

mua chuộc » đó, thì cũng phải tùy trẻ và cũng phải cẩn-thận lắm mới được. Theo tôi cứ khuyên bảo chúng, đừng hứa gì cả, rồi khi chúng làm xong thì thưởng cho chúng một vật gì mà chúng thích, như để chung vui với chúng và tỏ cho chúng thấy rằng ta đã hiểu sự gắng sức của chúng.

Khi chúng còn nhỏ, muốn kích-thích chúng làm nhanh lên, hoặc cẩn-thận hơn, thì tôi tưởng một lời như vầy, vô hại : « Nếu con làm mau lên, thì được ra bến tàu chơi với ba má » ; hoặc : « Con viết cho đẹp, thì được ra sân chơi với em Bích-Thủy, không thì ba bắt viết lại, hết chơi ».

3. Phạt

Trước khi phạt phải xét :
- Trẻ thực có lỗi không ?
- Tại sao chúng mắc lỗi ?
- Ta có lỗi không ?
- Hình phạt về xác thịt.
- Những hình phạt nên tránh

Thưởng dễ, phạt mới khó, vì nếu ta lầm lỗi trong sự phạt thì ảnh-hưởng có thể tai hại ; cho nên trước khi phạt, phải tìm hiểu trẻ, phải tự hỏi :

- **Trẻ thực có lỗi không ? :** Tôi lấy một thí-dụ thường xảy ra trong mọi gia-đình. Một em nhỏ chơi ở nơi nào đó, trong nhà. Má gọi, không thấy em thưa. Gọi nữa, và giọng đã hơi gắt. Cũng vẫn im. Lại gọi nữa, lần nầy thì vang cả nhà. Em nhỏ lúc bấy giờ mới « dạ », nhưng vẫn chùng-chình, chưa chạy lại. Thế là ầm cả làng xóm lên. Người ta mắng nó là lì,

là không nghe lời, là bướng-bỉnh… Nhưng thực ra nó có lỗi không ? Chưa chắc. Có thể rằng nó mải mê với đồ chơi quá mà không nghe thấy thật. Mà những trẻ như vậy thường giỏi tập trung tư-tưởng, cần-mẫn, thông-minh ; mắng nó chẳng là oan ư ?

- **Tại sao trẻ mắc lỗi ? :** Lỗi tuy là đáng kể, nhưng không bằng nguyên nhân của lỗi ; và ta trị là trị cái nguyên-nhân chứ không phải cái lỗi. Trẻ học hành đã không tiến mà còn lùi, không thuộc bài, không làm bài. Tại sao ? Tại nó có bệnh mà mình không hay ? Tại nó tới tuổi dậy thì ? Tại nó không mến ông giáo mới ? Tại ông giáo giảng, nó không hiểu… Có cả chục nguyên-nhân, phải tìm ra nguyên-nhân trong hoàn cảnh của nó rồi mới biết cách trị được, chứ không thể cứ thấy trẻ xuống hạng trong lớp là rầy nó ngu, làm biếng, rồi phạt nó không được ăn tráng miệng, chủ nhật không được đi chơi v.v…

- **Trẻ có lỗi, nhưng còn ta, ta có lỗi không ?! :** Trẻ ăn cắp một cây viết chì màu của bạn. « Tội đó thì không tha thứ được a ! ». Nhưng còn cái tội của cha lấy đồ trong kho của hãng về sửa cái phòng tắm, cái hàng rào ; và cái tội của mẹ nhét vội vào « sắc » số tiền mà cô bán hàng thối dư ; và hàng chục hàng trăm tội như vậy mà cả cha lẫn mẹ cứ hoan-hỉ, hãnh diện mắc phải trước mắt trẻ mỗi ngày ; thì lại tha-thứ được, phải không bạn ?

Khi đã tự xét như vậy mà biết chắc rằng trẻ hoàn-toàn phải chịu trách-nhiệm – trường-hợp nầy rất hiếm, luôn luôn, không ít thì nhiều, ta cũng chịu một phần trách nhiệm với chúng – thì cũng chưa nên phạt vội, mà rán giảng cho chúng

hiểu rồi nhận lỗi. Chúng ăn năn thì thôi. Nếu tái phạm hai ba lần thì mới phạt. Khi bắt buộc phải phạt, thì nên giữ thái-độ bình-tĩnh, đừng phùng mang, trợn mắt, dựng tóc, nghiến răng như ông Trương-Phi, vì lẽ như vậy thì lần sau chúng chỉ tìm cách tránh ông Trương-Phi, chứ không tránh lỗi, rồi hoặc là chúng oán ta, hai là chúng hóa ra giả dối, đê tiện.

Bà Rose Vincent và ông R. Mucchielli trong cuốn *Comment connaître votre enfant* kể chuyện một người cha phạt con rồi khóc, đau-đớn bảo con : « Tại sao con hành-động như vậy để ba phải phạt con ? Nếu con ngoan thì cha con mình có phải vui biết bao không ? ». Đứa con cũng khóc. Trẻ đâu phải tàn-nhẫn và vô tình ? Nếu cha mẹ không vô tình, thì tôi tưởng con cái cũng không thể vô tình được.

Tuy-nhiên, dù ta hiền từ đến đâu đi nữa, dù ta tự chủ đến bực nào đi nữa, thì cũng có những lúc ta phải giận dữ vì hành vi của trẻ. Những lúc đó, có bạt tai chúng một cái, hoặc quất cho chúng một roi, thì cũng không phải là có tội gì cả. Tất nhiên tránh được thì vẫn hay ; nhưng chẳng tránh được thì cũng là có ích cho trẻ : chúng sẽ hiểu rằng sự kiên-nhẫn của ta có giới hạn, và ở đời có những sự bất bình chính đáng.

Một bà bạn tôi, ít học, dạy con theo lối cổ, không hiểu rằng trẻ có những thời kỳ trở chứng, hóa bướng bỉnh, vô lễ ; nên quá nghiêm khắc với một đứa con gái 12 tuổi, rầy la nó suốt ngày. Một lần nó uất hận quá, thốt ra một lời rủa : « Người đâu mà cay nghiệt như vậy ? Má chết đi ! Cầu Trời cho má chết đi ! ». Ông bạn tôi nghe thấy vậy, bạt tai cho nó một cái, mặc dầu vẫn nhận rằng lỗi không hoàn-toàn ở nó, rồi đợi khi nó hết cơn khùng, mới giảng giải cho nó. Theo tôi,

thái-độ đó là phải ; như vậy còn hơn là không đánh mà tỏ vẻ ghét nó, gớm nó, không thèm nói với nó trong năm sáu ngày liền để nó phải khè gấp trăm gấp nghìn. Nếu trẻ bình-thường, nghĩa là không có bịnh thần-kinh thì một vài cái bạt tai một năm, trong những trường-hợp đích-đáng hồi chúng dưới mười ba, mười bốn tuổi, sẽ không làm cho chúng oán ta và chán đời đâu. Em nhỏ đó năm nay đã mười lăm tuổi, sắp thi Trung-học đệ nhất cấp. Mới đây tôi nhắc lại chuyện cũ, hỏi em : « Cháu còn nhớ mấy năm trước, cháu rủa má cháu chết đi, và bị ba cháu bạt tai không ? » Nó cười cười cúi mặt xuống đáp : « Lâu quá rồi, làm sao cháu nhớ được ? Bác chỉ được cái hay hỏi ! ».

Những nhà giáo-dục lý-thuyết bảo : « Nhất-định phải cấm ngặt những hình-phạt về xác thịt trong sự giáo-dục ». Tôi hoan nghênh quy tắc đó lắm, vì lúc này đây tôi còn rờn rợn khi nhớ tới cái dùi trống của cụ Ch. tới cái thước kẻ bảng dày ba phân, rộng một tấc, dài hai thước của cụ T. ở trường Yên Phụ cách đây trên ba chục năm ; nhưng xin bạn cho phép tôi ngờ rằng chính những nhà giáo-dục đó thế nào cũng đã bạt tai các cậu các cô trong nhà vài chục lần. Người ta cấm ngặt chẳng qua chỉ là để tránh sự thái quá. [8]

Trong vấn-đề giáo-dục, ngoài quy-tắc trung dung và tùy thời – nghĩa là tùy hoàn cảnh, tùy trẻ – không có quy-tắc nào là bất di bất dịch cả. Cho nên ở một chương trên tôi khuyên bạn nên thận-trọng để ý đến sự phản ứng của trẻ, đừng để cho chúng uất hận, mà ở đây tội lại bảo hình-phạt về xác thịt không phải là luôn-luôn có hại. Chủ ý của tôi trước sau là một : tránh những cực đoan.

Nhưng vẫn có những hình-phạt không nên áp-dụng ; chẳng hạn :

- bắt trẻ phải nhịn cơm, cách này tàn-nhẫn quá.

- bắt trẻ phải xin lỗi người khác trước mặt mọi người, một khi chúng đã lớn và có lòng tự ái. Ta chỉ nên bảo trẻ : « Con hành-động như vậy là có lỗi với bạn (hay với anh), mà khi mình đã nhận thấy lỗi của mình thì nên xin lỗi người ta. Con suy-nghĩ đi, rồi chiều nay, hoặc mai, mốt, con lại giảng giải với bạn con ».

Tôi lại khuyên bạn không nên phạt trẻ vì có đứa khác méc nó. Cái nghề tình báo để phụng sự tổ-quốc là một nghề đáng trọng ; nhưng khi không phải vì tổ-quốc mà làm tình-báo viên, thì lại chẳng đẹp chút nào cả. Vả lại, trong nhà có độ bảy tám đứa trẻ mà nghe hết cả những lời chúng méc nhau, thì lộn-xộn lắm. Cho nên ta phải cho trẻ biết rằng ta chỉ phạt chúng khi thấy chúng có lỗi, chứ không khi nào ta nghe lời méc.

Chúng méc nhau ta đã ghét rồi, thì có lý nào lại bắt chúng tố cáo lẫn nhau nữa ? Bắt không được thì phạt cả bọn. Thái-độ đó tôi cho không phải là thái-độ người trên. Có khác gì bọn thực-dân Pháp hồi trước, nghi một làng nào chứa chấp các nhà cách-mạng, thì tàn sát dân cả làng đó không ?

4. Lời khuyên cuối cùng

Sau cùng, còn một lời khuyên nữa, mà tôi dụng tâm để lại cuối chương nầy. Nó rất vắn tắt : *Xin bạn đọc đi đọc lại bài* **Làm cha nên nhớ** *trong cuốn* **Đắc nhân tâm : bí quyết**

của thành công của Dale Carnegie, trang 262-264.

CHƯƠNG V : KHÔNG-KHÍ TRONG GIA-ĐÌNH

1. Không-khí trong gia-đình là cần nhất

Tôi đã nói thưởng và phạt, dù khéo dùng, hiệu nghiệm cũng không bền. Nó chỉ như chích một mũi sinh-tố B12 hay một mũi Pénécilline thôi. Chính không-khí trong gia-đình mới quan trọng nhất.

Tất cả các nhà giáo-dục, dù tân hay cựu, đều nhận như vậy. Nhiệm-vụ giáo-dục của cha mẹ không phải là chỉ dạy luân-lý cho con, rồi thưởng và phạt. Chính những hành-vi, thái độ của ta trong gia-đình, trong xã-hội mới gây nên một không khí nó làm cho trẻ dễ ngoan hay dễ hư. Trẻ còn nhỏ, ta bảo cái gì cũng nghe, phục ta như thần thánh ; lớn lên, khi đã biết suy nghĩ, chúng không hoàn toàn tin những lý thuyết, quy-tắc của ta nữa, mà dò xét hành-động của ta để rút một bài học. Thấy cha mẹ suốt ngày làm việc, lương thiện và ngay thẳng, thì chúng cũng mắc cỡ hoặc ngường-ngượng mỗi khi chúng không làm tròn bổn-phận ; thấy cha mẹ chỉ đầu cơ và hối lộ mà giàu có thì chúng cũng lần lần cho kẻ cần lao liêm khiết là dại dột.

Tôi không bảo rằng hễ cha mẹ hiền lương thì con cái đều hiền lương, cha mẹ gian ác thì con cái cũng gian ác hết, vì luật di-truyền rất phức tạp, mà ảnh-hưởng của giáo-dục có giới hạn ; nhưng tôi cũng nghĩ như bà Vérine, người sáng lập *Trường cha mẹ* [9] ở Pháp, rằng không có một phương-pháp giáo-dục nào, dù hoàn hảo tới đâu, mà hiệu nghiệm bằng

đích thân mình làm gương cho trẻ.

Đức-dục của trẻ do sự đồng-hóa mà tiến từng bực một, chứ không do những lời giảng về luân-lý.

Hồi nhỏ chúng đồng-hóa với cha mẹ, những người chúng phục nhất và yêu nhất. Lớn lên chút nữa, chúng đồng hóa với ông thầy nào có tư-cách nhất. Rồi chúng đồng-hóa với những danh-nhân đương thời hoặc thời trước. Lý-tưởng của chúng thường thay đổi : lúc chúng muốn làm một ông giáo, lúc lại muốn làm một danh-tướng, một văn-sĩ ; tới tuổi thành nhân có lẽ chúng chỉ thành một thư-ký hoặc một nhà buôn tầm thường, nhưng đức dục của chúng đã chịu ảnh hưởng không nhiều thì ít của tất cả những tấm gương chúng đã soi. Vì vậy mà tư cách của cha mẹ và của ông thầy là quan trọng nhất ; và tiểu-sử danh-nhân viết một cách hấp dẫn là những sách bổ ích nhất cho thanh niên. [10]

2. Dạy-dỗ là làm gương

Ai cũng bảo dân tộc Mỹ là một dân tộc thực tế, vật chất, chỉ biết quý đồng đô-la, xe hơi và nhà lầu. Có lẽ như vậy thật. Nhưng một số nhà giáo-dục của họ cũng rất trọng những giá trị tinh-thần. Bà Anna W.M. Wolf, giúp việc mười hai năm cho *Hội nghiên-cứu trẻ em của Mỹ* (Child study association of America), khuyên ta như vầy :

« Thế nào là một « gia-đình tốt » ? Tôi xin nói ngay rằng, không phải như mọi người tưởng, hễ gia-đình nào có được nhiều thắng lợi trong đời, là gia-đình đó tốt đâu. Người ta thường nghe nói : « Tôi muốn cho con tôi có đủ thắng lợi

trong đời ! ». Những thắng lợi đó không phải là thắng lợi ; mà trái lại, là những bất lợi. Xin bạn tin chắc như vậy. Những cái gì người ta tạo được bằng của cải một cách dễ dàng quá, như : âm nhạc, sách đẹp, du lịch, lớp học lộng lẫy, đều đã được đánh giá quá cao. Những vui thích đó ví sao được với một nền giáo-dục chắc-chắn, nó cho ta đủ nghị lực chịu những thất-bại trong đời một cách vui vẻ, và sẵn lòng lãnh trách-nhiệm mà nhìn thẳng vào đời. Tất nhiên, ta phải rán hết sức cho con cái chúng ta được khỏe mạnh, nhưng sức mạnh tinh-thần vẫn là quan trọng hơn hết. Không phải là cứ áp-dụng một chính-sách giáo-dục đặc-biệt bằng những phương-pháp giáo khoa tân kỳ, mà con chúng ta nên người đâu. Không, chỉ cần cái không-khí trong gia-đình thôi. Mà không-khí đó tùy thuộc, trước hết, tính tình của cha mẹ, cách sống của họ, lý-tưởng của họ, và đức kiên-nhẫn của họ để thực hành được lý-tưởng đó.

« Khi chúng ta xét kỹ những gia-đình sung sướng – tôi muốn nói những gia-đình mà con cái vui-vẻ, hoạt-động, tự-nhiên, không gây lộn nhau dữ dội mà cũng không có những tật khó trị – thì chúng ta thấy cái gì ? Chúng ta thấy rằng trong những gia-đình đó người ta dùng hình-phạt một cách vừa phải, luôn luôn công bằng, và rất ít khi người ta thuyết-giáo ».

« Rất ít khi người ta thuyết-giáo », lời đó rất đúng. Không bao giờ người ta mắng trẻ : « Sao mầy không coi gương thằng Phước, con chú Tư đó ? Nó sanh sau mầy một năm, chú thím ấy lại nghèo, không có tiền cho nó học thêm Anh văn, Pháp văn gì hết ; mà mầy thấy đó không, nó thi

đậu Tú-Tài rồi đấy, làm rạng rỡ cho cha mẹ. Còn mầy, hai năm rớt Trung-học đệ nhất cấp rồi, đã ngu dốt lại làm biếng. Mầy nghĩ sao hử ? ». Nó nghĩ sao ư ? Nó nghĩ rằng cha mẹ nó làm nhục nó, và đã vậy thì nó càng ì ra, cho cha mẹ nó thêm tức, chứ sao nữa ? Thành thử người ta muốn cho nó noi gương em nó, mà nó hóa ra oán ghét cha mẹ, rồi oán ghét luôn cả tấm gương sáng đó.

Nhất là không khi nào người ta bảo trẻ : « Hồi xưa ba đâu có được sung-sướng như con ; đâu có xe Vespa để đi học, mưa cũng như nắng, mỗi ngày phải cuốc bộ tám chín cây số ; đâu có được đủ quần áo giày dép như con, mùa đông thì co-ro trong cái áo vải đụp, chân đi đất, ăn uống thì làm gì có bơ sữa, nước cam, nước đá ; tiền mua sách cũng không có, nói gì đến đi học tư… vậy mà ba học năm nào cũng nhất, môn nào cũng không nhứt thì nhì. Con sung-sướng quá, con ạ ; mà sung-sướng quá thì hỏng… ». Cha thuyết vậy, mẹ lại chêm một câu : « Livret scolaire của ba con, má còn giữ đấy, con lấy mà coi, trong tủ đứng ở phòng giấy ấy, ngăn dưới, bên tay mặt, con ạ ». Làm cho cậu con oán luôn cả cái tủ đứng đó nữa.

Trẻ ngày nay không chắc hư hơn trẻ hồi xưa ; nhưng chúng được trông nhiều hơn, nghe nhiều hơn, đọc nhiều hơn, tất nhiên chúng có dịp suy-nghĩ, so-sánh, và không chịu tin những lời thuyết giáo suông của ta nữa. Chúng phán-đoán, chỉ trích ta, nếu không ra mặt thì cũng ngấm ngầm. Điều đó có lẽ cũng đáng buồn thật, nhưng sự thực như vậy. Chỉ hành-động của ta mới làm cho chúng phục ; còn như cái việc thuyết giáo, thì ai mà chả làm được ?

Vậy muốn dạy trẻ thì phải đích thân mình làm gương cho chúng. Tôi nói rõ thêm : phải lấy những hành vi *hiện tại* của mình làm gương cho chúng. Muốn chúng siêng học ư ? Đừng nói năng gì cả, cứ lẳng lặng tới giờ làm việc, và làm cho cẩn thận. Muốn chúng ngay thẳng ư ? Thì đừng gian lận, đừng lường gạt, đừng ăn cắp, đừng để chúng phải vơ-vẩn nghĩ : « Lương ba có tám ngàn một tháng, tiêu pha trong nhà sợ không đủ, làm sao mà có tiền sắm hai cái xe hơi, một cái non trăm ngàn, một cái trên hay trăm ngàn, trong một thời-gian ba năm làm việc nhỉ ? Ấy là chưa kể bao nhiêu đồ cổ trong tủ kính ở phòng khách, đáng giá cả trăm ngàn, rồi hộp hột soàn của má cũng đáng giá cả mấy trăm ngàn nữa. Lại sắp tậu thêm một biệt thự non triệu nữa ? ».

Ông R. Dottrens trong cuốn *Nos enfants à l'école* viết : « Dạy-dỗ là làm gương ».

- Đó là quy-tắc sơ-đẳng nhất trong luân-lý thông-thường.

- Chỉ muốn dùng uy-quyền để bắt trẻ tập những thói quen, những đức hạnh mà chính ta không có, thì khác gì mò trăng đáy giếng. Chơi cái trò đó hại lắm, ta có thể mất lòng tin cậy và lòng kính trọng của trẻ.

- Và làm sao lại tưởng-tượng được rằng ta có thể đặt trước lương tâm trẻ một lý-tưởng để hướng-dẫn ý chí và hoạt động của trẻ, nếu chính ta, ta không hành động đúng như lý-tưởng đó ?

- Khi tất cả các thanh-niên có thể tôn kính nghiêng mình trước tấm gương của cha mẹ, thì cái khủng-hoảng gia-đình giáo-dục và tình-trạng hỗn-loạn của bọn trẻ đã gần tới lúc

cáo chung.

- Làm sao cho con chúng ta có thể khoe chúng ta với bạn chúng bằng giọng tự-đắc như vầy : « Ba tao, mầy biết không, « số dách » à ! Còn má tao, thì thực là « quá xá », bồ ơi ! ». Như vậy không phải là chúng ta đã diệt được hết những khuyết điểm cùng tật xấu đâu, mà chỉ có nghĩa là chúng ta đã giữ kỷ-luật và gắng sức để cho chúng theo.

- Và ngày nào mà hết thảy các học sinh cũng có thể khoe với bạn về thầy học của mình như vậy, thì vấn-đề giáo-dục, vấn-đề sư-phạm không còn gì phải bàn cãi nhiều nữa. Từ trước, người ta phải nghĩ phương-pháp nầy, phương-pháp khác chỉ là để vá-víu những khuyết-điểm của ông thầy thôi, ông thầy mà có đức hạnh, có lương-tâm thì dù dạy sai quy-tắc, kết-quả cũng vẫn tốt.

3. Không-khí của thời-đại

Nhưng gia-đình chỉ là một điểm nhỏ trong xã hội, và xét không-khí trong gia-đình thì cũng phải xét không-khí của thời-đại nữa.

Nhiều người lo lắng, nghĩ : « Ở trong nhà mình, trẻ được hút cái không-khí lương-thiện, mà hễ ra khỏi nhà – một ngày chúng ra khỏi nhà tới mấy giờ ? – thì chúng phải hút cái không-khí của thời-đại, cứ một mặt xây dựng, một mặt tàn phá, thì làm sao có kết quả được ? Mà sức tàn phá mạnh biết bao ! Nó lan tràn cả vào trong gia-đình. Mở nhật-báo ra coi, có ngày nào là không có vài vụ hiếp dâm, cướp bóc, bịp bợm, hối lộ ? Rồi hát bóng, rồi tiểu thuyết ! Ngay cả một số tư-

thục nữa ! Rồi cả một số sách giáo-khoa khuyến-khích lối « học tủ » nữa ! Kể làm sao hết những ảnh hưởng tai hại đó ? ».

Nghĩ như vậy là chỉ xét cái mặt ngoài của thời-đại. Bao giờ cũng thế, sau một thời loạn, tất có những vẩn đục trong xã hội, và phải đợi một thời-gian rồi bùn cát mới lắng dần xuống được. Nhưng chiến-tranh chẳng kích-thích riêng gì bọn tiểu-nhân, số tiểu-nhân trụy lạc tăng thêm nhiều, thì trái lại hạng quân tử cũng tiến đức thêm lên nhiều. Bạn chẳng thấy đó ư ? Những người chí khí cao thường được gọi là « người Chiến-quốc », mà thời Chiến-quốc chính là thời loạn nhất của Trung-hoa. Thời Lê mạt của ta cũng là thời cực suy mà bên cạnh hạng xu thời, có biết bao anh-hùng và liệt nữ ! Rõ-ràng nhất là gần đây, hồi Pháp mới chiếm xong nước ta, cứ một kẻ bán nước, thì có hàng ngàn hàng vạn người vui vẻ hy-sinh cho chính nghĩa, hoặc quyết đổ máu với quân thù, hoặc ẩn nhẫn chờ thời cơ, bắt cả gia-đình phải nghèo khổ chứ không chịu hợp tác với chúng. Không. Không có thời nào mà « luân thường đảo ngược » cả. Những giá trị luân-lý không bao giờ thay đổi. Bùn vẩn lên thì ta thấy nước đục, nhưng nó lắng xuống thì nước lại trong, trước sau nước vẫn không thay đổi.

Trên mười năm nay, tôi ít khi ra khỏi nhà, chỉ được tiếp xúc với một số người cầm bút và một số thanh-niên. Nhiều người chê hạng cầm bút hồi nầy là xu thời, còn thanh-niên thì trụy-lạc. Cũng có những kẻ như vậy thật ; nhưng tôi cũng thấy những nhà văn và học-giả bỏ những công-việc nhàn-nhã có thể kiếm được vạn rưởi mỗi tháng, để soạn những bộ sách tốn công mấy năm, mặc dầu họ biết rằng viết xong, đem bán

chẳng ai mua, mà xuất-bản lấy thì không tiền ; tôi lại thấy nhiều thanh-niên nhịn ăn sáng để mua sách đọc, tìm được cuốn sách nào mới thì mừng như tìm được mỏ vàng, giấu nó đi, sợ có người mua mất rồi đợi tới cuối tháng có tiền là chạy ngay tới tiệm, moi cuốn sách ra, hí-hửng đưa cho người bán hàng, bảo gói lại. Đầu cuốn nầy tôi đã kể chuyện một cụ già non tám chục tuổi mà còn rán kiếm tiền nuôi con ăn học ; còn những công-chức hạ cấp, những công nhân bỏ ba phần tư số lương vào sự học của các con, thì xóm nào cũng có.Cứ xét hạng trung lưu trở xuống, ta sẽ thấy những đức kiên-nhẫn, hy-sinh, trong sạch và nhân từ vẫn được tôn-trọng, có lẽ được tôn-trọng hơn thời tiền chiến nữa.

Đã lâu lắm tôi chưa được đọc câu nào lý thú bằng câu nầy của bà Dale Carnegie trong cuốn *Luyện tinh-thần :* « Bất kỳ ngó về phía nào, nếu ta đừng để cho lòng bi-quan làm mờ mắt ta, ta sẽ thấy biết bao điều chứng tỏ lòng tốt dễ thương, đại-lượng lạ lùng của người khác ». Rõ là lời của một người từng trải và đạt quan.

Vậy khi dạy trẻ, ta cần chỉ cho chúng hiểu rằng cái bề mặt phô trương trên các tờ báo, các màn ảnh, các nẻo đường không phải là chân tướng của thời đại đâu ; và khi trẻ đã có dịp nhận-xét so sánh thì tất thấy đâu là đẹp, đâu là xấu.

PHẦN THỨ BA : NHỮNG TẬT CỦA TRẺ

CHƯƠNG I : TRẺ BÚ NGÓN TAY

1. Những điều nên nhớ khi đọc chương nầy và những chương sau

Có lẽ nhiều đoạn trong chương nầy và những chương sau sẽ làm cho bạn hoang-mang. Chính tôi trong khi đọc những sách mới nhất của người Âu, Mỹ viết về nhi-đồng giáo-dục để tìm tài-liệu viết những chương đó, cũng đã có cái tâm-sự của bà mẹ Tăng Sâm.

Tăng-Sâm là một môn-đệ của Khổng-Tử, chẳng những được người đương thời trọng là hiền, mà tới Khổng-Tử cũng mến là có đức. Ông cung kính, đôn-hậu, thành-thực, tín cẩn. Khi Khổng-Tử mất, ông nối gót, mở trường dạy học ở nước Lỗ, soạn cuốn *Đại-học* để giải diễn lời của thầy, truyền được đạo cho Tử Tư, tức Khổng Cấp, cháu đích tôn của Khổng-Tử, tác giả cuốn *Trung Dung ;* rồi Tử Tư lại truyền đạo cho Mạnh Tử. Tóm lại, ông có công với đạo Khổng, cũng như thánh Pierre có công với đạo Ki-Tô, ở tư cách, cho nên được hậu thế khen là học cao mà chắc-chắn, làm được những điều thánh hiền cho là khó.

Tăng-Sâm lại rất trọng đạo hiếu. Ông cho hiếu để là cái gốc của đạo nhân và bảo : « Hiếu có ba bậc ; bậc cao là làm tôn trọng cha mẹ, bực trung là không làm nhục cha mẹ, bực thấp là có thể nuôi được cha mẹ ». [11]

Một người hiền như vậy có khi nào giết người để nhục đến cha mẹ được không ? Quyết nhiên là không. Bà mẹ của Tăng-Sâm hiểu con lắm, cho nên khi có người hốt-hoảng lại

cho cụ hay Tăng-Sâm đã giết người, cụ mỉm cười lắc đầu : « Không có chuyện đó đâu, người ta đồn bậy đấy », rồi thản-nhiên ngồi dệt. Một lúc sau, lại có người chạy và báo tin đó, cụ vẫn không tin, nhưng trong lòng đã thấy không yên. Tới lần thứ ba thì cụ vội-vàng bỏ khung cửi, tìm đường trốn. Sau mới rõ thực sự là kẻ giết người trùng tên và họ với Tăng-Sâm.

Từ trước, tôi vẫn tin những phương-pháp nuôi con, dạy con xuất-bản ở nước ta trong hai chục năm trở lại đây, do những bác-sĩ, những nhà mô-phạm viết. Chẳng hạn tôi cho những quy-tắc : bắt con ngủ phải đúng giờ, cho chúng bú cũng đúng giờ, cấm chúng bú tay, cấm chúng nói bậy, nghiêm trị tật nói dối, tật ăn cắp ngay từ hồi chúng một hai tuổi… là bất di bất dịch. Cho nên lần đầu tiên, đọc cuốn *Vos enfans et vous* của Anna W.M. Wolf trong đó tác giả đả phá những quy-tắc trên, thì tôi tự nghĩ : « Bà nầy nói bậy. Người Mỹ thường có những tư-tưởng mới quá, nhất là trong vấn đề giáo-dục, chưa thể tin được ». Ít lâu sau, đọc những tác phẩm *Les défauts de l'enfant* và *Education familiale* của André Berge, thấy vị bác-sĩ Pháp nầy cũng chủ-trương như bà Wolf, tôi đã đâm ra suy nghĩ. Rồi tôi tìm kiếm thêm những cuốn *Pour comprendre nos enfants, mettons nous à leur place* của bác sĩ Beverrly, người Mỹ ; cuốn *Comment soigner et éduquer son enfant* của bác sĩ Benjamin Spock, cũng người Mỹ, một cuốn đã được dịch ra nhiều thứ tiếng, đã bán được ba triệu bản, được các bực cha mẹ ở khắp thế giới tin cậy ; và cuốn *Psychologie de l'enfant de la naissance à l'adolescence* của nhà xuất bản Bourrrelier, do trên một chục

tâm lý gia, giáo dục gia hợp lực biên soạn. Đọc xong những cuốn đó thì lòng tin những quy-tắc bất dịch trên kia đã lung lay. Hàng chục nhà bác học đã nghiên cứu hàng vạn trẻ em ở khắp nơi mà đều kết luận như nhau thì làm sao tôi có thể ngờ họ được nữa ?

Nhưng « tận tín thư » vốn là không nên, mà áp-dụng đúng những quy tắc của họ vào sự giáo dục trẻ em Việt thì lại càng không nên.

Chẳng hạn, khi họ bảo trẻ còn nhỏ mà đứng về phương diện luân lý, chứ không đứng về phương diện sinh-lý để xét trẻ, là vô ý-thức và bất công thì ta có thể tin được. Dưới ba bốn tuổi, trẻ chưa có quan niệm gì về thiện ác, ta không thể bắt chúng chịu trách nhiệm về hành động của chúng. Mắng chúng hoài là có đủ các tật, nào nói dối, làm biếng, nào ăn tham, tàn nhẫn… rồi đánh phạt chúng, ghét chúng, thì oan cho chúng, và làm cho chúng dễ hóa ra có tội lỗi thật. Ta xét chúng ra sao thì chúng thành như vậy. Cheteaubriand đã nói trong tập *Mémoires d'Outre-tombe :* « Hồi nhỏ tôi thấy như thích làm tất cả những cái ác mà người ta chờ đợi ở tôi ».

Nhưng khi bác-sĩ Gilbert Robin bảo : « Trẻ không có tật xấu, tại người ta đã vụng dạy chúng hoặc tại chúng đau » thì tôi ngờ rằng tác giả đã lạc quan quá, đã chủ-trương thuyết « tính thiện » của Rousseau, và quên mất những ảnh hưởng nhiều khi tai hại của di-truyền.

Một điều nữa tôi xin độc-giả lưu ý tới là tâm-trạng trẻ tùy theo xã-hội trong đó chúng sống. Chẳng hạn tôi thấy phần đông trẻ con Âu-Mỹ tinh khôn hơn, phóng túng hơn, mẫn

cảm hơn và do đó dễ có mặc cảm hơn trẻ con Việt ; mà ngay ở nước mình, trẻ con trong giới phong lưu ở thành thị cũng không chất phác như trẻ con nông dân. Cho nên những phương-pháp giáo-dục ở Âu-Mỹ không nên áp-dụng đúng ở nước mình.

Tóm lại, khi đọc chương nầy và những cương sau về nguyên-nhân và cách sửa những tật của trẻ, theo quan niệm tân giáo dục, bạn nên nhớ hai điều nầy :

- các nhà giáo-dục Âu Mỹ hiện nay vì hăng-hái đả phá phương-pháp cũ, nên có thể cực-đoan.

- hoàn cảnh của nước mình khác hoàn cảnh của Âu, Mỹ.

Dưới đây, tôi xin xét trước những tật không quan trọng mấy, gần như hoàn toàn do sinh lý, tức tật bú ngón tay, tật ở dơ, tật biếng ăn, tật sợ sệt.

2. Tật bú ngón tay

Từ trước, người ta cho tật bú ngón tay là một tật xấu phải trừng-trị một cách nghiêm-khắc. Người ta ghê tởm cau mày, nổi giận, và nghĩ tới những hậu quả tai hại của thói đó mà chẳng một ai biết chắc chắn hậu quả đó ra sao.

Gần đây người ta đã nghiên-cứu thói bú ngón tay của trẻ và nghiên-cứu luôn cả bản-năng bú của những loài có vú khi chúng còn nhỏ ; và phần-đông công-nhận rằng nguyên-nhân thói bú ngón tay là do nhu cầu bú của trẻ không được thỏa mãn. Ông David Levy, người Mỹ chuyên môn về vấn đề đó thấy rằng những trẻ cứ ba giờ được bú một lần thì bú ngón tay ít hơn những trẻ bốn giờ mới được bú một lần ; và những

trẻ bú hai mươi phút đã xong bữa vì lỗ ở núm vú cao-su lớn quá, thì luôn luôn bú ngón tay nhiều hơn những trẻ bú hơn hai mươi phút mới xong bữa. Ông lại nuôi một bầy chó con, không cho chúng bú mẹ, mà bắt phải uống sữa do ông đổ vào mõm. Ngay từ những ngày đầu, những con chó đó mắc ngay tật bú và liếm ; chúng liếm chân chúng tới rụng hết lông.

Ngoài nguyên-nhân đó hình như còn một nguyên nhân nữa : trẻ không được âu yếm, vuốt ve cũng bú ngón tay nhiều hơn.

Dưới một tuổi, trẻ nào cũng có nhu cầu bú ngón tay hoặc đưa một cái gì vào miệng để nút. Chúng thấy sung sướng lạ, nếu nhu cầu đó được thỏa-mãn. Miệng của chúng không phải chỉ để ăn, mà còn là một cơ quan gây khoái cảm ; cho nên gặp cái gì chúng cũng đưa lên miệng, cũng bú, cũng cạp, khó mà ngăn cấm chúng được. Lớn lên thì khoái cảm đó bớt đi, và chúng lần lần tự nhiên bỏ tật bú ngón tay.

Vậy bú ngón tay không phải là một tật. Nó là một nhu cầu của trẻ khi chúng một tuổi ; chỉ khi nào trẻ năm, sáu tuổi mà còn bú ngón tay thì mới là một tật. Ta không nên ngăn cấm nhu-cầu đó, mà trái lại phải làm thỏa-mãn nó, cũng như phải thỏa mãn nhu cầu ăn, ngủ của chúng. Nhu cầu đó ở mỗi trẻ một khác : đứa nhiều, đứa ít ; nhưng xét chung thì những trẻ nuôi theo lối cổ, nghĩa là được mẹ cho bú liền mỗi khi chúng đòi ; rất ít khi có thói bú ngón tay.

Do những nhận xét trên, các nhà bác-học rút ra được bài học dưới đây :

- Cho trẻ bú tùy thích một thời-gian lâu lâu trong mỗi bữa bú. Nếu như vậy rồi mà trẻ vẫn bú ngón tay thì thu ngắn khoảng thời-gian giữa hai bữa bú lại, chẳng hạn trước bốn giờ mới cho bú một lần, bây giờ ba giờ cho bú một lần. Bà Anna W.M. Wolf còn bảo rằng cho trẻ bú theo lối cổ, mỗi khi chúng đòi, chớ không đợi đúng giờ, có lẽ là cách hay hơn cả.

- Đừng hối trẻ trong khi chúng bú. Đợi chúng chán rồi mới rút núm vú ra. Bữa ăn của trẻ, cũng như của người lớn, không phải là một việc làm cho mau xong. Trẻ bú mà vui thích bao nhiêu thì tiêu hóa càng dễ bấy nhiêu. Đừng bắt trẻ thôi bú sớm quá ; nên nhớ rằng nhiều đứa tám hay mười tháng, chưa có thể thôi bú được. Và nên để chúng thôi bú từ từ, đừng ép chúng.

- Khi sữa ra mau quá, chúng no rồi mà chưa thỏa nhu cầu bú, thì chúng dễ sinh ra bú ngon tay. Thấy vậy, ta phải thay núm vú cao-su, đục lỗ nhỏ hơn, để sữa ra chậm hơn mà chúng được bú thỏa-thuê. Nếu theo đúng như trên mà chúng vẫn còn bú ngón tay thì đành dùng đầu vú cao su cho chúng ngậm vậy, miễn là đầu vú đó phải sạch. Cách đó không có hại gì cho trẻ cả, mà còn có lợi ở chỗ, lớn lên trẻ dễ bỏ thói bú đầu vú cao su hơn là bỏ thói bú ngón tay.

- Điều quan-trọng nhất là đừng rầy la, nghiêm cấm chúng, mà chúng có thể hóa khổ sở. Trung bình cứ ba đứa có một đứa bú ngón tay không nhiều thì ít. Phần đông tới hồi hai hay ba tuổi chúng sẽ tự nhiên bỏ thói đó, chẳng cần đợi ta răn bảo, vì lúc ấy chúng bú không thấy thích nữa. Nhưng cũng có đứa năm sáu tuổi thỉnh-thoảng còn bú ngón tay trước khi ngủ, hay mỗi khi mệt mỏi, bất bình điều gì. Đó

cũng là chuyện thường, không đáng cho ta lo.

Nhiều người ngại rằng để trẻ bú ngón tay thì khi mọc răng sữa, răng hàm trên sẽ vêu ra, mà răng hàm dưới nghiên vô trong. Nhưng theo ý kiến phần đông các nha y thì điều đó vô hại : khi lớp răng sau mọc thay lớp răng sữa, những tật đó sẽ mất, mà lúc đó trẻ đã sáu tuổi, không còn bú ngón tay nữa, hoặc chỉ bú rất ít thôi.

CHƯƠNG II : TRẺ Ở DƠ

« Kẻ nào thấy ở trong nhà mình những đứa trẻ đầy đất cát nhẩy nhót, té lăn rồi la khóc là kẻ ấy sung sướng ». **Cổ thư Ấn-Độ**

1. Chơi dơ

Cha mẹ ai không muốn cho con sạch sẽ như những con búp-bế, nhưng trẻ bình thường thì không bao giờ ở sạch cả. Một hai tuổi, chúng chưa phân biệt được thế nào là dơ, là sạch ; lớn lên chút nữa, chúng phân biệt mà chưa hiểu được sự quan-trọng của tánh ở sạch. Chúng thích lê-la dưới đất, nghịch bùn, nghịch cát, chui vào những xó-xỉnh bụi-bậm để khám phá thế-giới ở chung quanh. Luật tự nhiên như vậy. Cấm chúng là ngăn cản chúng phát-triển ; mà rầy la chúng hoài là « ở dơ như heo » thì chúng đã chẳng chừa, lại còn tức mình, ở dơ hơn nữa.

Ông Beverly kể chuyện một bác-sĩ nọ lại thăm một trường học. Gần cuối giờ chơi, mười lăm đứa trẻ vừa đá banh xong, sắp hàng để vô lớp. Đứa nào đứa nấy quần áo dơ-dáy, mặt mày lem-luốc, mồ hôi nhễ nhãi, đưa bàn tay đầy đất cát quệt đại lên mặt. Cô giáo có vẻ hơi ngượng, rầy chúng là bẩn thỉu. Có hai đứa khác, cũng học một lớp, ăn mặc rất sang-trọng, sạch-sẽ. Hạng đó là hạng công-tử bột, nhút-nhát, không trẻ nào thèm chơi với. Bác-sĩ chỉ hai đứa đó, hỏi cô giáo : « Còn hai em nầy, cô thấy ra sao ? ». Cô đáp : « Dễ thương lắm ! ». Bác-sĩ mỉm cười bảo : « Tôi chắc chúng không sung-sướng bằng những đứa kia, và có thể có bệnh

được ». Quả thực, khi khám xong, ông thấy hai đứa đó đều đái dầm và tinh-thần không bình thường.

Bà Anna W.M. Wolf cũng nhận xét như vậy và còn đi xa hơn nữa. Bà bảo ta phải khuyến-khích trẻ lê-la dưới đất. Khi chúng còn nhỏ thì tất nhiên phải có người coi chừng, đừng để chúng đưa những cây kim vào miệng ; còn đất cát thì mặc chúng, cứ tha hồ cho chúng vầy. Trước mỗi bữa ăn, tắm rửa cho chúng là đủ rồi ; *ai sợ đất cát, vi-trùng quá thì đừng nên có con.*

Bạn thấy lời khuyên đó có trái hẳn với những lời của các bác-sĩ trong các sách dạy nuôi trẻ từ trước tới nay không ? Bà Wolf muốn trở về cách nuôi trẻ theo lối cổ. Có lẽ bà nói cũng hơi quá ; nhưng tôi nghĩ từ khi thuyết vi-trùng của Pasteur ra đời, lợi tất nhiên là vô cùng rồi, mà hại cũng không phải là nhỏ. Người ta sợ vi-trùng quá, hơi một chút là đề phòng – tôi biết một bà đốc-phủ nọ mỗi ngày rửa tay bằng xà-bông cả chục lần, hễ mó vào một vật gì xong là phải rửa liền, đến nỗi ông chồng phải gắt : « Bà rửa hoài như vậy, không sợ thối tay sao ? » – thành thử sức chống cự của cơ-thể suy đi, ta dễ đau ốm. Chịu thiệt thòi nhất là bọn trẻ con trong các nhà phong lưu : chúng không được biết cái thú nghịch đất cát nữa.

2. Ở dơ. Đừng bắt trẻ ở sạch quá sớm

Ở dơ còn một hình-thức nữa là tiểu đại ngay trong quần hay trong giường. Về điểm nầy chúng ta cần phải xét kỹ ; và từ đây trở xuống tới cuối chương tôi xin dùng tiếng *ở-dơ* để chỉ riêng hình-thức đó, nhất là tật đái dầm.

Ai cũng nghĩ rằng trẻ sớm ở sạch bao nhiêu thì càng ngoan bấy nhiêu, càng thông-minh bấy nhiêu, cho nên người ta rất nghiêm-khắc với trẻ về điều đó, bắt chúng tập ở sạch ngay từ khi chúng mới được một hai tháng. Tôi nói *người ta* đó là muốn chỉ hạng trung lưu trở lên, chớ không nói hạng nông dân, chưa chịu ảnh hưởng âu mỹ nhiều và chưa biết sợ nước tiểu của trẻ như chúng mình. Ban ngày cứ chốc chốc người ta lại bồng trẻ ra, xi chúng ; và ban đêm, chúng đương ngủ say, cũng đánh thức chúng dậy, bắt chúng phải đi tiểu cho kỳ được. Thấy chúng ở dơ thì người ta nhăn mặc rầy chúng, dọa chúng, có khi đánh đập chúng nữa.

Người ta không hiểu rằng tập cho chúng quá sớm, đã chẳng có lợi mà còn tội-nghiệp cho chúng. Phải để cho chúng phát-triển lần-lần theo luật tạo-hóa.

Hồi mới được một tháng, chúng chưa biết gì cả, chỉ oe oe lên khi chúng tiểu trong giấc ngủ. Dần-dần chúng tiểu mỗi lần một nhiều hơn, và cách quãng xa hơn.

Một tuổi, chúng mới bắt đầu sai khiến được ruột và bàng-quang, lúc đó mới nên tập cho chúng ở sạch. Khi được mười tám tháng, một đứa trẻ bình thường có thể ở sạch được rồi. Nếu chúng mắc lỗi vì mải chơi, thì chỉ bảo chúng : « Con không ngoan rồi đấy ; con đã lớn, muốn đi ngoài thì cho ba má hay chứ, như vậy dơ quần, con thấy không ? » rồi thay quần áo cho chúng, mà không nhắc tới nữa.

Nếu bạn nào cho như vậy là khoan hồng quá, thì xin nghe câu chuyện dưới đây :

Một bà mẹ kỹ tính khoe với bạn bè rằng đứa con gái của

bà mới mười một tháng đã ở sạch. Hai năm sau, đứa trẻ đó lên ba, tỏ vẻ kinh-khủng mỗi khi phải đi cầu. Hồi bốn tuổi, nó bị bịnh bón ghê gớm ; mỗi lần phải gắng sức, nó la, khóc, và người ta thường phải cho nó uống thuốc xổ.

Bác-sĩ nghiên-cứu trường-hợp của nó, thấy nguyên do tại bà mẹ quá nghiêm, rầy nó là « hôi thối », « ghê tởm », « không biết mắc cỡ », mỗi khi nó ở dơ. Một lần bà liệng một con chó con ra ngoài đồng, vì nó ỉa bậy trong nhà. Từ hôm đó đứa nhỏ sợ, cho sự bài tiết là nhơ nhuốc, và rán nhịn, lâu thành bệnh bón.

Bà Wolf đã nói : « Ai sợ đất cát, vi trùng quá thì đừng nên có con ». Bà có thể thêm : « Ai sợ cứt đái của trẻ quá thì lại càng đừng nên có con ».

3. Nguyên nhân tật ở dơ : về sinh-lý – về tâm-lý

Nếu trên ba tuổi mà trẻ vẫn thường ở dơ, thì ta phải tìm nguyên-nhân. Có những nguyên-nhân về sinh-lý và tâm-lý :

- Về sinh-lý có thể thần-kinh của trẻ không được bình-thường ; trong trường-hợp đó trẻ thường vụng về, yếu đuối, lúc vui lúc buồn. Cũng có khi hạch ở trước cuống họng, hay hạch ở dưới óc bất túc, không điều hòa. Cũng có thể do vi-trùng colibacille ở trong ruột. [12]

- Về tâm-lý, nguyên-nhân rất nhiều, vì tâm lý loài người thực rắc rối. Dưới đây, tôi chỉ xin kể vài nguyên nhân chính ; bạn nào muốn khảo-cứu thêm, nên đọc bài diễn-giảng *L'énurésie* của bác-sĩ André Berge đọc ở *Trường cha mẹ* tại Ba-Lê.

Những cảm súc mạnh như sợ-sệt khi nghe kể chuyện ma hoặc coi một phim rùng-rợn có thể làm cho trẻ ở dơ. Có khi vui quá cũng là một nguyên-nhân, như một đứa trẻ nọ cứ đêm trước khi đi nghỉ mát là làm ướt giường. Trường hợp đó có lẽ cũng thuộc về sinh lý vì sinh lý và tâm-lý vẫn có liên-quan với nhau.

Nhiều trẻ đái dầm để cho cha mẹ phải chú ý tới mình.

Ông Adler kể chuyện một đứa nhỏ nọ mười một tuổi làm bộ ho gà, rồi cố ý làm ướt giường để cha mẹ nó săn-sóc nó, mà bớt gây lộn với nhau.

Một đứa khác mồ côi mẹ hồi sáu tuổi rưỡi. Hai năm sau cha nó tục huyền, thì nó bắt đầu ở dơ trở lại. Nhưng chỉ ở dơ khi nó ở với cha nó thôi, còn khi nào về nhà bà ngoại thì nó rất sạch, vì bà ngoại nó săn-sóc nó gần như má nó còn không cần dùng tới cái thuật ở dơ để bắt người ta chú ý tới nó nữa.

Ghen với em có lẽ là nguyên-nhân thường xảy ra nhất. Cha mẹ bao giờ cũng săn-sóc những đứa mới sanh hơn là đứa lớn. Đứa nầy thấy vậy vừa tức vừa tiếc cái thời được mẹ bồng-bế, ôm ấp, cho rằng em nhỏ đã cướp mất tình yêu của mẹ, rồi muốn làm ra bé trở lại để được cha mẹ nâng niu.

Tâm-lý của em Marcel Z trong câu chuyện dưới đây thật lạ-lùng. Khi đứa em gái của nó mới sanh, nó chưa ghen gì hết. Nhưng ít tháng sau, ngày mà nó phải nhường phòng cho em qua nằm phòng khác thì nó bắt đầu đái dầm. Người ta đưa nó tới bác-sĩ André Berge. Ông nầy dùng thuật tâm phân, hỏi han nó, để nó kể lại những kỷ niệm cũ. Nó có vẻ

không phàn-nàn gì về cái phòng mới của nó cả. Phòng nầy không rộng, không sáng bằng phòng cũ, nhưng « tường dán giấy hoa mới hơn ». Nó nhắc đi nhắc lại mấy tiếng « tường dán giấy hoa mới hơn », hình như để cố tin lời an-ủi đó của cha mẹ nó. Nhưng nó vẫn chưa tin được, vì sau nó lại bảo : « Ba má sơn lại phòng cũ cho em bé nằm ». Vậy là nó đã phẫn uất ngầm mà cả người lớn lẫn chính nó không hay.

Mãi mười năm sau, bệnh đái dầm của nó mới hết, mà hết một cách đột-ngột. Nó về nhà quê chơi với gia-đình nó và ít đứa bạn. Một hôm một đứa bạn từ biệt cha mẹ nó để về trước, thành thử có một phòng trống, nó xin dọn đồ qua phòng đó để ở. Chỉ còn ít bữa nữa nó cũng về thành, như vậy có lợi gì nhiều cho nó đâu mà lại làm phiền cho người nhà. Nhưng cha mẹ nó cũng chiều lòng và ngay từ đêm hôm đó bệnh cũ tuyệt hẳn. Có lẽ nó đã cảm thấy lờ-mờ rằng cha mẹ nó chiều nó như vậy là để chuộc sự bất công với nó mười năm trước.

Nhưng tâm-lý nầy mới khó hiểu : có khi ở dơ đối với trẻ là một cách để tự phạt. Một đứa nhỏ nọ được cha mẹ cho nằm cái giường tốt đẹp của anh nó trong khi anh nó dưỡng bệnh ở nhà thương ; và từ đó đêm nào nó cũng làm ướt giường. Chắc-chắn là trong tâm tâm, nó như ân-hận rằng đã mong cho anh nó đi nằm nhà thương để được chiếm giường của anh nó, và nó phải làm ra bẩn thỉu để bị rầy, bị phạt, thì lương tâm nó mới được yên.

Tôi xin thú thực với bạn rằng từ trước tôi không hề ngờ có những nguyên nhân về tâm lý kỳ-dị như vậy ; và hiện nay tôi còn muốn tin rằng trẻ Việt-Nam khác trẻ em Âu Mỹ. Nhưng

dù sao những nhận xét kể trên cũng đáng cho ta suy nghĩ để tìm hiểu thêm trẻ con, một thế giới bí mật mà không một người nào có thể tự hào rằng đã khám phá được mọi uẩn khúc.

4. Đừng tin bác-sĩ Victor Pauchet

Sau cùng, tôi xin khuyên bạn một điều nữa là đừng cho sự bài tiết đúng giờ mỗi ngày là điều kiện không thể thiếu của sức khỏe.

Tôi nhớ hồi hai mươi lăm tuổi, đọc chương về bệnh bón trong cuốn *Le chemin du bonheur* của Bác-sĩ Victor Pauchet mà đâm hoảng. Tôi nghĩ đến những tỉ tỉ vi trùng ở trong ruột non ruột già nó sinh sôi nẩy nở với tốc độ nguyên tử mỗi khi tôi chậm đi cầu độ nửa ngày, rồi tưởng tượng ra đủ các thứ bệnh, và phải vội vàng lập ngay một chương trình vệ sinh đúng như Victor Pauchet đã chỉ : cũng một li đầy nước lạnh mỗi buổi sáng trước khi bước xuống sàn, cũng phải nửa giờ thể-dục mỗi ngày, nhất là vận động bắp thịt ở bụng – mà bụng tôi từ xưa tới nay có hồi nào bự đâu chứ – rồi cũng cữ cà-phê, cữ đồ nóng, ăn rất nhiều trái cây và rau… Nhưng sau sáu tháng, thấy mười phần bệnh không bớt được một, tôi đâm nghi ngờ bác-sĩ Pauchet. Tôi suy nghĩ, kinh nghiệm thấy nhiều người bón kinh niên mà vẫn mạnh, vẫn sống lâu, và tự nhủ : « Miễn mạnh thì thôi, đừng quan tâm tới sự bài tiết cho lắm ».

Mới rồi đọc Beverly [13], tôi mừng đã gặp một bác-sĩ tri-kỷ. Ông bảo cơ thể chúng ta mỗi người một khác ; hễ đặt một một quy tắc chung cho mọi người là không hiểu chút gì về

sinh lý. Có người bài tiết 24 giờ một lần, có người 18 giờ một lần, có người 32 giờ một lần, hoặc hơn nữa. Mỗi người lại có lúc thế nầy, lúc thế khác. Vậy ta không thể bắt trẻ phải như cái đồng hồ, cứ đúng giờ thì gõ chuông. Bắt chúng nín hơi, rặn tới đỏ mặt tía tai, rồi lại đè chúng ra bơm mỗi ngày, tội nghiệp chúng quá ! Một đứa trẻ bị mẹ hành hạ như vậy – bà ta là tín đồ của Pauchet – mà hóa sợ đi cầu như sợ bị thọc tiết, sau hóa ra bướng-bỉnh, quạu cọ, sợ sệt, oán thù, lúc nào cũng đau khổ chán chường. Pauchet nếu còn sống đọc đoạn đó của Beverly, chắc chắn sẽ bảo : « Đúng rồi. Tại nó bón ».

CHƯƠNG III : TRẺ BIẾNG ĂN

1. Một vấn đề gay-go trong nhiều gia-đình

Ăn là một lạc thú của loài người. Thú đó ở trẻ lại càng mạnh vì chúng chưa cảm được những hạnh-phúc cao cả về tinh-thần như người lớn. Vậy mà vấn-đề ăn của trẻ lại là vấn-đề làm cho hầu hết mọi gia-đình lo-lắng nhiều hơn cả, nhất là trong những gia-đình phong-lưu. Người ta tin rằng cứ mỗi ngày ba hay bốn bữa, tới đúng những giờ nào đó, mà trẻ không ăn đủ bấy nhiêu chén cơm, bấy nhiêu thức ăn, để cho có đủ bấy nhiêu ca-lô-ri, thì trẻ sẽ đau ốm. Và người ta sợ lắm. Người ta tìm đủ cách, làm đủ trò để dỗ trẻ : « Cưng, rán ăn đi cưng, chóng ngoan, không má giận, nào há miệng ra nào. Thôi má không thèm may áo tốt, không thèm mua búp-bế cho con nữa. Con búp-bế ở tiệm gì đường Tự-Do ấy, chị vú nhỉ ? đẹp quá. Con thích nó không ?… ». Có khi ba làm trò cười, trổ hết tài cho bé thích, bé cười và nhanh như cắt, chị vú thừa cơ đút ngay vào miệng bé một thìa cơm. Bé đành ngậm miệng lại, nhưng cứ ngậm bung búng hoài, không chịu nuốt. Ba má lắc đầu, thở dài ; giận quá, người ta phải đánh ; nó sợ, rán nuốt, mà nuốt không được, phải phun ra, bắn cả vào mặt mọi người. Người ta lo lắng dắt nó tới ba bốn ông bác-sĩ. Ông nào cũng thấy nó không có bệnh gì cả, nhưng cũng kê một toa gồm những thuốc bổ gan, bổ bao tử, bổ huyết… mà cũng vô hiệu vì nguyên nhân không phải ở đó.

2. Biếng ăn có khi là luật tự nhiên

Tất nhiên cũng có nhiều trẻ biếng ăn vì có bệnh (vì thiếu

sinh tố, hoặc vì hạch thượng thận, hạch ở trước cuống họng, phát-triển không điều hòa…) ; trường-hợp đó dễ nhận được lắm : trẻ xanh xao, không vui vẻ, hoạt động. Nhưng những trẻ vẫn chơi, ngủ như thường mà biếng ăn thì nguyên do chỉ tại trời sinh chúng vậy.

Một lỗi lầm rất lớn của chúng ta là tin rằng trẻ nào cũng phải như nhau, phải đúng với cái « mẫu » trẻ mà ta đặt ra : tới tuổi đó thì phải ăn bấy nhiêu, ngủ bấy nhiêu, cân nặng bấy nhiêu… Luật tạo-hóa không máy-móc như vậy. Đã đành trẻ nào cũng theo luật sinh-lý, tâm lý chung, nhưng trong cái đại-đồng đó, có không biết bao nhiêu là tiểu dị và mỗi trẻ là một thế giới riêng, không giống với một trẻ nào khác. Cả những anh em sinh đôi cũng khác nhau xa, trừ trường hợp hai đứa đều do một trứng mà ra. [14]

Ở một chương trên tôi đã nói trẻ có thể chia làm ba hạng : hạng bẩm sinh ốm yếu, xương nhỏ, bắp thịt nhỏ, ăn ít, chậm lớn, tẩm bổ tới mấy cũng không sao mạnh bằng một hạng nữa mới sanh ra đã lực-lưỡng, ngực lớn, nặng cân, ăn nhiều, ngủ nhiều ; còn hạng thứ ba thì hồi nhỏ cũng mảnh khảnh như hạng thứ nhất, cũng ăn ít, gầy còm, nhưng tới tuổi dậy-thì bỗng nhiên thay đổi hẳn, chỉ trong ít năm, theo kịp hạng thứ nhì.

Người ta đã nhận thấy rằng 80% trẻ em trong gia-đình phong lưu thuộc về hạng thứ ba đó. Chúng đều biếng ăn, cứ để mặc chúng thì lớn lên chúng cũng lực-lưỡng. Nhưng người ta cứ ép chúng ăn. Càng ép, chúng càng sợ ăn và kết-quả càng tai hại.

Người ta đã thí-nghiệm về loài chó, cho chúng một miếng thịt ; chúng lại gần và tức thì cơ-quan tiêu hóa của chúng hoạt-động rất mạnh, nước miếng, nước vị toan, nước lá lách, nước mật đều tiết ra, bao tử và ruột đều vận-động. Trong khi chúng đương ăn, nếu ta giật miếng thịt lại, đuổi chúng đi, thì những hoạt-động sinh-lý kể trên ngưng liền, phải đợi một vài giờ sau mới trở lại như cũ.

Loài người cũng vậy, mà còn khó quên cảm xúc hơn loài vật ; cho nên đương ăn có điều gì bất bình thì chẳng những bữa đó, mà có khi hai ba bữa sau nữa, ta ăn mất ngon đi. Câu « Trời đánh cũng tránh bữa ăn » của ta thực thâm-thúy.

Thế mà ta ép trẻ ăn, dọa nạt nó nữa thì có vô lý không chứ ? Làm sao chúng không ụa mửa, rồi sinh chứng mất ăn, chứng đau bao tử ?

Vậy nếu trẻ đã không muốn ăn thì cho nó thôi, đừng cố đút cho nó nữa. Ta cứ theo nhu cầu tự-nhiên của nó. Những khi chúng đau mới mạnh, chưa thèm ăn, cũng đừng nóng lòng bắt chúng ăn nhiều để mau lại sức. Chúng ăn ít mà vui thích thì cũng đủ bồi bổ cơ thể dần dần rồi.

Ông André Berge, trong cuốn *Education Familiale* khuyên ta dùng những thuật để lừa trẻ, bắt chúng ăn thêm. Chẳng hạn một đứa nhỏ nọ ngán món xúp mà các y sĩ bảo là đại bổ, cần-thiết cho sức khỏe. Ba má nó dỗ dành đủ cách mà vô hiệu. Sau bà mẹ vuốt ve chiếc bánh mì nướng, bẻ vài miếng bảo nó : « Con ngó nầy, những con vịt con đây nè. Liệng nó xuống hồ đi ». Cái hồ đó là chén xúp. Đứa nhỏ thích, ngó « vịt » nổi, rồi ngoan-ngoãn để « vịt » chui vào miệng : « Mau

mau con ; thêm ít nước nữa để vịt lội chứ ! ». Thế là một thìa xúp nữa theo « vịt » vô bao tử.

Thuật đó lâu-lâu dùng một lần thì cũng được ; nhưng theo tôi không có lợi gì cho trẻ bao nhiêu, vì nếu cơ thể của chúng đòi ăn, thì ta chẳng phải dùng tới thuật.

Lời khuyên của bác-sĩ Benjamin Spock đáng theo hơn. Ông bảo khi trẻ biếng ăn thì cứ tự-nhiên, đừng ép buộc cũng đừng khuyến-khích. Chúng nhè ra, ta cũng đừng tỏ vẻ buồn, mà chúng ăn thêm được một miếng thì cũng đừng lộ vẻ vui. Chỉ trong ít lâu, ta quen đi không để ý đến sự biếng ăn của chúng, và khi chúng thấy không ai ép chúng ăn nữa thì tự-nhiên sẽ thấy thèm ăn.

Trong khoảng thời gian đó, ta cứ dọn món ăn cho chúng như thường ; chừng nửa giờ sau, nếu chúng không ăn thì cất đi. Nhưng nhất định thản-nhiên, đừng bực mình ; vì nhiều trẻ nhất là hạng sáu tuổi có tánh ăn hiếp người lớn, khi thấy ta giận-dữ, chúng đã chẳng sợ, còn làm già để ta phải chịu thua.

Bạn nên nhớ mới đầu dọn những món mà chúng thích nhất, đừng bao giờ dọn những món chúng ghét, như vậy trong hai tuần ; khi chúng đã bắt đầu thấy thích ăn rồi, thì lần-lần thay những món khác. Và dọn cho chúng ít ít thôi, chẳng hạn chúng ăn được một chén đầy thì chỉ dọn lưng chén để chúng thấy thèm. Khi chúng ăn hết, đừng vội hỏi : « Con muốn ăn thêm không ? » ; đợi khi nào chúng đòi mới cho thêm.

Đừng dỗ chúng hễ ăn hết thì kể một truyện cổ tích cho

nghe, hoặc khều ông trăng xuống cho chơi, hoặc cho một cái kẹo, một miếng xúc-cù-là.

3. Trẻ có bản năng tự lựa thức ăn

Nhiều khi trẻ khó tính nhất-định không ăn những món mà ta cho là bổ, là cần thiết cho sức khỏe. Đưa món xúp bò, chúng lắc ; món trứng chiên, chúng cũng lắc ; đậu cũng không ăn, cá cũng không. Gặp trường-hợp đó ta phải xét nguyên nhân. Nếu chúng bướng-bỉnh, muốn chống lại ta thì ta cứ thản-nhiên, dẹp món ăn đi.

Nếu chúng ngán những món đó thật, chỉ ăn rau muống hoặc cà hàng tuần, hàng tháng, thì ta cũng mặc, đừng lo gì cả vì trẻ có bản năng tự lựa những thức ăn cần thiết cho cơ thể.

Bác-sĩ Clara Davis ở dưỡng-đường Cleveland (Ohio) mấy năm trường đã làm một thí-nghiệm rất lý-thú về cách trẻ tự chọn thức ăn. Ông không lựa những trẻ hai ba tuổi trở lên, sợ chúng đã có thói quen ăn thức nầy, ghét thức kia mà thí-nghiệm sẽ sai. Ông nhận xét ba đứa từ tám đến mười tháng trước kia chỉ bú sữa mẹ. Cứ tới mỗi bữa một nữ điều dưỡng dọn bảy, tám đĩa chứa nhiều món ăn khác nhau ; rau, bánh mì, sữa, nước lã, nước trái cây... Cô nữ điều dưỡng chỉ có mỗi một việc là đợi em nào đòi món nào thì đưa cho nó món đó rồi ghi vào sổ. Chẳng hạn em bé tám tháng đưa tay với đĩa củ cải đỏ, cô đút cho em một muỗng củ cải đỏ rồi đứng đợi ; nếu nó đòi món đó nữa thì lại đưa nữa, nếu đòi món khác thì đưa món khác.

Kết-quả, người ta phát giác được ba điều quan-trọng nầy :

1) Những em được tự do lựa lấy thức ăn thì phát triển rất điều-hòa, không mập quá mà cũng không ốm.

2) Sau một thời gian, những em đó tự lựa được đủ những món có những chất bổ cần thiết cho cơ-thể.

3) Có bữa chúng ăn nhiều, có bữa ăn ít, không nhất-định gì cả.

Một em ăn rau luôn trong nhiều bữa rồi thôi, ăn toàn bánh mì. Ít bữa sau lại đổi ý, ăn toàn củ cải đỏ. Thành thử sau mỗi bữa em có dư chất bổ của rau, hay bánh hay củ-cải đỏ, vì mỗi bữa em ăn mỗi món đó nhiều gấp bốn người lớn. Nhưng em vẫn tiêu hóa được, không đau bụng, không ụa mửa, không tháo dạ. Có bữa em uống gần hết một lít sữa, có bữa nhìn đến sữa là quay mặt đi.

Một em khác, ăn xong một bữa bình-thường rồi, còn nuốt thêm được sáu hột gà luộc nữa ! Lần khác em ăn được bốn trái chuối một lúc.

Một em nữa, ăn thịt bò theo cách dưới đây : mới đầu ăn một số bình-thường, rồi mỗi bữa mỗi tăng, tới khi ăn gấp bốn số bình-thường ; em ngưng lại ở mức đó trong nhiều ngày, sau cùng giảm lần-lần đi. Như vậy là cơ thể em đòi hỏi chất bổ của thịt bò, đến khi có đủ rồi thì thôi.

Nhiều bác-sĩ khác làm lại thí nghiệm đó với các trẻ lớn hơn. Kết quả đều như nhau. Đặc biệt nhất là một em bị chứng đẹn, chậm lớn, đòi uống hoài dầu cá thu ; em đã tự

tìm được thứ thuốc hiệu-nghiệm nhất để tự chữa bệnh. Một điều đáng ghi nữa là em nào cũng thích bữa ăn, vui-vẻ, khỏe mạnh, suốt trong sáu tháng thí-nghiệm. Chúng phát triển rất điều-hòa, tập được thói tự ăn lấy, và dạy cho ta được nhiều bài học.

Bài học thứ nhất là trẻ khôn hơn ta trong sự lựa món ăn cần thiết, vì chỉ có cơ-thể chúng mới biết được thiếu những chất nào, dư những chất nào.

Bài học thứ nhì là đừng lo sợ gì cả khi thấy chúng chỉ ăn toàn một món trong nhiều bữa. Nếu chúng thích cá thì cứ cho chúng ăn cá. Nhiều vị bác học bảo một đứa trẻ nặng bao nhiêu kí-lô thì mỗi ngày cần phải ăn bấy nhiêu chất bổ nầy, bấy nhiêu chất bổ nọ ; nhưng người ta quên rằng cả triệu năm trước, tổ tiên ta chỉ ăn uống theo bản năng, chứ có theo khoa-học đâu. Mà loài vật cũng vậy. Mỗi loài sâu biết tự kiếm lấy thứ lá thích-hợp với nó : tầm chỉ ăn lá dâu, mà sâu mặt nưa chỉ ăn lá cây mặt nưa. Chim cũng vậy, mà bò, dê, ngựa… cũng vậy. Đã đành biết được những chất cần cho cơ-thể vẫn là điều có ích, vì nhờ đó ta có thể tìm những món bổ ích để trẻ lựa ; nhưng ta cũng không nên quên rằng bó buộc trẻ trong sự ăn uống, đi ngược với bản-năng của chúng, là một sự lầm-lẫn.

Chúng ghét trứng gà ư ? Thì thôi, để lúc nào chúng đòi sẽ cho ăn. Nếu dùng uy quyền bắt chúng ăn cho kỳ được thì chỉ gây cho chúng lòng oán ghét trứng gà, và bệnh đau bao tử vì ăn không tiêu. Vả lại, còn thiếu gì món ăn cũng có những chất bổ như trứng gà ?

Tôi cũng nhận sữa là món bổ nhất, nhưng ông cha chúng ta chỉ bú sữa mẹ trong những tháng mới sanh, rồi thì thôi, chớ có bao giờ dùng sữa bò, hay sữa dê như chúng ta bây giờ. Vậy nếu trẻ ngán sữa bò, thì cũng chẳng sao cả, ép chúng làm gì ?

Thứ nhất là đừng bắt chúng cứ mỗi bữa đúng giờ, phải ăn được đủ bấy nhiêu chén. Trẻ ăn có giờ thì tiện thật, nhưng khi nào chúng đói thì cứ cho ăn một vài cái bánh, rồi đến bữa, chúng ăn bớt đi. Vả lại trẻ có đứa ăn nhiều, có đứa ăn ít ; mỗi trẻ cũng ăn nhiều ăn ít tùy bữa, tại sao lại đặt một lệ chung rồi bắt chúng theo ?

Tóm lại, trong vấn đề ẩm-thực, ta phải làm sao cho trẻ thích ăn thì chúng mới ăn nhiều và tiêu-hóa được ; muốn vậy, nhất thiết không được ép chúng.

CHƯƠNG IV : TRẺ SỢ

1. Sợ hãi là một phản ứng tự nhiên

Sợ hãi là một bản năng, là sự phản-ứng của cơ thể mỗi khi ta thấy không được yên ổn hoặc cảm rằng có sự không yên. Trẻ mới sanh ra rất yếu đuối, không thể tự vệ, mà vũ-trụ ở chung quanh chứa biết bao sự bất trắc, tai nạn, cho nên chúng rất dễ sợ, cái gì hễ hơi bất thường một chút cũng có thể làm cho chúng sợ. Lần-lần chúng lớn lên, hiểu biết thêm thì những sợ hãi tuổi trước mất đi ; nhưng đồng thời lại biết sợ thêm nhiều cái mới. Cho nên người ta nói biết sợ là đã khôn và sự sợ hãi đánh dấu được con đường phát-triển của trẻ. Vậy thì về phương-diện giáo dục, ta đừng quá lo lắng về tánh sợ hãi.

Ông Arnold Gesell trong hai cuốn *Infant and child in the culture of to day* và *Infant from 5 to 10* (nhà xuất bản Harper and Bros – New York) [15] đã ghi những kết quả sau nhiều năm nghiên cứu chung với vài nhà bác học khác, về sự phát triển của tánh sợ từ lúc trẻ mới sanh đến năm trẻ chín tuổi. Tôi sẽ tóm-tắt những kết-quả đó trong cuốn *Tìm hiểu con chúng ta,* ở đây chỉ xin bày tỏ thái độ mà ta nên có mỗi khi thấy trẻ sợ.

2. Trẻ sợ nước, sợ té, sợ đau...

Những nhận xét của Gesell cho ta thấy rằng tình cảm sợ sệt thay đổi đối tượng, tăng giảm tùy tuổi, và rất tự nhiên. Nó đã tự nhiên thì ta cứ để cho trẻ lần-lần thắng nó, đừng hấp tấp vô ích, nhất là đừng rầy chúng là nhút nhát. Giá xã

hội quay cho mỗi đứa trẻ được một cuộn phim ghi cả đời sống tinh-thần, tình cảm của nó, và đợi khi nó lớn lên, có con rồi, chiếu lại nó coi, thì tôi chắc chắn không người cha nào không khoan hồng với con và sự giáo dục của trẻ cải thiện được rất nhiều. Chẳng hạn, sẽ không có những ông cha trợn mắt rầy con : « Trời ơi ! sao mầy nhát thế thằng kia ? Nước cạn chỉ đến ngực mầy, mà tao đứng đây có lẽ nào để mầy chết mà mầy sợ ? Nhảy xuống, tập lội đi, không thì nhịn cơm chiều nay ! ».

Lúc đó đâu nó có sợ chết, nó chỉ sợ nước. Mà loài người từ thời nào tới giờ cũng sợ nước, không riêng gì nó. Không biết lội mà nhìn cái khoảng mênh-mông không biết ở dưới đó có gì thì làm sao mà không sợ cho được ? Cái sợ đó có lợi cho loài người chứ ! Cứ thủng-thẳng để trẻ lớn lên – bảy hay tám tuổi – rồi cho chúng quen với nước lần lần thì chỉ trong một năm tự nhiên chúng sẽ biết lội, cần gì phải hò hét ?

Trong trường hợp đó, cũng như trong nhiều trường hợp : sợ lửa, sợ té, sợ bị thương, sợ xe cộ… trông nom cho trẻ, tập cho chúng cẩn thận, lần-lần thắng được trở ngại, là cách hiệu nghiệm hơn hết để diệt tính sợ.

Có nhiều trẻ nhút-nhát hơn bạn bè, anh em. Trời sinh chúng như vậy. Đối với chúng, ta càng phải ngọt-ngào cho chúng thấy được yên ổn, âu yếm, che chở ; rồi chúng mới tin ở ta mà bạo dạn lên. Chúng kể lể những sợ sệt với ta thì đừng chế giễu, rầy mắng, mà nên khuyến-khích, giảng-giải, giúp chúng thắng bản tính. Nhất định không được nói dối. Một bác sĩ băng bó một đứa nhỏ, dỗ dành nó : « Không đau đâu em ». Khi ông làm xong, nó mắng ông : « Ông nói dối.

Tôi ghét ông ». Và lần sau, cha mẹ nó không có cách nào bắt nó tới bác sĩ đó được nữa. Sao không bảo nó : « Đau đấy, nhưng tôi sẽ hết sức làm nhẹ tay cho em, phải chịu đau mới hết bệnh được ».

3. Trẻ sợ tối, sợ cha mẹ không về nhà

Dưới 12 tháng, trẻ chưa biết sợ tối ; từ một năm trở đi mới không dám ngủ một mình trong phòng tối, vì lúc đó trẻ mới bắt đầu biết tưởng-tượng ; nhưng từ chín tuổi thì tánh sợ đó bớt đi nhiều. Mới đầu ta nên vỗ-về nó, chong một ngọn đèn đêm trong phòng, ngồi với nó một lúc đợi nó ngủ, khi nó đủ hiểu rồi mới giảng giải cho nó, đặt một cây đèn pin ở đầu giường nó và lần-lần bỏ đèn đêm đi. Nhưng nếu nó chưa muốn ngủ, làm bộ sợ đêm, để bắt ta ngồi bên nói chuyện cho nó nghe, thì ta đừng để cho nó gạt.

Một đứa nhỏ nọ đã hết sợ đêm từ lâu, mà vẫn bắt má chong đèn đêm tới hồi sáu tuổi. Một bữa nó nói : « Má à, thằng Bình cũng không dám ngủ trong phòng tối. Ba nó bảo hễ bắt chong đèn nữa thì không mua đồ chơi cho nó nữa. Má đừng làm vậy với con, má nhé ? ».

Má nó tinh ý, nắm lấy cơ hội, đáp : « Ừ, ba thằng Bình nghĩ như vậy cũng phải. Má cũng đã có ý ấy ; nhưng má không triệt hết đồ chơi của con, chỉ triệt một nửa thôi, chẳng hạn chiếc xe máy ba bánh, đợi khi nào con bỏ tật chong đèn đêm rồi mới cho ».

Đứa nhỏ miệng thì năn-nỉ mà trong lòng thì mừng rơn chịu cho má nó tắt đèn đêm ngay từ hôm đó. Nó đã hết sợ từ

lâu, nhưng vì thói quen, cứ bắt chong đèn ; nó cũng muốn bỏ tật đó nhưng còn do dự, không muốn nói thẳng ra, nên gợi ý cho má nó và má nó đã hiểu.

Một điều nữa đáng cho ta để ý là trẻ từ một đến bảy tuổi rất sợ ba má – nhất là má – ra đi mà không về. Ông Gilbert Robin kể chuyện một em nọ tám tuổi thỉnh-thoảng lại nổi cơn kinh-khủng, từ khi em nghe thấy trong một cuộc gây lộn, ba bảo má : « Tao sẽ bỏ mẹ con bay, không để lại cho một đồng nào nữa, xem lấy gì mà ăn ».

4. Truyện rùng rợn

Ông Pierre Félix Thomas và bác sĩ Gilbert Robin đều khuyên nên kể những truyện rùng-rợn cho trẻ nghe như truyện *Con ma râu-xanh,* truyện *Con bé quàng khăn đỏ…* Về lý thuyết thì phải, nhưng ai cũng nhận thấy rằng trẻ rất ưa những truyện đó và nhà tâm lý nào cũng bảo những cảm giác rờn-rợn gây một thú đặc biệt cho trẻ và cả cho người lớn nữa. Loài người bất cứ tuổi nào và thời nào đều tìm những cảm giác ấy. Vậy thì theo tôi, những chuyện hơi rùng-rợn vị tất đã có hại cho trẻ.

5. Cha mẹ không phải là ông kẹ

Những nỗi sợ trên, tránh cho trẻ được vẫn là hơn, nhưng không quan-trọng mấy, ta không cần chú ý tới quá. Điều tai hại nhất là trẻ sợ cha mẹ. Khi chúng sợ như sợ cọp thì dù ta có thiện chí dạy dỗ chúng tới mấy, cũng là vô-ích.

Một người cha nọ nghiêm-khắc với con quá, nổi cơn lôi đình lên mỗi lần sổ điểm của nó làm cho ông không vừa ý,

đến mỗi bà mẹ phải lại năn-nỉ ông hiệu-trưởng làm cho đứa nhỏ hai sổ điểm : một sổ thực để bà tới tận trường nhận, một sổ giả gởi về nhà cho chồng bà, nếu không thì có ngày nó sẽ sống dở chết dở vì những trận đòn kinh thiên của cha. Tất nhiên ông hiệu-trưởng không thể chiều ý được, mời ông chồng tới phòng giấy nói chuyện. Và ông đã mắng người cha tàn-nhẫn như vầy : « Không cần phải tiên tri cũng biết được một nền giáo-dục quá nghiêm-khắc kết quả sẽ tai hại ra sao : một là con ông sẽ có ngày phản-động lại ông, khinh bỉ ông, oán thù ông ra mặt, vì ông không phải là cha của nó mà là một tên đao phủ, hai là ông làm cho nó mất cả cá-tính, nghị-lực, thiếu nhân-cách, và suốt đời bị kẻ khác và hoàn cảnh sai khiến, đưa đẩy… Tôi nhắc lại ông nhớ, làm cho trẻ sợ mình là vô lý và nguy-hiểm. Ông chỉ có thể dạy con ông nếu nó tin ông. Ông cho nó biết ông đòi hỏi nó cái gì : hạnh-kiểm khá, chăm học, kiên nhẫn gắng sức, tốt với bạn… Nhưng còn ông, ông cũng không được quên rằng một đứa nhỏ không thể hoàn-toàn được, mà cha nó cũng không phải là thánh. Làm cha thì phải biết bỏ qua những cái lặt vặt cho con, vì trẻ cũng như mình thỉnh-thoảng có những ngày hành-động bậy bạ. Đáng lẽ nghiêm-khắc trừng-trị nó thì phải âu yếm nó, khuyên nhủ nó, cho nó thấy hành động của nó làm cho ta buồn ; nó phải tin ta rồi lần-lần mới thấy rằng hình phạt nghiêm-khắc nhất đối với nó không phải là cái bạt tai hay ngọn roi, mà là nỗi buồn khổ của cha mẹ. Lúc đó nó mới có ý muốn mạnh mẽ làm vui lòng ông vì ông yêu nó, nó yêu ông » [16]. Bài học đó thật đích-đáng !

Tuy nhiên, về giáo-dục, phải tránh những cực-đoan, và

cái tánh quá chiều con cũng đáng ghét lắm. Những cô cậu cầu tự, đòi gì được nấy, mới sáu tuổi mà đã đập bàn : « Con muốn cái nầy ! » mà muốn toàn những cái chướng, muốn bài tiết ngay giữa nhà, muốn nhảy phót lên lưng cha mẹ để cha mẹ cõng vào giường… những « con Trời, con Phật » đó, sau nầy ra đời sẽ bị đào thải liền, nếu không nhẫn-nhục, khúm núm, theo đóm ăn tàn để kéo dài một kiếp sống đê nhục, ti tiện.

CHƯƠNG V : TRẺ GHEN TỊ

1. Ghen là một tánh xấu nhưng tự nhiên

Ghen là một cảm-xúc rất mạnh. Nó có thể làm cho người lớn mất cả lý-trí, hành động như điên như khùng. Đối với những trẻ nhỏ dưới năm tuổi, thì ảnh-hưởng của nó càng tai hại. Những tật như ích kỷ, tàn-nhẫn, chán đời hoặc tự kiêu tự đại của trẻ thường do tánh ghen tị với anh em mà sanh. Cho nên ta phải tránh cho chúng tật ghen. Nhưng không sao tránh hết được đâu, vì nó cũng là một cảm-xúc tự nhiên, mà nguồn gốc là nhu-cầu được âu-yến, che chở. Lòng ghen biểu hiện tùy tính tình của mỗi đứa, tùy không khí trong gia đình, tùy cách cư xử của cha mẹ, mà cũng tùy tuổi.

Theo ông Arnold Gesell, nó bắt đầu phát triển từ hồi trẻ hai tuổi hay hai tuổi rưỡi. Hồi ba bốn tuổi, trẻ khó tính hơn ; năm tuổi lại dễ thương hơn ; sáu tuổi hay gây gổ nhưng ít ghen ; bảy tuổi thường ghen ; tám tuổi cũng xấu tính ; chín tuổi bình thường.

Nếu cha mẹ yêu trẻ và công bình, khéo cư xử thì tánh ghen của trẻ có phát ra, cũng không hại lớn và không bền ; cho nên vấn đề trị tật ghen là một vấn đề tâm lý trước hết. Ta phải rất tế nhị vì lẽ nhiều trẻ ghen mà ta không hay ; chúng chỉ cần có cảm giác rằng ta bớt yêu chúng cũng đủ hóa ghen một cách ngấm ngầm rồi.

2. Hình thức của tánh ghen trong tuổi thơ

Lòng ghen của trẻ phát ra với nhiều hình thức, có khi rất

lạ-lùng, ta không thể ngờ được.

Hình thức thường nhất là nó giật đồ chơi của em rồi đập vào đầu em. Ông Benjamin Spock kể chuyện một đứa còn nhỏ xíu mà đã rất « văn minh ». Má nó bồng em nhỏ ở nhà hộ sinh về. Nó lặng-lẽ nhận xét em nó trong hai ba ngày, rồi bảo má nó đem em bé trả lại nhà hộ sinh ! Có đứa ghen em mà oán mẹ, lén lấy đất cát rắc đầy nhà cho má nó phải quét. Nhiều đứa lại khác hẳn : tính tình bỗng nhiên thay đổi, bỏ cả đồ chơi mà cứ bám lấy mẹ, không rời mẹ một bước, càng rầy mắng nó lại càng níu lấy áo, rồi bú ngón tay và sinh tật đái dầm, có khi ban này cũng đái trong quần, để bắt mẹ phải săn sóc như săn sóc em bé. Nhưng cũng có đứa rất ngoan, ngoài mặt không tỏ vẻ gì ghen với em cả. Mà có lẽ nó thương em thật, săn sóc em từng tí, khoe với bạn bè : « Tao cũng có em, tao cưng em lắm », hoặc « Em tao có áo tốt, má mới mua », mà sự thật là nó ghen với em. Chính nó cũng không hiểu lòng nó. Hiểu làm sao được sự mâu thuẫn đó ? Nó thích ôm em nó lắm mà có khi nó ghì em nó thật mạnh, làm em nó khóc. Đi chơi với nhau, nó đang vui vẻ dắt em, chỉ chỏ cho em coi cái nầy cái khác ; nhưng có người nào khen em nó là dễ thương, là ngộ-nghĩnh thì nó lườm người đó.

Ông Georges Mauc, trong cuốn *Psychologie de l'enfant dans ses rapports avec la psychologie de l'inconsient* kể một « ca » rất đặc biệt. Một em nọ viết chánh-tả mất lỗi hoài về số nhiều, chẳng hạn *les maisons* thì viết là *les maison, deux enfants* thì viết là *deux enfant, ils sont sages,* thì viết là *il sont sage… ;* mà nó không phải là ngu. Người ta dắt nó tới một nhà tâm lý để dò xét tiềm-thức của nó. Ông nầy vuốt ve

nó, gây cảm-tình với nó, nghe nó kể lể tâm-sự, và rốt cuộc, nó ôm ông, òa lên khóc một lúc, nức nở bảo : « Số nhiều là nhiều người ! Có một mình mới sướng chứ ». Thì ra nó ghen với em, muốn giữ địa vị con một mà nó được hưởng trong mấy năm trước ; cho nên ghét có em, ghét số nhiều, và không chịu theo quy-tắc số nhiều trong chánh-tả.

Có khi lòng ghen âm thầm cháy trong lòng trẻ làm trẻ đau khổ hàng chục năm như « ca » của một em gái mười lăm tuổi kể trong cuốn *Puissance créatrice* của ông Hughes Means. Em đó rất thương một đứa chị hơn nó hai tuổi. Trên mười năm, cả nhà không hay gì cả, khi chị nó mất, nó rất khổ, cha mẹ nó lại càng không ngờ những bí-ẩn trong tiềm thức của nó. Nhưng ít lâu sau, nó kín đáo đưa cho bà giáo một bài thơ, nói : « Mấy tuần lễ nay, em không nghĩ ra được bài nào cả, đột-nhiên đêm qua em làm được một bài, xin đưa cô coi ». Nó đã phỏng theo một bài thơ trong sách giáo khoa và sửa đổi rất khéo cho hợp với tâm-trạng của nó. Bài đó như vầy :

« MỘNG »

Tôi tưởng đã chôn cô ấy rồi
Chôn sâu, rất sâu ở dưới đất,
Đến nỗi thể xác cô ấy không nhúc-nhích được nữa,
Và miệng cô ấy ngậm lại từ nay
Không còn thốt được những thanh âm lộn-xộn nữa.
Rồi tôi vui tươi như một cây
Đâm búp non đẹp đẽ ;
Và các bạn tôi khen tôi rằng
Từ nay tôi được tự do phát triển.

Thì ra, từ mười mấy năm trước, trong tiềm-thức nó vẫn mong cho chị nó chết, mà cả nhà không ai hay, và có lẽ chính nó cũng không hay.

3. Cách trị

Phải đứng về phương-diện tâm-lý mà trị bịnh ghen của trẻ. Bà Anna W.M. Wolf khuyên ta : « Phải báo cho đứa con đầu biết trước rằng sắp có em, và nếu nó đã hơi lớn, cho nó tiếp tay với ta sửa soạn đón em nó, như vậy nó có cảm tưởng như em bé sắp ra đời là vật sở hữu của nó ; mà nó là một nhân-vật quan-trọng trong gia đình ».

Nếu người mẹ sanh ở nhà hộ sinh thì trước khi đi, nên tỏ vẻ âu yếm nó và hứa khi nào mạnh sẽ về liền vì tánh đa cảm của một vài đứa có thể phức tạp : có đứa lo sợ rằng má đi rồi không về ; có đứa nghĩ rằng em bé làm má đau ốm, mà đâm ra oán em. Trong khi má nó nằm ở nhà hộ sinh, người cha hay bà nội, bà ngoại phải thay người mẹ săn-sóc nó, cho nó biết tin tức về má nó và bảo : « Má con hỏi thăm con ở nhà có ngoan không, ăn ngủ có như thường không, và mong tới ngày được về với con lắm ».

Khi em bé về nhà rồi, cho nó nựng – nếu nó muốn, tuyệt nhiên đừng bắt buộc – và ôm, bồng, như ôm, bồng búp bê…

- Có đứa, em mới sanh đã tỏ lòng ghen ngay, có đứa chỉ ghen khi em nó đã lớn, biết giành đồ chơi, tình yêu của nó, chiếm địa vị của nó. Ta nên nhớ những lúc ghen, trẻ rất khổ. Càng rầy la nó, nó càng nổi điên lên, hoặc càng oán ghét ngấm ngầm cả em lẫn mẹ. Vậy người mẹ đừng nên bảo : «

Con ghét em là con xấu tính. Làm anh thì phải thương em chứ ? Con không thương em thì má không thương con nữa ». Như thế khác gì tưới dầu vô lửa. Chỉ nên nhỏ-nhẹ nói : « Con bây giờ chưa thương em, nhưng lần lần con sẽ thấy em bé ngoan và dễ thương. Má thì lúc nào cũng thương con như trước ».

- Nếu nó hung dữ với em thì nên che chở đứa nhỏ, bồng nó đi chỗ khác, rồi bỏ qua chuyện đó, hoặc đợi lúc khác sẽ giảng-giải cho đứa lớn hiểu.

- Phải luôn luôn công bằng, đừng bênh đứa nào ; khi trẻ không tin lòng công bằng của ta thì hóa ra khó dạy.

- Nếu chúng gây lộn sơ sơ với nhau, thì nên làm lơ ; những chuyện đó không sao tránh hết được. Nếu chúng đánh nhau thì phải can thiệp, hoặc rầy chung cả hai đứa, hoặc bắt mỗi đứa đi mỗi nơi, giao cho mỗi đứa một việc.

- Trước khi trừng trị phải suy nghĩ kỹ-lưỡng, cân nhắc tội của mỗi đứa. Ta đừng nên cho rằng đứa nào đánh trước luôn luôn có lỗi. Có những đứa còn nhỏ xíu mà khéo gây sự hàng giờ, làm cho những đứa khác không sao nhịn được, phải ra tay trước và chịu hết cả trách nhiệm. Như vậy thì đứa nào mới thực là có lỗi ?

- Phải dò xét tâm lý trẻ, vì như ở đoạn trên tôi đã chỉ, lòng ghen ở trẻ có những hình thức rất bất ngờ. Có thể rằng trẻ ghen mà phát bệnh, như « ca » của em gái dưới đây :

Em đó tám tuổi, mắc bệnh sợ hãi từ khi em trai của nó mới sanh. Nó hoảng hốt la hét ban đêm, bảo rằng thấy những mặt người đen như mực, nhe răng và tiến lại gần. Mà

nó rất lo-lắng về sức khỏe của em, thành thử má nó không ngờ gì hết, bảo với mọi người : « Nó thương em nó lắm, trông nom cho em từng tí, chỉ sợ em té. Khi em nó đau, thì nó như đứa mất hồn, xin nghỉ học để ở nhà săn sóc em ». Lần lần người ta thấy nó bị chứng hồi hộp, chóng mặt, té xỉu. Các bác-sĩ chuyên môn coi mạch, thấy cơ thể nó rất bình thường, khuyên người mẹ cứ yên tâm, không sao cả. Nhưng bệnh cứ mỗi ngày một tăng, người ta phải dắt nó tới một nhà phân tâm học. Ông nầy dò xét rất kỹ và tìm thấy căn do : nó bị bệnh thần kinh.

Hồi bốn tuổi, người ra gọi nó vô phòng má nó để chỉ cho nó thấy em nhỏ mới sanh. Nó đứng nhìn một lúc cảnh má nó ôm ấp và nựng đứa nhỏ ; khoe những nét dễ thương của đứa nhỏ. Rồi đột-nhiên nó òa lên khóc, nổi điên đòi giằng em ra, không cho má bồng, và la : « Đuổi nó đi, đuổi nó ra khỏi nhà ngay bây giờ đi ». Người ta vỗ-về nó, thuyết nó : « Em nhỏ dễ thương lắm, con làm chị thì bổn phận của con phải thương em v.v… » Sau vài tuần lễ, nó đành nhận tình-cảnh đó, làm bộ vui-vẻ, yêu em, thành thử trong nhà không ai nhớ đến trận ghen đêm hôm đó nữa. Ta thử tượng-tượng nỗi khổ tâm của nó trong bốn năm liền phải nén lòng để giữ trọn bổn-phận làm chị, như cha mẹ nó dạy. Do đó mà bệnh thần-kinh phát : nó tự cho là có tội, vì trong lòng thực không thương em, và chỉ sợ bị Trời phạt, mà cứ phải âm thầm chịu, không dám tỏ nỗi lòng với ai.

Nhà phân tâm-học đó phải dần dần giảng cho nó hiểu rằng không thương em là tự nhiên, chứ không phải là tội lỗi. Sau cùng nó mới thú thực là ghét em lắm. Nghe lời khuyên

của nhà phân tâm học, cha mẹ nó tỏ lòng thương nó sau lời tuyên bố đó. Thấy vậy, mặc-cảm tội lỗi của nó tiêu-tan đi, nó không bị lương tâm giày vò nữa, và bệnh sợ đêm, hồi hộp của nó không trị mà hết.

Trẻ thường phân bì nhau trong bữa ăn. Nếu khéo xử thì thói đó rất dễ trị. Chẳng hạn ta cười cười bảo chúng : « Ngày mai, để ba lấy cái cân tiểu li, cân mỗi phần cho thực đều nhau », hoặc nói một cách nghiêm-trang : « Ba biết rằng con đói và thích thứ bánh đó cho nên muốn một phần lớn, chứ con không có ý ganh tị với em con đâu. Lần sau, nói cho ba biết chứ đừng làm như vậy ». Nếu ngọt ngào mà vẫn chưa yên, thì phải nghiêm khắc : « Con bằng lòng về phần của con thì đừng phàn nàn gì nữa ; không bằng lòng thì để lại đó, đừng ăn ». Tất-nhiên là ta không được bất công thì mới bắt chúng vâng lời được.

CHƯƠNG VI : TRẺ BƯỚNG-BỈNH, GIẬN-DỮ

1. Nhu cầu khuếch trương bản ngã và những hình thức của nó

Bướng-bỉnh, xấu tính, giận dữ là những cách biểu lộ, khuếch trương bản ngã của trẻ, là những dấu hiệu tỏ rằng trẻ có tư-cách. Diệt hẳn những tánh đó đi là điều không nên, vì lớn lên trẻ sẽ thành cục đất sét, ai muốn nặn ra sao thì nặn, thiếu nghị-lực, sáng-kiến, nhân phẩm ; nhưng để cho những tánh đó tha hồ phát triển, thì tai hại có phần còn hơn nữa : trận đại-chiến vừa rồi chẳng cho ta thấy nguy cơ của nhân loại trước sự xâm lược hung dữ của một số người muốn đè bẹp kẻ khác để làm chủ cả thế giới đó ư ? Khuếch trương bản ngã là một luật tự nhiên, song ở giữa xã hội, sự khuếch trương đó phải có giới hạn, và ta phải giúp trẻ hiểu giới hạn đó ở đâu, để đừng vượt nó. Luyện cho trẻ tự chủ, đó là một mục đích của giáo-dục.

Dòng nước đương chảy mạnh, ngăn nó lại thì không được, phải sửa đổi đường nước cho bớt thác, bớt ghềnh đã rồi mới đắp đập đào kinh ; muốn vậy phải tùy theo luật của nước. Muốn sửa tánh bướng-bỉnh hung-hăng, giận dữ của trẻ, ta cũng phải theo luật phát triển của trẻ.

Tất nhiên bẩm tính có đứa hiền, có đứa dữ, nhưng phần đông thì từ mười tám tháng trẻ mới giậm chân, lăn dưới đất, đấm đá ; trợn mắt dọa nó, lớn tiếng nạt nó cũng không công hiệu bằng cứ điềm nhiên lượm nó lên như lượm một bao

quần áo.

Hai tuổi rưỡi, trẻ kháng cự lại nếu có ai phá chúng trong khi chúng chơi, hoặc rờ vào đồ chơi của chúng. Nó đã dữ hơn trước nhiều, có thể đập, xé, đánh trẻ khác, cắn nữa.

Ba tuổi, tính tình nó dịu hơn, hình như nó đã biết tự chủ được một chút. Nó đã phản đối bằng miệng nhiều hơn bằng võ lực, và ta nên nhớ rằng nó chưa hiểu hết nghĩa những tiếng chúng dùng đâu. Chẳng hạn nó bảo bạn : « Tao chặt đầu mầy », thì hai chữ « chặt đầu » đó đối với chúng không có nghĩa như người lớn chúng ta hiểu. Đành rằng như vậy là nó dữ, nhưng mắng nó là « quân nầy hỏng, sau thành đao phủ mất » thì oan cho chúng đấy.

Sáu tuổi, trẻ dữ tợn nhất, trong hành-động cũng như trong ngôn-ngữ. Có nhiều lúc nó lên cơn, lăn dưới đất, tay đấm, chân đạp, ăn nói thô-lỗ, cãi : « Không, tôi không chịu », dọa bạn : « Tao đánh mầy à ! », hoặc thách : « Giỏi thì lại đây ! ». Nó phá-phách đồ đạc, độc ác với loài vật. Tuổi đó là tuổi khó chịu, làm nhiều bà mẹ thất vọng, bực mình nhất.

Từ bảy tuổi trở đi, trẻ đã hiểu biết, mỗi ngày một « văn-minh » hơn, biết quý hòa bình hơn chiến-tranh.

Tôi xin nhấn mạnh, những tuổi đó là tuổi trung bình, có trẻ sớm hơn, có trẻ trễ hơn, không nhất-định là mỗi đứa cứ đúng 30 tháng là hung tợn, đập xé, cắn, rồi 36 tháng lại hiền như con chiên. Điều chúng ta nên nhớ là theo luật phát triển tự nhiên, thì trẻ phải trải qua những thời kỳ bướng-bỉnh rồi ngoan-ngoãn, cũng như chúng phải mọc răng sữa rồi rụng

răng sữa. Đương thời chúng bướng, mà ta không hiểu lẽ tự-nhiên đó, cứ nhất định đem « đá của ta » ra để chọi với « trứng của chúng » thì chỉ là gây thêm phản động, làm cho chúng thêm bướng mà chưa biết chừng, trứng lại nguyên vẹn mà chính đá mới bể kia đấy. Nhưng như vậy có lẽ còn hơn là chúng phải khuất phục trước ý-chí gang thép của ta, mà sau này mất hết cả nhân phẩm.

2. Khi trẻ bướng

Tuy trẻ có nhu cầu khuếch-trương bản ngã, muốn tỏ với người khác rằng mình làm chủ mình, nhưng đồng thời cũng có nhu cầu được che-chở, muốn cho người lớn kiểm-soát, chỉ huy mình. Hiểu mâu-thuẫn đó mới có thể dạy được trẻ. Hình như chúng mờ mờ cảm thấy rằng kỷ-luật là cần thiết vì kỷ-luật che-chở cho chúng, cho nên thiếu kỷ-luật, chúng không yên tâm, khổ sở cũng bằng khi chúng bị cấm đoán gắt-gao. Bà Anna W.M.Wolf nói rằng chính chúng không thích những cơn nổi khùng, phản động của chúng đâu, và còn khinh những người lớn nhu nhược nữa. *Chúng chỉ hoàn toàn sung sướng khi được người lớn đối đãi một cách vừa khoan, vừa nghiêm.* Đó là những trẻ bình-thường ; có thể rằng do di-truyền một số trẻ bẩm-sinh hung dữ, không chịu phục tùng kỷ-luật.

Vì vậy khi chúng hung dữ hoặc bướng-bỉnh mà ta phải phạt, mắng chúng, thì cũng nên tỏ ra bằng hành-động, thái-độ cho chúng hiểu rằng ta vẫn còn yêu chúng đấy, chưng cử chỉ của chúng làm cho ta và chúng đều buồn khổ, và ta miễn cưỡng phải dùng đến uy-quyền đấy thôi.

- Ta lại nên nhớ trước khi trách chúng, phải tự xét mình đã. Ta ra nhiều lệnh, chúng không nhớ hết, thi hành hết được, thì đâu phải tại chúng ? Lệnh của ta vô lý hoặc trái ngược nhau thì chính là tại ta chứ ?

- Trẻ từ hai tới bốn tuổi, thế nào cũng trải qua một thời kỳ bướng-bỉnh. Nó bắt đầu học được tiếng « không » ; bảo nó cái gì nó cũng « không » ; khi nó thấy cả nhà ngạc-nhiên hoặc bực mình vì tiếng « không » đó, nó càng thích chí. Có lẽ nó chưa hiểu rõ nghĩa tiếng ấy đâu, nhưng nó đã cảm thấy rằng nó bắt đầu có một uy-quyền, và nó thí-nghiệm uy-quyền đó để tỏ bản năng muốn tự lập.

Tất nhiên, ta không thể khoan hồng đến nỗi mặc cho chúng cãi ta trong mọi việc được, nhưng ta cũng phải tự đặt vào tuổi của chúng để hiểu chúng mà đừng quá nghiêm-khắc. Chẳng hạn trẻ đi chơi về, vẻ mặt lầm-lì, muốn « gây » rồi đấy. Ta hiểu rằng tuổi đó phải như vậy, chưa có gì gọi là tội, cho nên ta cứ làm như không để ý tới nó. Về nhà, ta bảo : « Thay quần áo, đi tắm rồi ăn cơm chứ, con ? ». Nó lắc đầu lia-lịa : « Con không thay. Con không tắm ». Ta vẫn bình tĩnh : « Con lớn rồi, muốn thay lấy, hả ? Càng tốt ». Nó quạu cọ : « Không thay ! ».

Bực cha mẹ nào thiếu kinh-nghiệm tất thuyết một thôi một hồi, rồi dọa nạt, đánh đập. Như vậy nó phải vâng lời, nhưng uất ức và cho rằng người lớn ỷ quyền. Ta cứ thản-nhiên, nói chuyện khác : « Thử coi lại đồ chơi của con xem còn đủ không nào ». Ta lấy hộp đồ chơi ra bầy, đếm. Nó đã nguôi nguôi rồi. « À, con vịt nầy, ba má mua nó hôm đi chợ Bến Thành đây. Cho nó lội đi chứ ! » Ta đem con vịt bằng

nhựa vào phòng tắm. Trẻ đi theo, nó muốn vầy nước và vui vẻ để ta thay quần áo.

Cách đó không luôn hiệu nghiệm đâu. Nếu nó thất bại thì ta phải nghiêm-khắc hơn, nhưng nghiêm-khắc một cách bình tĩnh. Đừng quát tháo. Chỉ ít tháng sau, trẻ qua cái thời trở chứng rồi, sẽ ngoan-ngoãn và vui-vẻ như trước.

3. Khi trẻ nổi cơn giận

Hầu hết những trẻ từ 1 đến 3 tuổi đều có lần nổi cơn giận dữ. Lúc đó chúng đã biết muốn gì và đòi biểu lộ cá tính của chúng, cho nên hễ trái ý chúng thì chúng « làm trận » ; nhưng mới đầu chúng chưa dám xung đột với người lớn, chỉ lăn xuống đất, la khóc, đập chân, đập tay thôi.

Lâu lâu mới có một trận như vậy thì không đáng ngại. Nhưng nếu trẻ ngày nào cũng quạu-cọ, bẳn tính, thì nguyên-nhân có thể là :

- Tại chúng mệt mỏi quá, ăn ít, ngủ ít hoặc có bệnh.
- Tại ta vụng dạy.

Trong trường-hợp sau, ta phải tự xét xem có thường ngăn cấm chúng, làm trái ý chúng một cách vô-lý không ?

Ta có cho chúng tự-do ra chơi ngoài sân không hay là bắt chúng phải ở bên cạnh ta hoài để ta dễ coi chừng ? Ở trong nhà, ta có thu xếp cho chúng một khu vực riêng biệt để chơi yên ổn không, hay là ta cứ rầy chúng hoài : « Đừng lại chỗ đó, bị đòn bây giờ ! Đừng mó tới cái đó, bảo hoài mà không nhớ ! ». Chúng đương mê chơi, ta có bắt chúng bỏ chơi ngay, về cho ta hỏi một điều không quan trọng không ? Chúng

đương khóc, ta có bắt phải nín bặt ngay không ? Nhất là ta có quá chiều chúng không ? « Cưng muốn gì, cưng ? Để má lấy cho ». Ta chậm một chút thì nó la lên, giậm chân : « Mau lên ! » và ta vội vàng bỏ dở công việc để chiều ý chúng. Nhiều đứa trẻ ở nhà thì làm ông tướng, từ ông nội bà nội đến ba má đều không dám trái ý, mà tới trường thì hiền như cục bột. Lỗi tại người trong nhà, mà khi giáo-dục ở nhà đã tệ hại thì giáo-dục ở trường cũng khó có ảnh-hưởng được. Ta lại nên nhớ, có đứa rất thích uy-quyền chỉ thừa cơ cha mẹ nhu-nhược là ăn hiếp. Tôi biết một đứa trước khi đòi cái gì, cũng giậm chân vỗ bàn rồi mới ra lệnh. Mà nó mới sáu tuổi.

Nhưng cũng có đứa chỉ bất bình ngấm ngầm, không cho tiết nỗi giận ra ngoài, cứ để âm ỷ trong lòng như lửa trong một hỏa diệm sơn chưa phát. Những trẻ đó dễ sinh ra chua-chát, quạu-cọ, chán đời.

Cả hai tánh đó, giận mà phát ra, hay bất bình ngấm-ngầm, càng trị sớm càng hay. Để lâu thành thói quen mà ảnh-hưởng lớn đến đời sống của trẻ.

Đối với hạng bất bình ngấm-ngầm, ta phải tìm hiểu lòng nó, thay đổi thái-độ cho chúng tin cậy ta, thổ lộ tâm sự với ta, và khuyến-khích nó phát biểu ý nghĩ của nó trong mọi việc.

Đối với hạng nóng nẩy, đương nổi cơn giận, thì ta phải bình-tĩnh, đợi nó nguôi rồi, vạch lỗi cho nó thấy, rồi sẽ phạt hoặc tha thứ tùy trường-hợp. Khi nó biết ân-hận rồi thì không nên quá nghiêm. Nếu phải phạt thì cách phạt hiệu-nghiệm hơn cả là bắt nó ngồi một mình trong một phòng, để nó suy-

nghĩ về hành-động của nó.

Khi trẻ còn quá nhỏ, chưa thể giảng giải gì với chúng được thì ta bỏ đi nơi khác và mặc cho nó la khóc vài phút. Nếu nó gan, cứ khóc hoài, có thể hàng giờ, thì đợi lúc nào nó bớt khóc, kiếm đồ chơi nó chơi, nhưng nhất định không chiều khi nó đòi những cái chướng. Phải kiên-nhẫn chịu được tiếng khóc của trẻ, đừng để chúng dùng phương tiện đó mà ra lệnh cho ta, ăn hiếp ta.

CHƯƠNG VII : TRẺ NÓI DỐI

1. Tánh nói dối do xã hội tập cho trẻ

Nếu ta hiểu nghĩa nói dối là giấu sự thực thì hết thảy chúng ta không ngày nào không nói dối, có khi một ngày năm sáu lần hay cả chục lần.

Nhân loại thời xưa cũng như thời nay « tắm trong sự giả dối » như L. Vérel đã nói. Tôi còn muốn thêm rằng nếu loài người không giấu giếm, giả vờ, lừa dối nhau vì xã giao, vì duyên dáng, vì tự ái, vì đoàn kết, vì tự lợi, vì nhân đạo… vì cả nghìn lẽ khác thì đời sống trong xã-hội không thể nào bình-thường được. Ta không thể tưởng-tượng nổi một em bé mới sanh ra đã có tật nói dối, điều đó thậm vô lý ; chắc chắn là do tiếp-xúc với người lớn, trẻ mới tập thói nói dối. Vậy mà tánh nói dối lại làm cho các người dạy trẻ lo sợ nhất, giận-dữ nhất, thì cũng lạ thật.

Nói vậy, không phải tôi lập dị mà ca tụng tánh nói dối đâu ; tôi chỉ muốn nhắc bạn phải tìm hiểu tâm-lý của trẻ mỗi khi thấy chúng nói không đúng sự thực, để biết cách dạy dỗ chúng.

2. Tới tuổi nào, trẻ mới phân-biệt được chân, giả ?

Trước hết ta phải tự hỏi trẻ tới tuổi nào thì bắt đầu có ý-thức rõ ràng về sự chân và giả. Phần đông các tâm-lý gia bảo trước sáu tuổi, trẻ không phân biệt được sự thực và sự tưởng-tượng. Ông Arnold Gesell đã nghiên-cứu lại vấn-đề đó và được những kết-qủa như sau :

- Dưới năm tuổi, ít khi trẻ phân biệt được thế nào là thực, thế nào là giả, và tưởng-tượng rất mạnh.

- Năm tuổi, chúng vẫn kể những chuyện bịa, vẫn nói quá sự thực, nhưng đã bắt đầu có ý-thức về sự thực, và đôi khi tự nhận là mình « nói dóc chơi ».

- Sáu tuổi, nếu chúng có lỗi mà ta hỏi thẳng chúng thì chúng chối. Chúng thường nói dối để khỏi bị rầy. Vài đứa gian trá trong các trò chơi.

- Từ bảy tuổi trở đi chúng ít nói dối hơn vì thấy rằng nói dối, gian-trá là xấu : ghét những bạn không ngay thẳng và có cơ hội thì méc liền.

Vậy dưới năm tuổi, nếu trẻ không nói đúng sự thực là tại chúng chưa phân-biệt được sự thực và sự tưởng-tượng, cho nên ta không thể bảo chúng là nói dối được. Từ sáu bảy tuổi trở đi, chúng mới chịu trách-nhiệm về những lời nói của chúng. Tánh nói dối cũng thay đổi tùy theo sự phát triển của cơ thể : ta nghiệm thấy sáu tuổi là tuổi khó chịu, bướng-bỉnh nhất, thì cũng là tuổi hay nói dối nhất, nhưng lớn lên chút nữa trẻ trở lại ngoan-ngoan. Hiểu được luật chung đó thì trong khi dạy trẻ ta bớt bi quan được nhiều.

3. Trẻ vô tình nói sai sự thực

Điều quan-trọng nhất là phải phân-biệt hai trường-hợp : một là vô tình nói sai sự thực hai là cố ý nói sai sự thực. Chỉ trường-hợp sau mới nên gọi là nói dối.

Không riêng gì trẻ, cả người lớn cũng thường vô tình nói sai sự thực. Chúng ta chẳng thường thấy những người đạo

mạo kể những chuyện mà họ không chịu kiểm-soát xem có đúng với ký ức không đấy ư ? Biết bao ông giáo khoe với học trò, biết bao cha mẹ khoe với con rằng hồi nhỏ mình rất siêng, rất giỏi nhưng nếu họ nhớ lại kỹ tuổi thơ của họ, hoặc được coi lại những bài vở, số điểm của họ thì sẽ thấy mười điều họ nói có lẽ không đúng được năm. Lại có người khoe hồi nhỏ làm biếng – tất nhiên làm biếng mà học vẫn giỏi – mà quên hẳn những đêm gần kỳ thi phải cắm cổ học, tới mười hai giờ khuya và mới lờ mờ sáng, thức dậy đã vớ ngay cuốn sách đặt ở đầu giường để « tụng » rồi. Họ không đáng trách vì họ tin tất cả những lời của họ. Họ chủ quan, chỉ có thể thôi ; họ phát biểu những ước vọng của họ mà tưởng đó là sự thực.

Ở trẻ, sự vô tình nói sai sự thực xảy ra hằng ngày và có nhiều nguyên nhân hơn.

- Chúng chưa hiểu rõ nghĩa mỗi tiếng, nên dùng sai, do đó lời chúng nói không đúng sự thực, và ta nghi-ngờ oan cho chúng là nói dối, là tàn ác, như trường-hợp dưới đây. Ông Thamin kể : « Một hôm tôi nghiêm phạt đứa con gái nhỏ tôi, vì nó vu cho chị vú đánh nó. Sau này tôi mới hiểu rằng chữ *đánh* đối với nó có một nghĩa rất rộng, và nó dùng để chỉ tất cả căn-do những nỗi buồn lớn hay nhỏ của nó. Vậy *đánh* đồng nghĩa với *đập*, với *mắng*, với *trách* nữa ». Cứ xét chung quanh, chúng ta thấy biết bao trẻ bị phạt oan, mắng oan vì sự hiểu lầm của người lớn.

Tôi còn nhớ hồi học lớp nhất, một anh bạn tôi mà cả lớp đều nhận là hiền lành, trong giờ Luận quốc văn, lỡ dùng tiếng « búi tó », bị thầy học, một cụ cử nho quá nghiêm-khắc, cho

là vô lễ, là ngạo-mạn, bắt quỳ ở gần bảng rồi bạt tai cho tới đổ máu mũi. Cả lớp kinh-khủng không hiểu tại sao thầy học giận dữ tới vậy, vì tiếng « búi tó », đã đành là gần như lóng, nhưng rất thường dùng trong xã-hội. Anh bạn tôi dùng nó tuyệt nhiên không có ý gì xấu cả. Nhiều khi, nghĩ lại những lỗi-lầm của chúng ta trong sự giáo-dục mà rùng mình. Trẻ mà còn quý mến kính trọng cha mẹ và thầy học thì quả thực là lòng của chúng trong trắng quá, đại-lượng quá. Chính chúng ta mới thật là khả ố, khả bỉ !

- Không ai buộc tội trẻ là nói dối khi chúng bảo quản bút chúng cầm trên tay là thanh gươm, vì ta biết lúc đó chúng tưởng-tượng để chơi. Nhưng nhiều khi ta không hiểu được chúng : chúng lầm lẫn sự thực với mộng tưởng một cách rất tự nhiên. Chẳng hạn chúng quên lời thầy dạy mà nhất-định bảo là thầy chưa dạy ; hơn nữa, chúng tin rằng đã làm những công-việc mà sự thực thì chúng chỉ mới tưởng tượng ra thôi. Có đứa bảo đã bay được ở trên cầu thang hay ngoài đồng.

- Chúng còn nói sai sự thực vì thiếu nhận xét. Hỏi chúng : « Ông khách hôm qua tới chơi trong khi ba đi vắng bận áo màu gì ? » Nó đáp màu trắng mà sự thực là màu vàng. Người lớn cũng thường mắc lỗi ấy, nhưng chúng ta còn có thể nghi ngờ ký ức của ta sai, nên suy nghĩ rồi mới đáp một cách mơ hồ : « Tôi không nhớ rõ. Hình nhưu là màu trắng », chứ chúng thì quyết tín lắm, chả suy nghĩ gì cả, đáp đại ngay là màu trắng, nhất định là màu trắng, có lẽ vì chúng thích màu trắng hoặc mới thấy một người bận màu trắng đi qua. Nhưng tới khi ta bảo : « Không phải đâu, ba biết ông ấy ít khi bận màu trắng lắm, chắc là màu vàng đấy », thì chúng cũng đáp

: « Phải, màu vàng ba ạ ». chúng đã thiếu nhận xét mà còn rất chủ-quan, chưa biết giá-trị của sự thực khách-quan ; thậm chí có đứa tự nhận hết các lỗi chỉ vì chúng cảm thấy rằng nhận như vậy thì cha mẹ chúng vui lòng [17]. Chúng thật dễ thương !

Tôi kết luận : Khi trẻ dưới năm tuổi mà nói sai sự thực thì ta chỉ cần bảo chúng : « Như vậy không đúng. Sự thực thế nầy… » rồi bỏ qua. Năm và sáu tuổi, mười lần thì có chín lần trẻ vô tình nói sai. Ta phải xét kỹ khi nào chúng cố ý nói sai, tìm nguyên-nhân rồi rầy chúng nhẹ một câu là đủ.

4. Trẻ cố ý nói dối

Từ bảy tuổi trở đi, trẻ mới chịu trách nhiệm về những lời nói của chúng. Tâm-lý chúng hồi nầy đã phức-tạp, ta phải dò xét những động cơ thúc đẩy chúng lừa gạt ta.

Ông G. L. Duprat đã nghiên cứu 136 ca nói dối và sắp đặt thành bảng dưới đây :

- do sợ-sệt : 77 ca, tức 57%
- do khoe-khoang, tự-ái : 24 ca, tức 17%
- nguyên-nhân về trí-tuệ : 14 ca, tức 10%
- vì thương hay ghét người khác : 9 ca, tức 7%
- vì tham-lam : 6 ca, tức 4,5%
- phi-lý : 6 ca, tức 4,5%

Ông L. Vérel nghiên cứu trẻ từ 6 đến 14 tuổi cùng được kết-quả tương-tự :

- do sợ-sệt : 71%
- do khoe-khoang : 17%

- do tàn-ác : 3%
- do thương người : 2%

Vậy hai nguyên-nhân chính là trẻ sợ-sệt và khoe-khoang.

- Trẻ sợ-sệt mà nói dối : Lẽ đó rất tự-nhiên. Trẻ yếu ớt, không có cách nào khác để tự vệ, phải dùng cách đó. Trong khi ta đi vắng, nó leo lên bàn chơi, lỡ đánh bể bình bông, về nhà, ta hỏi thì nói hoặc làm bộ không nghe, nói lảng chuyện khác, hoặc chối, hoặc đổ tội cho em bé, cho con mèo. Nếu ta nạt-nộ, thì nó càng sợ mà không dám nhận lỗi. Nhưng có nên dỗ-dành và hứa hễ thú tội thì tha không ? Theo tôi, cũng còn tùy đứa và tùy trường-hợp. Ta chỉ nên tha nếu có một trong hai điều-kiện nầy : trẻ vô ý, như trong thí dụ trên, chứ không phải cố ý ; khi ta chưa tìm được tội, vì nếu tìm được rồi mà trẻ thú thì sự thú tội đó không có giá-trị mấy. Tuy nhiên, nếu trẻ lợi dụng lòng khoan hồng của ta để lần sau lại mắc lỗi đó nữa thì cũng không nên tha.

Nhiều người có tật bắt trẻ thú tội cho kỳ được ; hình như có vậy họ mới yên tâm rằng khỏi bị trẻ gạt. Thái độ đó rất tai hại. Ông André Berge kể chuyện một đứa nhỏ nọ đi giao hàng cho khách hàng của mẹ. Bà mẹ ngờ rằng các khách hàng đã cho nó tiền quà bánh, buộc nó phải đưa tiền đó cho bà. Người ta không cho nó, nó có tiền đâu mà đưa ? Bà đánh đập nó, bắt nó nhịn cơm. Người cha thấy vậy thương hại, phải giúi cho nó một số tiền, bảo đưa cho mẹ và thú một việc nó không làm, để được yên nhà.

Những chuyện như thế xảy ra thường trong gia-đình. Chắc bạn còn nhớ một bà mẹ lại năn-nỉ ông hiệu trưởng làm

hai số điểm, một sổ đúng sự thực để bà lại tận trường nhận, một sổ sai sự thực gởi về nhà cho chồng bà để ông nầy khỏi đánh đập đứa con học dở. Không còn cách dạy-dỗ nào vụng-về hơn nữa. Có khác gì dạy con nói dối không ?

Muốn tránh cho trẻ tật nói dối vì sơ-sệt, chỉ có mỗi một phương-pháp là yêu chúng, tin cậy ở chúng. Hai ngàn rưỡi năm trước, đạo Nho đã khuyên : Khi muốn phạt mà còn nghi-ngờ thì nên tha ; khi muốn thưởng mà còn nghi-ngờ thì cứ thưởng. Các ông thẩm phán, các bận cha mẹ và thầy dạy phải ghi câu đó trong lòng.

- **Nói dối để khoe-khoang :** là một tánh đáng ghét hơn, nhưng cũng rất thường. Nếu in ít thôi, năm thì mười họa mới khoe : « Ba tao cũng mới mua cho tao một cái, còn tốt hơn cái của mầy nữa. Màu xanh, đẹp lắm », mà sự thực thì nó không có. Nếu ta nghe được thì chỉ nên đợi lúc vắng người, bảo nhỏ : « Con không có xe tăng mà sao nói vậy ? Nếu con muốn thì ba mua cho, chứ nói dối xấu lắm. Mình không có xe tăng, thì có máy bay, có đồ chơi khác, kém gì bạn mà phải khoe ? Lần sau đừng vậy nữa nhé ? ».

Nhưng có những đứa nói dối một cách trắng trợn và răn bảo, rầy mắng gì cũng không chừa. Một ông già kể tính tình của đứa cháu cho bác-sĩ Gilbert Robin : « Nó phóng đại, nó bịa chuyện, nó nói dối một cách không tưởng-tượng được, ngày nào cũng vậy, không có cách gì trị. Nó tuyên bố những điều phi lý. Chẳng hạn nó bảo rằng nó mới rớt tú tài (mà nó mới 14 tuổi, đương học ở ban Cao-tiểu)… mẳng má nó chẳng làm gì cả mà có bạc triệu (má nó làm thủ quỹ trong một tiệm bánh) ; rằng cha nó làm giáo-sư (thực ra thì làm thợ mộc)…

Không biết nó có điên không ? ».

Một đứa khác bảo đã nhảy lớp đệ lục, lên đệ ngũ và bắt má nó mua đủ sách lớp đệ ngũ cho nó học. Rồi lại khoe đứng đầu lớp bằng một giọng thản nhiên.

Nào phải chỉ riêng con nít. Người lớn cũng không thiếu gì kẻ « đía » như vậy. Tôi biết một ông huyện hàm nọ mà từ họ-hàng đến bè bạn ai cũng gọi là « Huyện gáy », thản nhiên bịa những chuyện động trời. Ông khoe được bộ trưởng nọ, bộ trưởng kia mời dự tiệc, được người ta hỏi ý kiến để lập nội các mới, và khi ông già ông mất ở một châu thành miền Hậu-Giang thì chỉ một giờ sau ở Sàigòn ông đã biết tin vì « anh em trong đó » đã đánh vô-tuyến điện cho ông hay (thời đó người ta còn chiến đấu dữ dội với quân đội Pháp, mọi phương tiện giao thông và truyền tin đều thiếu thốn và bị kiểm soát gắt gao). Hạng « Tề-nhân » trong sách Mạnh Tử đó bị « lật tẩy » cả ngàn lần mà chứng nào vẫn tật ấy. Giáo-dục đối với họ vô hiệu.

Chẳng may con chúng ta mắc cái tật « đía », thì ta chỉ có mỗi một cách là tỏ vẻ khinh bỉ, rồi chận đứng chúng lại mỗi khi chúng bắt đầu trổ tài, và đành… nhờ trời thôi, chứ đánh chúng bao nhiêu cũng không ích lợi gì mà chỉ gây oán : chúng sợ ta không dám đía nữa, nhưng hễ gặp bạn thì lại « đía » gấp mười để bù những lúc phải nhịn « đía » ở nhà. Vả lại, tánh « đía » đó khả ố thật, nhưng thường vô hại cho xã-hội vì không làm cho ai tin được cả.

- Ông G. L Duprat không kể trường-hợp trẻ **nói dối vì ghen**. Tôi cho trường-hợp nầy cũng rất thường. Một đứa nhỏ

mồ côi mẹ. Cha nó không tục huyền, nhưng tối tối thường mời bạn bè – trai và gái – đến chơi cho vui. Nó nằm ở phòng bên nghe những tiếng cười nói, và đâm suy-nghĩ. Rồi cứ đúng lúc đó nó kêu đau bụng, bắt ba nó phải bỏ khách, vào săn-sóc nó. Nó sợ ba nó bỏ quên nó, nên phải nói dối. Trong trường-hợp đó, trị được bịnh ghen thì tự nhiên tính nói dối cũng mất.

- Một nguyên-nhân nữa là trẻ muốn làm cho người lớn thương nó hơn. Một đứa con gái tám tuổi, mồ côi cha mẹ, khi thì ở bên nội, khi thì ở bên ngoại. Cả hai gia đình đều thương nó, nhưng không bên nào chịu gánh riêng trách nhiệm nuôi nó. Nó tủi thân và đau khổ. Ở với bên nội thì nó bảo : « Ngoại cho cái nầy cái khác, cưng thế này thế nọ » ; ở với bên ngoại thì nó lại bảo : « Nội cho cái này cái khác, cưng thế này thế nọ ». Nó muốn cho bên nào cũng cưng nó hơn nữa, nên nói dối như vậy. Sau người ta biết rằng nó bịa chuyện, rầy nó, nó tỏ vẻ buồn, hối-hận, nhưng chứng nào vẫn tật ấy. Chỉ có cách một bên lãnh trách nhiệm nuôi nấng nó, để nó khỏi thấy bấp-bênh, trôi nổi từ bên nội qua bên ngoại, thì thói nói dối đó mới hết được.

- Ông André Berge còn kể một nguyên do tâm-lý nữa. Một em nọ bị các bạn ăn hiếp, đến nỗi không dám chơi với chúng, không dám ngó thẳng vào mặt chúng nữa, và trước mặt chúng, run như cầy sấy : vậy mà về nhà thì nó khoe là « đại ca » trong bọn và các đàn em phải tuân lệnh răm-rắp. Không phải là nó khoe để được người ta khen hay phục nó đâu. Nó thèm khát uy quyền, phải tưởng tượng ra để hưởng cái vui mà trong thực-tế nó hoàn-toàn thiếu thốn ; tóm lại nó

nói dối để tự *đền bù* một sở đoản. Tâm lý đó phải chăng là tâm-lý những thi-sĩ ốm nhách, cân không được bốn chục kí-lô, mà mơ những cuộc tiến quân của Quang-Trung, và tưởng tượng mình phất cờ, phi ngựa vào Thăng-Long trong tiếng hoan-hô dậy đất ?

5. Trẻ đáng tin tới mực nào ?

Ta đã thấy trẻ em, vì rất nhiều lẽ, thường nói sai sự thực, vậy thì lời chứng của chúng không đáng cho ta tin lắm. Câu tục ngữ : « Đi hỏi già, về nhà hỏi trẻ » chỉ đúng một phần nào thôi. Có thể rằng trẻ vô tư trong những vấn đề không liên-can trực tiếp với chúng, nhưng chúng có sở đoản là nhận xét rất kém và dễ bị ám thị. Ông F. Gorphe trong cuốn *La critique du témoignage* (Dalioz) đã xét kỹ điều đó, và gần đây, ông L. Vérel cũng đã làm nhiều thí-nghiệm trong đám học sinh. Một ngày tháng hai, gần tới lễ Mardi gras, ông làm bộ như ngẫu nhiên cho trên bốn trăm học sinh trai và gái coi một hình người múa rối màu sắc rực-rỡ. Một tuần lễ sau, đúng ngày Mardi gras, ông bảo các trò gái trả lời những câu hỏi mà ông đã ghi sẵn, về hình dáng và màu sắc của hình múa rối. Hôm sau, ông bảo các trò trai cũng làm công-việc đó.

Bốn trăm lẻ hai đứa trả lời (hai trăm hai mươi bốn trai, một trăm bảy mươi tám gái), mà chỉ có mười em đáp đúng (năm trai và năm gái) ; tính ra tỉ số không được ba phần trăm.

Ông nhận thấy rằng những trẻ nhỏ, chưa biết nhận xét, trả lời sai nhiều hơn hết. Và có điều này mới đầu tưởng như

khó hiểu : ai cũng thấy con trai nhận xét đúng hơn con gái mà lần đó thì ngược lại (tỉ-số con trai đáp đúng là 2,2%, con gái là 2,8%). Ông cho rằng con trai đã bị ám thị, vì ông hỏi chúng sau khi đã được coi những cuộc nhảy hôm lễ Mardi gras, và những hình ảnh trong cuộc vui đó đã làm lu-mờ, sai lạc ký ức về hình múa rối.

Để thêm chứng cớ về tính cách dễ bị ám thị của trẻ, ông thí-nghiệm thêm. Sau khi chấm xong các câu hỏi, ông bảo học sinh rằng ít đứa cho biết hình đó có cầm gì trong tay không và có râu mép không (sự thực nó chẳng cầm gì cả, mà cũng không có râu). Rồi ông lại phân phát những tờ giấy ghi sẵn câu hỏi để chúng đáp lại. Ông đã ám-thị chúng và kết quả là một trăm bảy mươi lăm đứa trả lời, thì có hai mươi lăm đứa chống nổi sự ám-thị về bàn tay hình múa rối, sáu đứa chống nổi sự ám-thị về bộ râu và hai mươi bốn đứa chống nổi sự ám-thị về màu sắc. Hầu hết chống lại một cách rất yếu ớt, đáp : « Con không nhớ rõ » ; chỉ có hai đứa là chống lại mạnh-mẽ, không bị ám-thị chút nào và giữ đúng những câu trả lời lần trước. Còn những trò khác thì đáp bậy bạ cả ; tay thì cầm vật nầy, vật nọ, cả những vật kỳ cục : râu thì màu sắc ra sao, dài ngắn ra sao.

Bảo chúng bị ám thị hết thì có lẽ cũng không đúng. Chắc có đứa trả lời cho xong chuyện, hoặc để làm vui lòng thầy, hoặc thấy chúng bạn làm thì cũng làm, chẳng suy nghĩ gì cả. Những hai thí-nghiệm đó cho ta rút được bài học nầy :

- những lời nói của trẻ mười phần không tin được một.

- đừng hỏi gạn trẻ, càng hỏi gạn, chúng càng nói sai để

lấy lòng ta

- đừng dọa nạt trẻ khi ta muốn biết sự thực.

CHƯƠNG VIII : TRẺ ĂN CẮP

1. Một lối xử tội chớp nhoáng (Phải thận trọng khi phạt trẻ)

Bạn còn nhớ bài *Du đãng* trong cuốn *Trước vàng móng ngựa* của Hoàng-Đạo, tả cái lối xử tội chớp nhoáng của những « quan lớn » cầm « cán cân công lý » ? Bài ấy như vầy :

Người ta hỏi bị cáo thứ nhất :

- Anh làm gì ?

- Bẩm, kéo xe bò.

- Chủ là ai ?

- Bẩm, không có chủ, ai thuê thì làm thôi ạ.

- Anh không có tiền ?

- Bẩm, kiếm không đủ ăn.

- Ba tháng một ngày nhà pha.

Rồi bị cáo thứ hai :

- Anh làm nghề gì ?

- Bẩm, con làm cu-li

- Cu-li cho ai ?

- Bẩm, cu-lu cho cai Đào, nhưng con thôi đã được một tháng nay.

- Thế một tháng nay làm gì ?

- Bẩm, con đi tìm việc, không làm việc gì cả.

- Không làm gì cả ? Ba tháng một ngày nhà pha.

Rồi bị cáo thứ ba :

- Anh làm gì ?

- Bẩm, làm nghề rửa nứa ngoài bãi.

- Rửa nứa không phải là một nghề. Ba tháng một ngày nhà pha.

Những tiếng « ba tháng một ngày nhà pha », cứ bổ xuống đều đều như tiếng dao cầu cắt đương quy hay sinh địa vậy.

Nhưng thưa bạn, hết thảy chúng ta, cả bạn lẫn tôi, chúng ta cũng đã có ít nhất là vài lần xử tội như vậy. Xử tội con cháu ta hoặc học trò của ta.

Một lần :

- Tiền nầy mầy lấy ở đâu, Ba ?

- Bẩm, chú Tư cho con ạ.

- Láo, tao đã dặn chú ấy không cho chúng bây mà, chú ấy đâu dám cho ? Ăn cắp. Nằm xuống, mười roi.

Rồi lần khác :

- Cây bút máy nầy mầy lấy ở đâu, Xuân ?

- Bẩm không ạ ; con gà bài cho thằng Hưng, nó đền công cho con đấy ạ.

- Láo. Thằng Hưng con nhà nghèo, làm gì có cây viết máy tốt nầy. Ăn cắp. Nằm xuống, mười roi.

Rồi một lần khác nữa, cũng « Ăn cắp. Nằm xuống, mười roi… »

Có lẽ tôi nói cũng hơi quá, nhưng không sai sự thực bao nhiêu, phải không bạn ? Ta nghiêm-khắc như vậy cũng có lý, vì còn tội gì khả ố, ghê tởm, bằng cái tội ăn cắp ; nó ê trệ lắm, nhục nhã lắm. Nhưng hết thảy các nhà tâm lý hiện nay lại bảo trẻ ăn cắp là chuyện tự nhiên mà nguyên-do chính là

tại chúng chưa hiểu thế nào là của riêng, hoặc tại chúng thiếu tình âu yếm ; vậy đối với trẻ ăn cắp ta không nên tra khảo, mà cũng không nên làm nhục ; và cái lỗi xử tội « Ăn cắp. Nằm xuống, mười roi » đã bất công mà còn vô hiệu.

Muốn trị tật ăn cắp của trẻ, trước hết ta phải biết tới tuổi nào trẻ mới có ý-niệm về quyền sở hữu.

2. Tới tuổi nào, trẻ mới có ý-niệm về quyền sở hữu

Theo Arnold Gesell, hồi hai tuổi trẻ phân biệt được vật mà của người nào trong nhà, vật nào của nó, và bắt đầu để ý tới tiền, nhưng chưa hiểu được công dụng của tiền.

Khoảng năm tuổi rưỡi, nó mới có ý-niệm rõ rệt về quyền sở hữu, biết bảo bạn : « Tao cho mầy chơi con búp-bê *của tao* đấy ». Nó thích có tiền để mua kẹo.

Sáu tuổi, thị dục của nó rất mạnh, cho nên thấy món gì thích là lấy, chẳng cần biết của ai.

Tám tuổi, rất thích quyền sở hữu, ham mua bán đổi chác, ki cóp, muốn có hộc tủ riêng để sắp đồ chơi, sách vở, nhưng vẫn chưa biết trọng quyền sở hữu của người. Nó mê tiền như người lớn, thường « tính sổ » xem có được bao nhiêu, người ta thiếu nó bao nhiêu, có đủ tiền để mua vật nầy vật nọ không.

Tới chín tuổi nó mới có ý-niệm rõ-rệt về quyền sở-hữu của mình và của người, thỉnh thoảng biết nói : « Mình ngay thẳng ». [18]

Arnold Gesell đã nhận xét trẻ em Mỹ và tôi ngờ rằng trẻ con Mỹ ham tiền hơn trẻ con Việt, nhưng điều đó không quan

trọng. Điều quan trọng mà ta phải nhớ là tới chín tuổi, *trẻ mới hiểu rõ, như ta hiểu*, rằng ăn cắp là xấu.

Dưới tuổi đó, phần đông không chế-ngự được thị-dục, hễ thích cái gì thì chiếm cái đó, bằng cách này hay cách khác, mà cho hành động đó là thường. Ta lại nhận thêm rằng lòng tham của chúng cũng thay đổi tùy theo tuổi ; cũng tới sáu tuổi thị-dục đó lên rất cao. Quả là tình-cảm của con người chịu ảnh-hưởng sâu xa của sinh lý.

3. Dưới chín tuổi, chỉ nên khoan hồng

Vậy dưới chín tuổi, trẻ đã chưa có quan niệm rõ rệt về quyền sở hữu như chúng, thì tất nhiên ta không nên kết tội chúng là ăn cắp. Nếu bạn cho vậy là quá khoan hồng thì ít nhất cũng nên theo lời khuyên của bác-sĩ Spock đợi trẻ đủ sáu tuổi rồi hãy trừng-trị tánh gian-dối của chúng. Chúng ăn vụng hoặc lén lấy lén tiền của ta thì cũng chỉ nên khuyên chúng : « Đừng làm thế nữa. Lần sau có muốn ăn bánh, hoặc muốn có tiền mua boòng-boong, mua hình thì cứ bảo ba, ba sẽ cho », rồi ta tự xét xem từ trước có nghiêm khắc quá với chúng không, có cấm chúng ăn ngoài ba bữa cơm không, có từ chối chúng mỗi khi chúng xin một đồng hay năm cắc mua quà không. Ta chỉ nên tập cho chúng quan niệm được thế nào là ngay thẳng, để lần lần tạo cho chúng một lương-tâm ; chứ chưa nên phạt, vì dưới sáu tuổi, chúng chưa hiểu được nghĩa chữ ăn cắp, mà dù có hiểu được thì cũng chưa có đủ nghị lực để thắng thị dục mạnh vô cùng của chúng.

4. Ăn cắp vì thiếu tình thương

Trẻ trên sáu tuổi mà thường ăn cắp – tôi nhấn mạnh vào chữ thường – thì ta phải tự hỏi những câu nầy :

- Trẻ ăn cắp cái gì ?
- Ăn cắp của ai ?
- Để làm gì ?

Và sau khi tìm ra lý do mới sửa tật.

Một lý do quan trọng là trẻ thiếu tình âu yếm của cha mẹ. Nhiều đứa sau khi em mới sanh bỗng mắc tật ăn cắp. Hình như chúng có cảm tưởng rằng em nhỏ đã ăn cắp một phần tình thương của cha mẹ, rồi nghĩ vậy chúng cũng ăn cắp một cái gì. Tâm lý đó ta thấy hơi khó hiểu, nhưng được nhiều nhà giáo dục công nhận. Ông André Berge bảo chính ông đã thấy một em nhỏ sanh tật ăn cắp từ ngày má em đem về nuôi một con chó con mà bà ta rất cưng, vuốt ve suốt ngày. Nó mười tuổi, trước kia học khá, bỗng nhiên thụt lùi.

Một hôm nó kể bị má nó tát tai. Ông hỏi nó : « Con thường bị má tát tai không ? ».

Nó thở dài, buồn rầu đáp : « Thưa không ».

Rồi một lát sau, nó tiếp : « Bây giờ má có quạu thì má đánh con chó nhỏ ».

Cả trong những hình nó vẽ ông cũng thấy hiện nỗi lòng cô độc của nó. Nó vẽ hai chiếc tàu lớn trở về bến, còn một chiếc tàu nhỏ thì lại ở ngoài khơi. Ông hỏi nó sao trong các hình nó vẽ cái gì cũng có cặp ba. Nó đáp : « Số ba là gia đình con hồi trước (cha, mẹ và đứa con) ».

Ông lại hỏi : « Thế chiếc tàu nhỏ xíu ở ngoài khơi nầy là

cái gì ? ».

- Thưa, đó là con chó nhỏ.

Rõ ràng là nó đổi tánh vì thiếu tình thương của cha mẹ.

Nhiều đứa ăn cắp đồ trong nhà đem cho bạn, nhất là hồi chúng bảy tuổi. Nguyên do rất dễ hiểu : một là chúng muốn tỏ cho bạn thấy rằng chúng đã lớn, độc lập, có quyền sử dụng mọi vật trong nhà như người lớn ; hai là chúng thiếu tình yêu trong gia đình nên muốn gây tình yêu ở ngoài.

5. Ăn cắp để trả thù hoặc để bù một nỗi bất công

Có khi trẻ ăn cắp như để trả thù lại người lớn. Chúng không có lỗi mà ta phạt chúng ; không có tật xấu mà ta nghi oan cho chúng, rồi khinh ghét chúng ; chúng uất ức, tự nghĩ : « Đã mang tiếng oan, thì cần gì giữ-gìn nữa ? Đã thế, mình ăn cắp thật cho mà coi ». Nỗi lòng đó rất đau đớn và có thể đưa trẻ tới những hành-động liều-lĩnh, cho nên nhà giáo-dục phải lạc-quan, tin trẻ thì mới cải-hóa được trẻ.

Trẻ lại có thể ăn cắp để « bù » lại một nỗi bất công của xã-hội. Về phương-diện tâm lý, trường-hợp nầy cũng hơi giống trường-hợp ở trên. Một em mười hai tuổi, học giỏi ngoan-ngoãn, muốn có một cái máy đánh chữ. Cha mẹ em không đủ tiền, bảo em đợi lớn ít tuổi nữa sẽ mua.

Ít lâu sau, ở trong trường xảy ra nhiều vụ mất cắp tổng cộng tới ba ngàn quan. Có ai ngờ đâu thủ phạm chính là em đó mà từ thầy tới bạn, ai cũng mến. Bị bắt quả tang, em như mất hồn, ngớ ngẩn. Người ta hỏi em đã dùng số tiền đó để mua máy đánh chữ chưa. Em bất bình, đáp : « Khi nào con

lại dùng tiền ăn cắp ấy để mua máy đánh chữ ! » Làm sao hiểu được tâm lý đó ? Sau nhiều lần dò xét, gạn hỏi, người ta mới đoán rằng em ăn cắp không phải vì tham mà vì mắc cỡ, ngượng ngùng mỗi khi thấy chúng bạn có nhiều tiền, mà mình thì vì nghèo, không được bình đẳng với chúng. Ăn cắp được một số tiền của một đứa bạn nào, em có cảm giác thích thú như đã hạ được đứa đó xuống một bực để mình nhoi lên. Em không hẳn là ghen bạn, vì vẫn vui-vẻ với chúng, mà chỉ muốn « bù » lại một nỗi bất công thôi.

6. Ăn cắp để tự phạt mình

Lạ-lùng hơn nữa là có trẻ ăn cắp để tự phạt mình. Ông André Berge kể chuyện một em tên là Edouard vào một tiệm buôn lớn ăn cắp nhiều đồ một cách vụng về, như có ý để cho chủ tiệm bắt được. Xét ra thì ở nhà nó hung dữ, ăn hiếp cha mẹ. Nó biết như vậy là bất hiếu, có tội, lương tâm không được yên ; nhưng không hiểu vì lòng tự ái hay vì lẽ gì khác mà nó không xin lỗi cha mẹ, cũng không chịu đổi tánh ; cho nên nó cố ý mắc một tội khác, tội ăn cắp để người ta phạt nó thì nó mới vui lòng như người đã chuộc được lỗi.

Một em khác rất thông minh, liên tiếp trong ba tháng ăn cắp biết bao đồ ở trường, mà hành động của em có ba đặc điểm nầy. Đặc điểm thứ nhất : em ăn cắp xe máy, quần áo, đồ tư trang, mà em không cần dùng những thứ đó, vì cha mẹ giàu có, không để em thiếu thốn gì. Đặc điểm thứ nhì : em cố ý để cho người ta bắt được, đem bầy những đồ ăn cắp cho mọi người thấy. Đặc điểm thứ ba : Cha em trừng trị thì em vui sướng hiện ra nét mặt, chính em nói rằng trong các giấc

mộng, em sung sướng thấy mình bị tòa xử tội ; và mỗi lần bị cha phạt thì « óc em như hết u-ám đi ». Một nhà phân tâm học nghiên cứu « ca » lạ lùng đó và tìm thấy nguyên do : em đã làm những lỗi nặng, mà tôi không cần chép lại đây, rồi em ân hận, ăn cắp như vậy để được cha trừng phạt ; nghĩa là em đã tìm cách tự phạt mình. Sau khi được thổ lộ nỗi u ẩn trong lòng với nhà phân tâm học, tâm hồn em bình tĩnh trở lại, và tật ăn cắp mất luôn từ đó.

7. Những nguyên nhân khác

Ngoài ra, còn rất nhiều nguyên-nhân khác, như vì ghen với anh em, vì thù oán (như thù bạn, ăn cắp sách của bạn để bạn phải phạt), vì muốn tỏ ra mình là gan dạ (trường hợp nhiều trẻ em trong châu thành chịu ảnh hưởng của loại phim cao-bồi, loại tiểu thuyết kiếm-hiệp) vì tính dục (như ăn cắp khăn mùi-xoa của đàn bà)… Ta phải tìm hiểu nguyên do đã thúc đẩy trẻ phạm tội rồi mới thấy cách trị. Nhưng cứ xét chung thì những trẻ được âu yếm, tin cậy thường ít khi ăn cắp, và trong khi răn trẻ, ta càng tỏ ra khoan hồng, hiểu biết bao nhiêu càng có kết quả bấy nhiêu. Không xét kỹ lý do, cứ thấy trẻ ăn cắp là cau mày, nổi giận, tưởng tượng, chúng sau nầy sẽ thành quân trộm cướp, tức là đẩy chúng vào đường tội lỗi.

Bạn xét, trong trường-hợp dưới đây, một hành động không sáng suốt của người trên có thể tai hại cho thanh niên biết bao.

Một em mười tám tuổi, học ban Tú-tài Toán, luôn luôn vào hạng giỏi nhất lớp, tính tình lại tốt, cha mẹ, thầy học,

bạn bè đều mến. Một bạn học mượn của em mười lăm quan, mới rút ví tiền ra định trả thì có người gọi gấp, vội đặt ví tiền trên bàn rồi đi ra. Trong lớp chỉ còn em X. Em sửa soạn ra về, thấy ví tiền đó, bỏ vào túi. Đứa bạn trở lại, không thấy ví tiền đâu, hỏi X, X chối. Người ta điều tra, X sợ bị bại lộ, rút năm trăm quan trong ví rồi liệng cái ví vào cầu tiêu. Nhưng sau không thể nào giấu được, em phải thú hết và bị đuổi.

Em không phải vì tham lam mà lấy năm trăm quan đó và tuyệt nhiên không có chủ tâm ăn cắp. Em chỉ có cái lỗi là hành động vụng về. Em thấy cái ví để đó muốn cất dùm cho bạn, nhưng khi bạn bước vô, đáng lẽ bảo : « Tôi sắp đi ra trong lớp không còn ai, để ví đấy không tiện, tôi cầm nó định đi ra kiếm anh để trả thì may quá anh về. Anh thử soát lại xem có đủ không ? » đáng lẽ nói như vậy thì em lại sợ bị bạn nghi là ăn cắp, mà dại dột chối biến, rồi trường học điều tra gắt quá, em lại làm một việc vô ý thức nữa là lấy số tiền – vì tiếc của, chứ không phải vì tham – mà liệng ví đi. Trường điều tra ngay là phải, nhưng giá không có cuộc điều tra đó thì chắc chắn em X cũng tìm cách gián tiếp trả ví tiền cho bạn. Sự trừng phạt của nhà trường gắt gao quá. Một lỗi lầm lẻ loi như vậy đâu đủ cho ta kết tội em là hư hỏng mà làm hại cả một đời em.

Sau cùng, nếu trẻ quả thực tham lam thì ta cũng nên xét xem chúng có chịu ảnh hưởng của gia-đình và thời đại không mà tìm cách sửa đổi đừng quá nghiêm với chúng.

CHƯƠNG IX : TRẺ LÀM BIẾNG

1. Rất ít khi trẻ làm biếng, mà nhiều khi cha mẹ làm biếng xét trẻ

Trong chương IX cuốn *Săn-sóc cách sự học con em* tôi đã rút tài liệu của Bác-sĩ Gilbert Robin để chỉ cách trị tật làm biếng của trẻ. Theo ông thì trong hơn hai chục hạng học-sinh mà chúng ta trách là làm biếng, sự thực chỉ có hai hạng – tức hạng bướng-bỉnh, muốn chống lại cha mẹ mà không chịu học, và hạng có nọa-lực – là có lỗi ; còn những trẻ khác chỉ đáng thương, chứ không đáng nghiêm trị ; chúng không học được vì không đủ thông-minh, hay vì thể chất yếu, sinh-lý không phát triển điều-hòa, vì phương-pháp dạy-dỗ không thích hợp, vì noi gương xấu của gia-đình.

Quan-niệm của Robin rất xác đáng. Và hết thảy các nhà tân giáo-dục đều nghĩ như ông. Chẳng hạn ông Georges Mauco, Giám-đốc về sư-phạm ở Trung-Tâm Claude Bernard cũng bảo : « Thực ra, hiếm có trẻ làm biếng. Thường thường sự làm biếng chỉ là một triệu chứng tỏ rằng trẻ có một cái gì khó chịu. Sự khó chịu đó có thể do trẻ thiếu sức khỏe về thể chất hay tinh thần, hoặc thiếu sự yên ổn âu yếm trong gia-đình, trường học. Cũng có thể do những lỗi lầm về sư-phạm, chương-trình và phương-pháp không hợp với tâm-lý, sinh-lý của trẻ. Bệnh biếng học cũng như bệnh biếng ăn. Không phải cứ trẻ muốn siêng học hoặc nhà giáo-dục muốn cho trẻ siêng học mà được. Bệnh ấy có thể do trẻ không thích học một phần cũng do thúc ăn tinh thần người ta muốn nhồi cho nó

một phần. Vậy các nhà giáo-dục phải luôn luôn kiếm tại sao trẻ bỏ hoặc từ chối một hoạt động mà đáng lý ra phải là sự phát biểu tự nhiên của sinh lực ».

Ông lại nhấn mạnh về điểm dưới đây :

- Trong các trung tâm nghiên-cứu tâm-lý để áp dụng vào khoa sư phạm, luôn luôn người ta nhận thấy rằng phần đông các học sinh mà thầy giáo cho là làm biếng, đều có một sức thông minh trên mực trung. Vậy chúng học kém không phải tại ngu dốt mà tại cách dạy dỗ không thích hợp hay tại chúng thiếu tình yêu, bị cha mẹ, thầy dạy chê quá, xử bất công quá.

- Về nguyên nhân sư phạm, thì nhà giáo nào cũng phải nhìn nhận là đúng, nếu không, làm sao ta có thể hiểu được tại sao nhiều trò học với ông giáo nầy thì rất dở toán hay lý hóa, mà học với ông khác thì lại tấn tới trông thấy.

- Còn về nguyên-nhân thiếu tình âu yếm thì George Mauco đã kể một thí dụ rất rõ ràng. Trò Jean mười ba tuổi, dở tệ về môn toán, không thể nào chú ý được khi học toán. Em tự thú : « Tôi thấy sự chú ý của tôi chảy đi như nước lọt qua kẽ tay vậy » và em lấy làm sợ lắm một khi bị cha mẹ, thầy giáo rầy. Mà có phải em ngu độn đâu. Em rất thông minh về các môn khác đều giỏi cả. Đã mấy năm rồi, ông nội em, trước làm giáo-sư toán, dạy thêm toán cho. Ba em, cũng làm giáo-sư toán, cũng dạy thêm, mà vẫn không có kết quả, thường đem anh hai của em ra so-sánh : « Anh mầy rất có khiếu về toán, mới đáng là con tao, còn mầy sao mà chẳng giống ông cha chút nào cả ? ». Nó tủi nhục, rồi vừa sợ vừa

tức, thành thử tinh thần không sáng-suốt, bình tĩnh, không chú ý được nữa.

Trong trường hợp đó, càng rầy càng mỉa chỉ càng làm cho nó ngu thêm ! Ông Georges Mauco khuyên cha mẹ em đổi cách cư xử và chẳng bao lâu sau, nó tấn tới lần lần về toán, được vào hạng trung-bình.

2. Đừng quá chú ý đến những điểm ông thầy cho mà vội trách trẻ làm biếng

Sau cùng tôi muốn nhắc bạn một điều : ta đừng nên quá chú ý đến những điểm ông thầy cho trẻ mà mỗi khi thấy điểm sụt, vội trách trẻ làm biếng, là thụt lùi, vì những điểm đó chỉ có một giá trị rất tương đối, đôi khi lại chẳng có một giá trị nào nữa.

Cũng trong cuốn *Săn sóc sự học con em* tôi đã nói :

- Một trò thông-minh, học mười phút đã thuộc bài, được 15 điểm ; một trò khác ký-tính kém, cũng bài đó, phải học hai giờ mới thuộc, mà cũng chỉ được 15 điểm. Như vậy có bất công không ?

- Hai trò sức học ngang nhau, một trò 11 tuổi, một trò 15 tuổi, mà cùng được một số điểm như sau, thì có phải là hẹp với trò nhỏ tuổi không ?

- Có nhiều trò thuộc bài nhưng vì quá e-lệ, lên tới bảng là hồi-hộp, líu lưỡi lại, ấp a ấp úng, bị một điểm xấu. Trò đó có đáng trách không ?

- Trẻ nhờ anh chị « gà » cho một bài toán, được 18 điểm – 18 điểm đó có gì là vinh không ?

Huống hồ chính ông giáo khi cho điểm lại vội vàng thì còn làm sao mà công bằng được nữa ? Mà không vội-vàng sao được ? Tại nhiều trường tư và công bây giờ, không thiếu gì những lớp 80 trò, 100 trò. Ông giáo mỗi ngày chỉ chấm hai bài thôi cũng phải đọc 160-200 tập rồi, thì giờ đâu mà coi kỹ ? Lại có những giáo-sư dạy bảy lớp Việt-ngữ hoặc mười hai lớp toán, mỗi lớp trên bảy chục trò. Như vậy, những điểm các ông ấy phê trên bài học-sinh, có giá trị ra sao, khỏi cần xét cũng biết.

Sau cùng, mỗi giáo-sư có một cách cho điểm : ông cho rộng quá, bài nào cũng 18 điểm trở lên ; ông cho hẹp quá, trò nào được 11 điểm tức như trúng số độc đắc rồi ; ông này chỉ xét nội dung, ông kia lại chú trọng đến hình-thức cùng cách trình bày…

Như vậy có khác gì những người bán thịt dùng những quả cân không cùng chung một bản vị, có kí-lô chỉ nặng 800 gram, có kí-lô lại nặng tới 1.200 gram ?

Gần đây, giáo sư G. Mialaret, dạy khoa tâm lý ở đại học đường Sorbonne (Ba-Lê) đã thí-nghiệm với cách sinh-viên thanh tra ở trường Cao-đẳng sư phạm Saint-Cloud, về sự cho điểm ở một lớp thi tiểu học. Ông lựa môn toán là môn mà cách cho điểm ít sai biệt nhất, vì một bài toán trúng thì ai cũng phải nhận là trúng, chứ không như một bài luận, giáo sư nầy cho là hay, giáo sư khác có thể cho là dở. Ông lại để các giáo sư chấm bài định chung với nhau cách thức cho điểm. Có hết thảy 23 giáo sư, mỗi ông chấm 14 bài. Dưới đây (trang 155) là bảng ghi số điểm mỗi ông cho mỗi bài.

Bạn nhận thấy những điểm các giáo sư cho cùng một bài sai biệt nhau có khi đến 10 điểm ; như bài D, giáo sư số 1 cho 10 điểm, các giáo sư số 7, 12, 13, 18, 20 cho 20 điểm, bài H giáo sư số 1 cho hai điểm, giáo sư số 23 cho 12 điểm.

Trong số 14 bài, chỉ có 3 bài được toàn thể giáo sư cho là trên mực trung, tức các bài C, E, I ; và 4 bài các giáo sư đều cho là dưới mực trung, tức các bài G, J, L, M ; còn bảy bài khác thì các ông không đồng ý nhau : ông cho là trên mực trung, ông cho là dưới mực đó.

Ông số 1 cho điểm hẹp nhất : điểm trung bình là 8,1 ; ông số 23 cho rộng nhất : điểm trung bình là 11,36. Ông số 5 cho những điểm sai biệt nhiều, từ 3 đến 19. Ông số 2 trái lại, dè dặt, không cho những điểm thấp quá mà cũng không cho những điểm cao quá, điểm thấp nhất của ông là 5,5 ; điểm cao nhất là 16,5.

Kết quả cuộc thí nghiệm đó cho ta thấy học sinh bị bao nhiêu nỗi bất công, và cứ xét học bạ của nhà trường mà rầy chúng thì thực oan cho chúng. Một em năm ngoái học khá, năm nay học dở, chưa chắc đã là làm biếng đâu ; có thể do em chưa quen với ông giáo, không biết chiều ý ông. Vì vậy sự đổi thầy giữa năm học là một tai hại cho trẻ, và sự để cho các giáo sư nơi khác lại chấm thi cũng là điều nên tránh.

Tôi còn nhớ một lần chấm thi, cho một bài toán 6 điểm trên 10 ; một ông bạn giám khảo cũng chấm bài đó, cho 1 điểm trên 10. Bài đó là một bài về động-tử. Thí sinh làm trúng hết, chỉ sai một toán chia : 75 km đi trong 2 giờ 15 phút, em đó đem chia ngay 75 cho 2,15 để tìm tốc độ giờ.

Tôi thấy em đã hiểu bài toán, tìm được cách làm cho nên nghĩ rằng em vì hồi hộp mà quên không đổ tạp số 2 giờ 15 phút ra số thập phân 2,25 hoặc ra phân số 9/4 giờ rồi hãy chia. Tôi biết lỗi đó nặng, nên đáng lẽ cho em 8 điểm trên 10 thì rút đi 2 điểm, còn 6 điểm, ông bạn tôi lại nhất định cho rằng câu đáp sai thì cho 1 điểm còn là rộng, chứ đáng lẽ phải là không điểm.

Bây giờ tôi vẫn chưa dám quyết rằng tôi có lý ; nhưng chỉ một chuyện đó đủ cho ta thấy sự đậu rớt thời nào cũng có phần may rủi, và kẻ làm cha mẹ, thầy dạy phải kinh nghiệm nhiều mới khoan hồng với trẻ được.

BẢNG GHI ĐIỂM

Những số từ 1 đến 23 chỉ các giáo sư chấm bài. Những chữ từ A đến N chỉ các bài toán. Hàng cuối chỉ số trung bình của những điểm mà mỗi giáo sư đã cho. Cột cuối bên tay mặt chỉ số trung bình của những điểm mà các giáo sư đã cho mỗi bài. Những số điểm có gạch dưới là những số cao nhất và thấp nhất về mỗi bài.

	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23
A	10,5	13	13	12,5	9,5	13	13	11,5	13	11,5	11,5	13	13	13	11	12	11	11	12	14	12	13,3	13
B	13	16	11	9,5	16	16	16,5	15,5	15	15	15	10,5	16,5	17,5	18,5	17,5	17	18	15	17	18	16,75	16
C	12,5	11	11	10,5	11,5	11	11	11	11,5	12,5	11,5	11,5	11	15,5	12,5	11,5	13,5	10,5	12	11	13	11	12
D	10	16,5	17,5	19	19	19,5	20	18,5	17,5	18	18	20	20	16,5	19	19	18	20	19	18	18,3	20	19,5
E	13,5	14,5	13	12	15	11,5	13	13,5	13	13	14,5	15,75	14	15,5	12,5	14,5	13	13,5	14,5	14	14	13,5	15,5
F	12	9,5	14,5	14,5	14,5	15,5	15,5	14,5	15,5	13,5	14	16,5	11,5	15	13,5	15,5	13	15,5	14,5	16	15	16,5	16
G	5	5,5	4,5	5	3	4,5	4,5	4,5	5,5	4,75	6	6,5	4,5	6	5	4,5	5,5	4,5	4,5	5	4,5	5	6,5
H	2	8	9	8,5	7,5	8	9,5	9	9	11	10	11,5	9,5	9,5	11	10,5	10	11	11	10	10	11,75	12
I	13	13	11,5	18,5	12	13	13	18,5	15,5	15,5	15	13	15,5	13	18	15,5	17	14	19	15	14,5	15,5	13
J	3,5	6,5	5	5,5	7	5	5,5	7	5,5	6,5	7,5	8	7,5	4,5	6	6,5	5	6	8	6	8,5	7,5	5
K	8	7	5,5	6	7	7	5,5	6	5,5	7	7,5	8,5	6,5	6,5	10,5	5,5	9	8	6,5	7	6,5	7	7
L	2	5,5	5	5,5	5	6	5	5,5	5,5	5	3	6,5	5	4	5	5	6	3	5,5	4	6,5	5	6
M	5,5	8,5	6	7	7	7	6	7	6	6,5	3,5	9	6	6,5	7	6	7	6,5	7	9	6,5	6,25	8,5
N	2	10	10	10,5	11	8	9,5	6	8	10	10,5	9,5	9	8	4	9,5	5,5	12	6,5	10	10,5	9,5	9,5
	8,1	9,64	9,89	10,25	10,35	10,5	10,5	10,57	10,57	10,6	10,6	10,67	10,67	10,7	10,8	10,8	11	11	11,07	11,14	11,14	11,54	11,56

CHƯƠNG X : VÀI CÁCH DẠY

1. Cách dạy con của một bà mẹ hiền

Chắc bạn còn nhớ gương Mạnh-mẫu. Cứ theo những câu chuyện mà hai ngàn năm nay người ta còn truyền lại thì bà là một nhà giáo-dục cổ kim hi hữu. Bà góa chồng, ở vậy nuôi con, hiểu ảnh hưởng quan trọng của hoàn cảnh, cho nên ba lần dời chỗ ở để con được ở gần trường mà noi gương lễ nghĩa, học tập ; bà lại hiểu rằng dạy con thì phải làm kiểu mẫu cho con, chứ không cần thuyết pháp, nên cần cù làm lụng để nuôi con ; đáng khen nhất là bà sáng-suốt lại thường không rầy mắng, đánh đập con, chỉ tìm những lời lẽ, hành-động dẫn-dụ con bỏ tật xấu, làm điều phải. Mạnh-Tử hồi nhỏ cũng ham chơi như những đứa trẻ khác, một hôm bỏ học, về nhà. Bà không giận-dữ, quát-tháo, mà lẳng lặng lấy dao cắt tấm lụa đương dệt. Mạnh-tử thấy vậy ngạc-nhiên, hỏi bà. Lúc đó bà mới đáp : « Con đương học mà bỏ về nhà thì cũng như má đương dệt tấm lụa nầy mà cắt nó đi vậy. Tấm lụa nầy còn dùng gì được nữa đâu ! ». Có được bao nhiêu bực cha mẹ bình-tĩnh, khoan hồng và chịu hy-sinh với con như vậy ?

Tôi không bảo chỉ nhờ đức của mẹ mà Mạnh-Tử thành một á-thánh. Nhắc lại chuyện đó tôi chỉ muốn bạn nhận rằng có những lời nói, những hành-động của ta đi sâu và tâm hồn trẻ gấp trăm những bài thuyết giáo tràng giang.

Mấy năm trước, tạp-chí *Seslection du Reader's Digest* thỉnh thoảng gom những mẩu chuyện nho nhỏ như chuyện Mạnh mẫu cắt lụa dạy con, trong mục *On peut apprendre aux*

enfants. Tôi xin lựa và dịch ít chuyện dưới đây để bạn suy nghĩ và học thêm được vài cách dạy trẻ rất hiệu nghiệm.

2. Những câu chuyện nho nhỏ về cách dạy trẻ

- *Trò chơi và khổ dịch.*
- *Làm một bảng kê nho nhỏ.*
- *Tình thương nó sinh-sôi nẩy-nở.*
- *Đoàn kết thì mạnh.*
- *Tánh ghen của những đứa lớn.*
- *Ngay thẳng và chính trực.*
- *Trái dưa leo ở trong ve.*
- *Cái thống của bà nội.*
- *Ống tiền.*
- *Kiên tâm.*
- *Cái thú của đêm tối.*
- *Phân nửa tốt.*
- *Một con chó có lợi*

TRÒ CHƠI VÀ KHỔ DỊCH : Hai em tôi đánh nhau hoài, đứa nào cũng giành chơi một cái xe « rờ-mooc » nhỏ. Ba má tôi không có tiền mua thêm một cái xe nữa. Vì vậy, ba tôi một buổi tối nọ, quyết định rằng hai đứa thay phiên nhau chơi mỗi đứa một tuần nhưng buộc hễ đứa nào được chơi xe thì đồng thời làm một khổ dịch là chất củi vào thùng củi ở bếp ; còn đứa nào không chơi xe thì được tùy ý muốn là gì thì làm. Mới đầu hai đứa cho rằng thu-xếp cách đó rất tiện ; nhưng chẳng bao lâu chúng thấy làm một mình đã chán mà chơi một mình cũng chán. Dần-dần chúng đề nghị với nhau, chất củi giúp nhau và chơi chung xe. Từ đó chúng không

đánh nhau nữa và vui vẻ cộng tác với nhau cho tới ngày nay. (L.S. – Số tháng 10 năm 1947)

LÀM MỘT BẢNG KÊ NHO NHỎ : Trời mưa tầm tã, ngồi ru-rú trong nhà luôn mấy ngày, em tôi và tôi gây gổ với nhau, sau cùng lại thưa với má chúng tôi để người xử. Người kiên nhẫn nghe rồi bảo mỗi đứa chúng tôi ngồi ở một góc buồng, trong nửa giờ, quay mặt vào nhau. Rồi mỗi đứa phải tìm hết cái hay, cái tốt của đứa kia và nói. Đứa nào nói dài nhất thì được thưởng. Người ta không thể vừa nghĩ đến những tánh tốt, vừa nghĩ đến những tật xấu của của một người khác được. Hôm đó tôi đã học được một bài vô giá. Suốt đời, tôi không quên. (F.G. – Số tháng 2 năm 1949)

TÌNH THƯƠNG NÓ SINH-SÔI NẨY NỞ : Chú Sébastien, làm vườn cho chúng tôi, đương trồng lại một khu đại hoàng cho thưa hàng. Chú ngước lên, bảo : « Giống đại hoàng lâu lâu phải trông lại cho thưa, nếu không thì lụi lần đi ». Rồi chú hỏi tôi : « Sao, em bé ra sao ? ». Tôi òa lên khóc. Tôi đau đớn ghen với em tôi. Nó mới sanh và hình như chiếm hết tất cả thì giờ và tình thương của ba má tôi. Chú Sébastien vẫn tiếp tục nói, như không có gì xảy ra cả : « Qua chắc ông bà lúc này bận về em nhỏ lắm. Có lẽ bận đến nỗi không có thì giờ cưng em nữa. Nhưng tình thương nó kỳ-cục như giống đại hoàng. Càng san-sẻ, nó càng nẩy nở. Nó như vậy đó. Hồi nhỏ, qua yêu má qua lắm. Rồi qua yêu một cô con gái và cưới cô. Rồi sanh một đứa con. Rồi sanh một đứa nữa. Nhưng không khi nào vì yêu thêm một người mà bớt yêu những người cũ ». Đúng vậy, tình thương giống như đại hoàng. Càng trồng thưa ra càng nẩy nở. Tôi nhìn những cây

đại hoàng trồng lại, xum xuê, và lòng ghen của tôi dịu lại. Tình yêu của má tôi tuy là san-sẻ, mà sinh sôi nẩy nở cũng y như những cây đại hoàng nầy. Từ hôm đó, biết bao lần, tôi sắp tỏ vẻ ghen-ghét chua chát thì những lời của chú Sébastien lại văng vẳng ở bên tai và nhắc tôi có một tấm lòng vui tươi hơn, nhận xét sự vật một cách đúng đắn hơn. (H.W. – Số tháng 10 năm 1947)

ĐOÀN KẾT THÌ MẠNH : Em và tôi thường về trại ruộng của ông bà chúng tôi để chơi trong các vụ nghỉ. Một hôm ông nội chúng tôi dắt chúng tôi đi đào khoai tây. Người buộc hai con ngựa vào một cái cày, để cày ruộng khoai, những củ khoai xới bật lên ở hai bên lưỡi cày, và hai chúng tôi lượm. Nhưng chỉ có mỗi một cái rổ mà đứa nào cũng tranh nhau cầm. Ông nội tôi cày xong luống thứ nhì mà chúng tôi vẫn còn giành nhau rổ. Chẳng nói chẳng rằng, người tháo một con ngựa, cột nó vào sau cày, cho quay đuôi lại con kia. Rồi người quất roi mỗi con kéo về một phía. Chiếc cày nhẩy lên, nhưng vẫn ở nguyên một chỗ, mà hai con vật bắt đầu hoảng, đá hậu. Một phút sau ông tôi mới vỗ về chúng, cột lại con ngựa ở phía sau về chỗ cũ, và bảo chúng tôi : « Các cháu mới hành động như hai con ngựa kéo ngược chiều nhau đó. Nếu cháu nào cũng muốn làm theo ý mình thì không có kết quả gì cả. Phải đồng ý nhau mới làm nên việc chứ ». Rồi người lại tiếp tục cày những luống rất thẳng để làm gương cho chúng tôi. (P. Schertzer – Số tháng 6 năm 1952)

TÁNH GHEN CỦA NHỮNG ĐỨA LỚN : Tôi là con đầu lòng trong một gia đình năm con, và được hưởng một mình tình âu yếm của cha mẹ tôi trong một thời gian khá lâu. Hồi

đó cả nhà săn sóc tôi, tôi là trung tâm một vũ trụ nhỏ. Khi tôi bắt đầu có em thì mọi sự thay đổi. Em tôi được cưng hơn hết. Tôi đau lòng, nổi ghen. Rồi thời gian qua, ba đứa em nữa ra đời, tôi càng bị bỏ rơi. Tôi ủ rũ, hờn dỗi, một hôm cả gan lại phàn nàn với má tôi : « Bây giờ ai cũng thương những đứa khác hơn con ! ». Má tôi bồng tôi lên đùi, rồi nắm tay tôi, kẹp nhè nhẹ hết ngón nầy tới ngón khác, hỏi : « Ngón nào đau hơn ? Con cưng ngón nào hơn, muốn cho má kẹp ngón nào nhẹ hơn ? » – « Con không biết, ngón nào cũng vậy » – « Thấy không cưng ? Con có năm ngón tay, con coi ngón nào cũng như ngón nào, má có năm đứa con, nếu đứa lớn hay đứa nhỏ đau thì má cũng buồn cả chứ ». Sự so-sánh đó làm cho tôi hiểu rằng cha mẹ có thể âu-yếm săn-sóc một đứa con mới sanh mà vẫn thương những đứa khác như cũ. Và từ đó tôi hết ghen. (M. Irénée Basse – Số tháng 6 năm 1952)

NGAY THẲNG VÀ CHÍNH TRỰC : Tại trường tôi học, bà hiệu trưởng thường cất trong tủ của bà những đầu bài thi mà các giáo sư đưa bà coi. Chúng tôi tinh ranh, thường đọc lén những đầu bài đó. Sau các giáo sư nghị ngờ vì bài chúng tôi làm hay quá. Đáng lẽ phạt chúng tôi hay là cất đầu bài kỹ hơn, thì một giáo sư, ông Colomb – nhà văn danh tiếng đã viết cuốn *Famille Fenouillard* và cuốn *Sapaeur Camember* – đã dạy chúng tôi tánh ngay thẳng bằng cách tỏ lòng tin cậy chúng tôi. Ông bảo : « Đây là một bao thư bỏ ngỏ, trong có đầu bài thi Khoa học… Tám bữa nữa mới thi. Từ nay đến ngày thi, các trò truyền bao thư cho nhau để trò nào cũng giữ bao thư được trong vài giờ. Tôi chắc chắn rằng các trò cho sự không ngó đầu bài là một danh dự ». Lần đó là lần

đầu không một trò nào gian dối. (Bà Gerboin – Số tháng 6 năm 1952)

TRÁI DƯA LEO Ở TRONG VE : Hồi tôi mười tuổi, một hôm ba tôi đưa tôi coi một cái ve trong đó có một trái dưa leo lớn hơn miệng ve nhiều. Tôi không hiểu làm cách nào cho trái dưa vào lọt được. Ba tôi không đáp, lẳng-lặng lấy một ve khác rồi dắt tôi ra vườn. tôi trố mắt ngó người cầm một trái dưa nhỏ còn ở trên cành, đút vào miệng ve. Tôi hiểu liền là trái kia đã lớn ở trong ve. Rồi quay lại phía tôi, người bảo : « Nầy con, ở đời ta thường thấy những người có đủ các tật nhỏ và ta tự hỏi sao họ có vẻ sáng-suốt, đàng hoàng mà lại mắc những tật đó. Suy nghĩ kỹ, ba cho rằng họ đã nhiễm những thói xấu ấy từ hồi còn nhỏ, mà không ngờ. Những thói đó nảy nở lâu quá rồi, không có thể diệt được nữa, y như trái dưa leo trong ve vậy ». (C.D. – Số tháng 10 năm 1947)

CÁI THỐNG CỦA BÀ NỘI : Hồi đó ông bà chúng tôi lại ở chung với chúng tôi, và chúng tôi còn nhỏ xíu. Chúng tôi được biết ngay « cái thống của bà nội ». Mỗi khi chúng tôi hỏi : « Cái áo của tôi đâu ? » – « Ai để con búp bê của tôi ở đâu ? », thì bà nội mỉm cười, ngọt ngào đáp : « Cái áo của cháu ư ? Vậy cháu không treo ở mắc áo ư ? » – « Chắc cháu đã cất con búp-bê về chỗ của nó rồi chứ gì ? Không ư ? Thế thì chắc nó ở trong cái thống ! ». Và chúng tôi chạy vào trong kho để rút ở trong cái thống bụi bặm ấy ra khi thì bộ đồ đẹp đẽ của chúng tôi, khi thì sách học, hoặc sách thưởng. Bà nội đã đóng chặt cái thống vào sàn, để chúng tôi không thể lật nằm nó được, mà phải leo vào trong hoặc bám lấy miệng rồi rúc đầu vào lấy đồ ra. Chẳng bao lâu, chúng tôi tập được thói

dùng xong thì cất đồ về chỗ cũ. Ngay bây giờ đây, mỗi lần trong nhà đồ đạc lộn xộn, tôi chỉ cần bảo : « Phải đi mua một cái thống mới được ! » ; là ai nấy đều hiểu ngay tôi muốn nói gì. (M.T. – Số tháng 2 năm 1949)

ỐNG TIỀN : Một anh bạn sinh trong một gia đình tám con. Ông thân của anh phải chi rất dè dặt mới đủ. Khi một người con xin tiền mua một vật gì – một cái vợt ten-nít hoặc một chiếc xuyến – thì ông lấy ra số tiền đủ để mua, nhưng chưa cho ngay, mà bảo : « Ba bỏ số tiền đó vào ống tiền ở trên lò sưởi và con đợi tám ngày nữa hãy lấy ra nhé. Nếu lúc đó con còn thích cái vợt thì cứ việc lấy mà mua. Nếu con đã bớt ham thì lấy số tiền mà bỏ vào kho tiết kiệm ». Ông áp dụng cách đó trong tuổi thiếu niên của các con và số tiền tiết kiệm của các con tăng lên mỗi năm, vì sau một tuần, lòng ham mua thường không còn nữa. Nhờ vậy các người con ông đều hãnh diện về số tiền tiết kiệm của mình mà lại biết quý những vật đã mua. (A.Q. – Số tháng 10 năm 1947)

KIÊN TÂM : Hồi nhỏ, tôi thường hăng hái làm việc lúc đầu rồi thất vọng, bỏ dở. Một ngày hè, trời nắng, ba tôi cầm một cái kính hiển vi và một tờ báo, thí-nghiệm cho tôi coi. Người đưa đi đưa lại cái kính trên tờ báo ; không xảy ra gì cả. Nhưng khi người để yên cái kính ở một chỗ, cho các tia nắng quy tụ vào một điểm thì tờ báo thủng ở điểm đó. Tôi không hiểu ý nghĩa của cuộc thí-nghiệm. Ba tôi giảng rằng trong công việc gì cũng vậy, muốn thành công phải tập trung những gắng sức của ta vào một hoạt động cho tới khi xong việc. Đến khi đúng vào lúc ta sắp bỏ dở công việc thì những gắng sức của ta tự nó đưa tới kết-quả, như lỗ cháy hiện lên ở

trên tờ báo. Từ đó, nhiều lần tôi thất vọng, sắp bỏ dở công việc thì nhớ ngay bài học đó, và kiên tâm theo đuổi tới cùng và đạt được ý muốn. (J.F. – Số tháng 10 năm 1947)

CÁI THÚ CỦA ĐÊM TỐI : Một hôm tôi thú với má tôi rằng tôi sợ đêm tối ; người bảo : « Con không biết rằng đêm tối thú lắm sao ? ». Đêm đó, tôi thấy người ngồi một mình trong phòng, tắt hết cả đèn. Người gọi tôi lại : « Má không bắt con ngồi với má đâu, nhưng nếu con ngồi một chút ở đây, khi nào mắt đã quen với đêm tối, con sẽ nhận thấy được nhiều cái mà ban ngày con không để ý tới ». Tôi ngồi xuống bên cạnh người và người chỉ cho tôi thấy phòng ban đêm có vẻ khác ban ngày ra sao. Những đồ đạc quen thuộc nhất, như cái giường chẳng hạn, đều thay đổi hẳn)… Giường thành một chỗ yên tĩnh để ngủ. Ghế cũng vậy, mất cái vẻ khô khan, cứng ngắc đi. Cái gì cũng tĩnh mịch êm đềm. Tối hôm sau, chúng tôi ngồi gần cửa sổ để nghe tiếng hát du-dương từ nhà thờ đưa lại, và ngắm một cây cao trong vườn mà cành xòe ra như những nan quạt bằng tuyết dưới ánh sáng lạnh lẽo của các vì sao. Từ buổi đó, chúng tôi thường ngồi trong tối như vậy để thưởng cái đẹp tĩnh mịch của ban đêm. Má tôi bảo tôi : « Đừng bao giờ hoảng hốt. Gặp vật gì con sợ thì cứ rán tìm kiếm cái chỗ tốt của nó ». Về sau, có hồi nhà tôi quá lo lắng về tiền nong. Một buổi tối, chúng tôi đã tắt đèn để nghe âm nhạc hoặc chú ý vào một vấn đề khó giải quyết. Lúc đó tôi nhớ lại lời của má tôi. Sau khi lo sợ vô ích, lần nầy vợ chồng tôi quyết định can đảm đương đầu với cuộc thử thách và tìm phần tốt của nó mà lợi dụng. Và thời khó-khăn đó đã kích thích chúng tôi lạ lùng. Chúng tôi đã tìm lại được nhiều

cái vui hồi nhỏ. Tôi đã học được cách thưởng cái thú của đêm tối nó làm tôi sợ. Sau, nhờ vậy chẳng những tôi đủ can đảm đương đầu với những khó khăn trong đời, mà còn thấy vui trong cuộc thử thách nữa. (R.S. – Số tháng 2 năm 1949)

PHÂN NỬA TỐT : Hồi đó tôi mới mười tuổi mà đã thấy chán đời. Một hôm tôi dạo chơi không mục-đích thì gặp bà giáo dạy Anh-văn của tôi. Bà đương làm vườn, thấy tôi, tiến lại phía hàng rào, rồi đứng ở trong nói với ra. Bà hỏi tôi sao ít lâu nay có vẻ chán nản như vậy. Tôi thú với bà rằng tôi mới thất vọng nặng nề và không ham sống nữa. Bà chăm chú ngó tôi rồi bảo tôi theo bà vô bếp. Bà rót nước vào cái chén, đưa cho tôi, rồi hỏi : « Chén nầy đầy một nửa hay vơi một nửa ? ». Tôi suy nghĩ rồi đáp : « Cả hai » – « Phải ». Mà đời chúng ta thì cũng vậy. Cái chén của đời không khi nào hoàn toàn đầy, mà cũng không khi nào hoàn toàn vơi. Ai cũng được hưởng cái phần có cả vui lẫn khổ của mình. Và mọi sự đều tùy cách ta xét cái phần của chúng ta : kẻ thì rên rỉ vì chén của mình vơi một nửa, kẻ lại vui thích vì chén đầy tới một nửa. Ngay bây giờ, mỗi khi sắp than-vãn về cái số kiếp, tôi lại nhớ lời ngụ ngôn thâm-thúy đó để nhận thấy được mặt tốt của đời mà quên mặt xấu đi. (C.M. – Số tháng 2 năm 1949)

MỘT CON CHÓ CÓ LỢI : Thầy giáo ra bài về nhà làm : tôi phải vẽ một cái thang. Vừa vẽ xong thì một vết mực lớn làm dơ đúng giữa bức vẽ. Trễ quá rồi, không vẽ lại được nữa. Tôi thất vọng, khóc. Ba tôi thấy vậy, ngọt ngào bảo : « Có gì mà phải khóc. Vết mực đó y như một đốm đen trên lưng một con chó. Sao con không vẽ thêm ở chung quanh cho thành

con chó ? Nhiều khi chỉ cần chút bình-tĩnh và tưởng tượng là đủ làm cho cái rủi nhất hóa ra lợi. Con nên nhớ rằng nhiều cái mới đầu tưởng không sao sửa được mà rồi cũng cải thiện được ». Tôi nghe lời, vẽ một con chó ở chung quanh vết mực. Hôm sau, bài tôi được chấm nhất. Ông giáo bảo : « Các trò thấy không, hễ có chút tưởng tượng thì kết quả như vậy. Con chó nhỏ đó đã làm cho bức vẽ tài tình nầy thêm linh-động ». Ngày nay mỗi khi gặp rủi mà sắp chán nản, tôi nhớ lại con chó đó và tưởng như lời ba tôi còn văng-vẳng bên tai : « Nhiều khi, chỉ cần chút bình-tĩnh và tưởng tượng là đủ làm cho cái rủi nhất hóa ra lợi ».

*

Những chuyện nho nhỏ, thâm-thúy, lý thú đó không phải là hiếm. Nếu ta chịu nhận xét chung quanh rồi ghi chép lại thì trong mươi năm có thể viết được một cuốn sách bổ ích biết bao cho các nhà giáo-dục.

CHƯƠNG XI : DẠY CHA MẸ TRƯỚC HẾT

1. Muốn dạy con, ta phải tự huấn luyện trong bốn thời kỳ trước khi trẻ ra đời

Nhà nho rất chú trọng đến gia đình giáo-dục, thường khuyên người mẹ phải « thai giáo », nghĩa là phải dạy con từ khi chúng còn là cái thai. Tất nhiên đó chỉ là một cách bảo các bà mẹ phải giữ gìn ngôn-ngữ, cử chỉ từ khi có thai, chẳng hạn : đi đứng phải đoan trang, nói năng phải lễ phép, không được nổi giận, không được bê tha… để gây ảnh hưởng tốt cho cái thai, và như vậy cũng như dạy trẻ từ khi chúng còn ở trong bụng.

Quan niệm đó rất đúng vì tính-tình, hành-động của người mẹ quả có ảnh hưởng đến sinh-lý của thai. Khi người mẹ sợ-sệt, giận-dữ, khí-huyết có thay đổi và cái thai sống nhờ khí huyết, tất chịu hậu quả tới một mực nào đó.

Hơn nữa, tâm-lý của cha mẹ khi người mẹ có thai cũng ảnh hưởng tới tinh thần của trẻ. Cặp vợ chồng nào vì thương nhau mà muốn có con, cùng nhau dự tính trước sẽ tận tâm nuôi nấng, dạy dỗ cho con ngày sau hơn mình, thì thường thường sanh được những trẻ thông-minh, ngoan-ngoãn. Trái lại những đứa mà cha mẹ không muốn cho ra đời, mà người mẹ thụ thai một cách bất đắc dĩ sau những cơn rượu chè be-bét của người chồng, thì thân thể ít khi khỏe mạnh mà tinh thần cũng khó được bình thường.

Nhưng thai giáo cũng chưa đủ. Cả chồng lẫn vợ còn phải tự huấn luyện ba thời kỳ trước người vợ có thai nữa.

Thời kỳ thứ nhất là thời kỳ còn thanh niên ; nam và nữ phải luyện tư cách và nhất là đức tự chủ để dự bị lãnh nhiệm-vụ làm cha làm mẹ sau nầy.

Thời kỳ thứ nhì là thời kỳ lựa bạn trăm năm. Tôi sẽ có dịp bàn kỹ vấn đề nầy trong một cuốn viết riêng cho thanh niên [19] ; ở đây tôi chỉ xin nhắc rằng muốn lập gia đình, thanh niên không cần phải lựa một người hòa-hợp với mình về mọi phương diện vì lẽ không khi nào gặp được một người như vậy ; tới hai anh em sinh đôi còn nhiều khi khác nhau huống hồ là hai người ở trong hai gia đình, có khi hai xứ khác nhau. Điều quan trọng nhất là phải tìm một có óc hiểu biết, không cố chấp, và can đảm biết lãnh trách-nhiệm, lại cùng nhắm một mục-đích với mình. Một người như vậy thì trong hoàn cảnh nào cũng là nguồn hạnh-phúc hoặc an-ủi cho thân nhân.

Thời kỳ thứ ba là thời kỳ sống chung. Trong bài tựa cuốn *Giúp chồng thành công* tôi đã nói hạnh-phúc trong hôn nhân không phải là một vật trên trời rớt xuống. Nó là kết quả của sự gắng sức trong hàng chục năm của cả hai bên. Vợ và chồng đều phải *lần-lần* tạo hạnh-phúc lẫn cho nhau, phải biết hy sinh một phần hạnh phúc riêng của mình để xây dựng hạnh phúc chung. Phải biết nhau, hiểu nhau rồi mới tìm cách hòa hợp với nhau được ; tới lúc đó mới thật là yêu nhau. Sự hòa-hợp đó tốn rất nhiều công phu, và nhiều gia đình tan rã chính vì không hiểu luật ấy, hoặc hiểu mà không đủ kiên nhẫn thực hành.

Gây được hạnh phúc trong gia đình tức là đã thực hiện

được bước đầu trong sự dạy con, vì trẻ chỉ phát triển điều hòa trong không khí âu yếm và vui vẻ. Alain nói : « Hạnh phúc là một đức ». André Berge nói : « Hạnh-phúc là một bổn phận ». Hai lời đó đều chí lý.

2. Cha mẹ phải đoàn kết. Trường hợp cha mẹ ly dị nhau

Chưa thể hòa hợp với nhau về mọi phương diện thì ít nhất vợ chồng cũng phải đoàn kết với nhau trong sự dạy con, thỏa thuận với nhau về quy tắc giáo dục. Suy nghĩ kỹ, bàn tính với nhau đi rồi hãy áp dụng, và nếu người nào có lầm lỗi thì phải nhận lỗi để cải thiện. Đừng có trống đánh xuôi, kèn thổi ngược, cha thì bảo : « Chín giờ rồi, Bé đi ngủ đi ! » ; mẹ thì bảo : « Đi ngủ gì sớm vậy ? Để nó ngồi chơi một chút nữa mà ! » ; cha thì cấm trẻ ăn quà, mà mẹ thì dúi cho nó tiền mua bánh ; tệ hơn nữa, cha mới bắt trẻ nằm xuống để hỏi tội thì mẹ chạy lại giật cái roi, bồng đứa nhỏ lên bảo : « Phải con ông đâu, mà ông xót lòng ! Nó hư thì mặc nó với tôi ». Trong tình trạng như vậy, đứa trẻ một là bị lôi kéo giữa hai sức tương phản mà hóa sợ sệt không biết đâu để tránh ; hai là ranh mãnh đứng vào một phe nào đó để lợi dụng tình thế mà hóa hư hỏng, mất dạy.

Đứng về phương diện hạnh phúc của trẻ thì sự ly dị giữa cha mẹ rất nên tránh, vì không có họa nào lớn hơn trừ cái họa mồ côi cả cha lẫn mẹ.

Tuy nhiên có những trường-hợp mà sự tiếp tục gượng gạo sống chung chẳng có lợi gì cho cả vợ chồng lẫn con cái, thì ly-dị là một giải-pháp nên nhận. Thà cưa một cánh tay còn hơn để cho chứng hoại thư lan qua khắp cả cơ thể. Tất nhiên,

trong trường-hợp đó, phải nghĩ đến con cái mà giảm tai họa cho chúng. Hai bên phải thẳng thắn kể tình-trạng cho con cái hiểu, đừng đổ lỗi cho nhau, và nếu trẻ đã lớn, thì cùng với trẻ tìm cách nào cho trẻ giữ được cảm tình với cả hai bên. Không có chính sách nào tai hại, khả-ố bằng kéo trẻ về phe mình, và xúi chúng thù ghét phe kia.

Sau khi ly-dị, phải để cho trẻ đi lại cả hai bên. Trước mặt chúng phải tỏ ra vui-vẻ, đừng bắt chúng nghe những lời than thở, trách móc, mà cũng đừng nghi ngờ bên kia chuộc lòng nó bằng cách nầy hay cách khác để chống với mình. Bà Anna W.M. Wolf bảo rất ít cặp vợ chồng ly-dị giữ đúng được như vây vì họ thường ganh ghét nhau, và bà khuyên những gia đình đó, vì hạnh phúc của trẻ, tìm những nhà cố-vấn chuyên môn về tâm lý gia đình để nhờ giải quyết giùm khi khó xử. Bên mình không có những nhà cố-vấn đó, thì có thể hỏi ý kiến những cô bác có kinh-nghiệm, sáng-suốt mà ta biết là không tự vị, không vào phe ai.

3. Trẻ hư là tại cha mẹ

Phải đoàn-kết, lại phải sáng-suốt, hiểu những luật sinh lý, tâm lý của trẻ. Như tôi đã chỉ rõ trong các chương trên. Nghệ thuật làm cha mẹ cực kỳ là khó, mà môn gia đình giáo dục, học hoài cũng không hết, đọc bao nhiêu sách cũng không đủ. Ta phải rất thận trọng vì nhiều khi chính ta không hiểu ta mà đã hại trẻ.

Dưới đây tôi mượn ít thí dụ của bác-sĩ Beverly trong cuốn *Pour comprendre nos enfants mettons-nous à leur place* để bạn thấy những cảnh thương tâm mà rán tránh cho con cái

chúng ta.

Một người cha thông minh, tự biết thái độ của mình là vô lý đối với đứa con gái bốn tuổi, mà không sao sửa được, lại hỏi ý kiến một nhà phân tâm học, thú thực : « Thưa ông, tôi tưởng tôi hóa điên mất. Vợ chồng tôi muốn có một đứa con, thì nhà tôi sanh được một đứa y như chúng tôi muốn. Từ nét mặt tới hình dáng, màu tóc đều đúng với sở nguyện của tôi. Nó không có một tật nào cả, tôi cưng nó lắm ; nhưng không hiểu sao thỉnh-thoảng tôi muốn nghiến răng, nắm tay lại đập cho nó chết đi ».

Nhà phân-tâm học chăm chú dò xét tiềm-thức của người đó và tìm được nguyên nhân : đứa nhỏ đó có vài nét giống bà ngoại nó, khi nó đứng hoặc nó bĩu môi. Mà cha nó khinh mẹ vợ nhất đời. Tình trạng đó tai hại cho đứa trẻ biết bao, nếu không kiếm ngay được nguyên nhân để cải thiện.

Một đứa nhỏ khác, ba tuổi, nói lắp từ ba tuần, mà gia đình nó mới dọn qua nhà mới được sáu tuần. Bác sĩ hỏi bà mẹ đứa bé : « Sau khi dọn qua nhà mới, trong gia đình bà có xảy ra chuyện gì không ? ». Bà ta đáp : « Không có chuyện gì cả. Tôi thấy rằng từ nay tôi mới được dạy con tôi một cách đàng hoàng ». Rồi bà mẹ phàn nàn về đứa nhỏ. Bà ghét tánh hay lý sự và vô lễ của nó mà hai tánh đó chính là tật xấu của ông chồng. Bà bảo : « Nhà tôi sanh ở trong một gia đình đông con mà không hòa-thuận. Từ cha mẹ đến con cái, hễ ngồi với nhau hai phút thì là gây sự. Tôi không chịu được cái thói đó ». Bà trách ông chồng vô lễ với mẹ, kể với bác sĩ : « Ông thử tưởng tượng mới rồi đây, chúng tôi lại thăm bà nội bầy nhỏ. Bà đương ngồi trong một cái ghế bành, thấy chúng

tôi tới, đứng dậy nhường chỗ cho nhà tôi ; mà nhà tôi không do dự chút nào, ngồi xuống liền ». Vừa kể bà ta vừa tỏ vẻ khinh bỉ.

Vì thấy cảnh đó trong gia đình bên chồng, bà quyết tâm dạy con cho « đàng hoàng ». Tới bữa cơm, bà gọi con : « Lại ăn cơm con, mau ». Đứa nhỏ đáp : « Má để con thu xếp đồ chơi đã ». Bà lại giục : « Lại đi ». Nó lại đáp : « Thì má để con dọn dẹp đồ chơi đã mà ». Thế là bảo nó dám cãi lại bà. Bà bắt nó phải « cảm ơn má » hoặc « xin lỗi má » nếu nó quên thì bà mắng là vô lễ. Lần-lần đứa trẻ hóa ngượng-ngùng, sợ sệt và nói lắp. Bác-sĩ giảng cho bà hiểu rằng bà nghiêm khắc quá, trẻ như vậy là bình thường, chứ không phải vô lễ ; bà thay đổi thái độ và tật nói lắp của đứa nhỏ mất hẳn.

Một đứa nhỏ khác, mười một tuổi, lười biếng, ăn cắp, bỏ nhà đi chơi hoài, làm cho cha mẹ, thầy dạy và nhân viên Cảnh-sát phải chán nản. Nó có ba đứa em. Bác sĩ hỏi người cha : « Ba đứa kia ra sao ? » – « Ngoan lắm » – « Còn nó, nó sinh tật từ hồi nào ? » – « Từ trước tới giờ nó vẫn vậy ».

Bác sĩ không tin. Ông đã kinh-nghiệm : cha mẹ ít khi để ý đến sự thay đổi của con. Ông dò xét, sau cùng kiếm ra được nguyên nhân. Hồi đứa nhỏ mới được vài tháng, bà ngoại nó lại chơi. Một hôm bà cụ la lên, bảo con gái : « Con coi thằng nhỏ nầy giống ai ? ». Người mẹ nhìn kỹ, không nhận ra được. Bà cụ bảo : « Nó giống cậu Jean như đúc, con không thấy ư ? ». Bị ám thị, người mẹ cũng nhận rằng nó giống ông cậu Jean, mà ông nầy đương nằm trong khám.

Bác-sĩ lại gạn hỏi người cha. Người cha bảo hồi nó ba bốn tuổi, có lần nó ở nhà bạn nó về, ôm theo nhiều đồ chơi ăn cắp của bạn : « Tôi có để nó thiếu thốn cái gì đâu, lần đó tôi giận lắm, đánh nó một trận nên thân ». Thế là cả nhà đều tin rằng thằng nhỏ có tật ăn cắp của ông cậu Jean, nó di truyền bên ngoại, sau nầy tất ngồi tù. Và để cho nó khỏi ngồi tù, người ta trừng trị nó như trừng trị một tội nhân, kết quả là đã làm cho nó thành hư hỏng. Tội nghiệp cho nó.

Lạ lùng nhất là câu chuyện dưới đây. Lạ lùng nhất mà cũng thương tâm nhất. Một em gái bảy tuổi có đủ các tật : đái dầm, bướng bỉnh, nóng nảy và khi nổi giận lên thì gặp cái gì đập phá cái đó, vặn cổ búp-bê, liệng cả ve dầu thơm của mẹ ra cửa sổ. Chưa thấy đứa con nào dữ như vậy. Má nó bảo : « Nó cũng là con tôi, mà không thể nào tôi thương nó được như những đứa khác ». Bác sĩ không hỏi về đứa nhỏ nữa mà hỏi về tuổi thơ của bà mẹ. Bà đau đớn kể lể rằng hồi nhỏ bà cũng bị ghét bỏ, sống tủi nhục, cực khổ và khi đứa nhỏ đó mới sanh, không hiểu sao bà thấy nó khả ố liền. Bác sĩ mời bà ngoại đứa nhỏ tới hỏi chuyện, Bà cũng kể lể rằng hồi nhỏ bị cha mẹ xử bất công, đánh đập tàn nhẫn, và khi bà sanh con gái, tức mẹ đứa nhỏ, thì không hiểu tại sao bà cũng có ác cảm liền với con. Thực là oan trái truyền kiếp ! Truyền tới ba đời ; có lẽ còn hơn nữa, mà ta không biết đấy. Ta bắt con ta phải chịu lây những bất công ta đã chịu hồi nhỏ. Mà hành động vô lý đó do tiềm thức thúc đẩy, nên ta không ngờ rằng mình có tội.

Một em trai bảy tuổi còn ỉa đùn. Nó thông minh trung bình, không có bệnh gì cả. Nó ở dơ trong ba thời kỳ, mỗi thời

kỳ dài hằng tháng. Khi người ta đưa nó tới bác sĩ thì nó đương ở trong thời kỳ thứ ba, đã kéo dài đến chín tháng. Nó là con thứ ba trong nhà. Đứa lớn là con trai, đứa thứ nhì là con gái chết hồi chín tháng. Bà mẹ chỉ thích con gái, sanh đứa đầu lòng đã hơi thất vọng ; khi đứa con gái chết, bà rất buồn, mong sanh đứa con gái khác, thì lần thứ ba, lại là đứa con trai. Bà bảo : « Con trai ở dơ, tôi ghét lắm ; sanh xong, biết nó là con trai, tôi không buồn nhìn nó nữa ». Nhưng rồi cũng phải nuôi, không lẽ đem cho. Bà nghĩ ra một kế ; bắt nó để tóc như con gái, bận áo con gái, mà nó bé nhỏ, cũng hơi giống con gái. Bà tập cho nó ở sạch rất sớm, và hồi chín tháng bà đã vui vẻ khoe rằng nó rất sạch. Nhưng khi nó mười tám tháng, như mọi đứa trẻ bình thường khác, nó ham lê la trong đất cát. Bà giận dữ cấm đoán, đánh đập, và từ đó nó sinh tật ỉa đùn. Bác sĩ dò xét, hiểu tâm lý nó, cho nó biểu lộ tất cả những phẫn uất của nó ra, thì tật ở dơ của nó giảm đi liền.

Đáng thương thay tình cảnh những đứa nhỏ lỡ sanh ra đời khi cha mẹ chúng không muốn. Chúng tội tình gì mà chịu đọa đầy khổ nhục như quân thù vậy ?

KẾT

Chúng ta đã xét mục-đích của giáo-dục là hướng dẫn trẻ, dự bị cho chúng vào đời và thành một người sung-sướng cho chính mình và cho đồng loại. Nhiều triết-gia bi quan bảo hạnh phúc chỉ là ảo-ảnh. Nếu tin hẳn họ thì ta chỉ cầu sao cho thiên hạ chế tạo thật nhiều bom khinh khí là giải-quyết được mọi vấn đề trong nháy mắt. Không ! Hạnh phúc là một sự thực. Chỉ khi nào ta vui-vẻ, sung-sướng, ta mới giúp ích được cho đời ; cho nên hạnh-phúc là lẽ sống, một lẽ sống cao cả. Gây hạnh-phúc cho trẻ, là gây hạnh-phúc trường-cửu cho nhân loại, vì trẻ hồi nhỏ có sung-sướng, thì lớn lên mới sung sướng, mới làm cho kẻ khác sung sướng, cho thế-hệ sau sung sướng.

Chúng ta đã xét vấn đề kỷ-luật, vấn đề căn bản trong giáo dục, và chúng ta đã nhận rằng muốn cho kỷ-luật được trẻ vui-vẻ tôn-trọng thì ta phải tuân theo những luật sinh-lý cùng tâm-lý, phải tùy theo cá tính của trẻ và phải giải phóng chúng lần-lần để khi thành người, chúng có thể tự chủ, tự lãnh trách nhiệm trong xã-hội. Người xưa nói thân ta không phải là của ta, mà là của tổ-quốc, của xã-hội. Phải. Nhưng thân của trẻ cũng không phải là của ta, mà là của tổ quốc, của xã-hội, và thứ nhất nó là của nó đã, vì ta có trọng cá-tính của nó, không coi nó như vật sở hữu của ta, thì nó mới phát-triển điều-hòa, mới sung-sướng mà sau nầy mới giúp ích được cho tổ-quốc và xã hội. Không phải là ta sanh ra nó, có công nuôi nấng nó mà có quyền uốn nắn nó, nhồi nặn nó theo ý muốn của ta ; ta phải theo ý muốn của thiên-nhiên.

Trong nhiều trường-hợp ta có thể nói trẻ muốn là trời muốn, vì trong sự phát-triển về thể chất cũng như về tinh-thần trẻ chỉ biết theo luật thiên-nhiên, mà hễ ta làm trái luật đó thì có hại cho cả trẻ lẫn cho ta.

Sau cùng chúng ta đã xét những tật thường phát-hiện nhất trong tuổi thơ và đã thấy khi trẻ dưới sáu tuổi thì hầu hết những cái mà ta gọi là tật đó, không phải là tật, chỉ là những trạng thái bình thường của những sinh vật đương phát triển. Chẳng hạn một em bé bốn tuổi nói dối, ăn cắp, là tại em chưa có ý-niệm như chúng ta về cái chân về quyền sở hữu, hoặc tại em chưa biết có cách nào khác để tự bảo-vệ, tự thỏa-mãn những thị dục mạnh-mẽ của mình. Vậy quả như lời một nhà phân tâm-học đã nói, trẻ có tật là trẻ bình-thường, và chính những trẻ không có tật nào hết, ngoan như cục bột, sạch như con búp-bê, mới đáng cho ta lo.

Mỗi khi ta thấy trẻ có một tật nào, ta phải tự đặt mình vào địa vị của chúng để hiểu chúng : óc của chúng chưa phải như óc của chúng ta, vũ trụ trong con mắt chúng không phải là vũ trụ trong mắt chúng ta, nhất là những luật-lệ xã-hội chúng ta đặt ra, đối với chúng chưa có ý nghĩa gì cả. Khó thật ! Làm sao mà hiểu chúng được ? Phải nhận-xét, suy nghĩ, đọc rất nhiều sách về tâm-lý của trẻ.

Khoa tâm-lý là môn học phát hiện trễ nhất, và tấn triển chậm nhất vì ta không thể thí-nghiệm về người dễ dàng như thí-nghiệm về thỏi đồng, phiến đá. Các nhà bác-học còn đương tìm tòi và về tâm-lý trẻ em, phát-minh chưa được bao nhiêu nhưng hết thảy đều nhận rằng cách dạy trẻ có hiệu quả hơn cả là trẻ làm sao thì ta phải nhận nó làm vậy, và

phải thích nghi với chúng mà đừng bắt chúng thích nghi với ta. Đó là phương-pháp giáo-dục thuận phát. Chính bà Anna W.M. Wolf và bác-sĩ Benjamin Spock đã bảo : Đừng nghe lời sách hoặc nghe lời bác-sĩ, cứ theo ý muốn của trẻ : Chúng muốn bú thì cho bú, muốn ngủ thì cho ngủ, muốn lê-la dưới đất thì cho lê-la, và tới một tuổi nào đó, chúng muốn nói tục thì cũng để cho nó nói xong rồi, sẽ nhẹ nhàng bảo : « Lần sau con có muốn nói những tiếng đó thì vào trong phòng riêng mà nói một mình, chứ ba má không thích nghe đâu ». Trẻ dưới sáu tuổi thì ta chỉ có quyền chỉ cho chúng cái nào là nên, cái nào không nên, để chúng lần-lần có ý niệm rõ-rệt về cái phải, cái quấy, rồi một khi chúng hiểu rõ như chúng ta rồi mới nên trừng trị.

Bạn bảo nếu vậy thì các chị nhà quê, không học thức nuôi con lại đúng phương-pháp thuận phát tối tân rồi còn gì nữa ! Tiến ở đâu ? Hay là lùi đấy ?

Thưa chính vậy. Nếu các chị nhà quê đó thuận theo ý muốn của trẻ mà yêu chúng, không suốt ngày sa-sả rầy chúng hoặc giảng luân lý tràng giang đại hải như chúng ta, thì đã áp dụng phương-pháp thuận phát mà không hay đấy. Tuy-nhiên, phương-pháp đó là một bước tiến, chứ không phải lùi đâu ; vì những điều mà giới bình dân thực hành theo bản năng hoặc theo tánh làm biếng thì ta, ta thực-hành một cách sáng-suốt hơn, có ý-thức hơn, có quy-tắc hơn. Ta hiểu tại sao phải hành-động như vậy, họ thì không ; ta biết trẻ tới tuổi nào phát triển ra sao, và phải sửa đổi cách cư-xử với trẻ ra sao, họ thì có biết chăng cũng chỉ lờ-mờ. Họ đứng một chỗ, ta thì mỗi ngày có thể cải-thiện phương-pháp của ta

được. Tiến là ở đấy.

Tôi không nhớ nhà văn nào đã viết một cuốn nhan đề là *Le Métier d'homme* (Nghề làm người). Một đầu đề lý thú ! Tôi chưa được đọc nên không rõ tác giả đã quan-niệm cái nghề làm người ra sao. Theo tôi thì nghề làm người trước hết là nghề dạy con. Dù ta làm thư-ký hay bác-sĩ, làm chính khách hay thợ rèn thì ta cũng có con và phải dạy con ; và nếu ta không có thì giờ dạy con thì ít nhất cũng nhận nó có nhiệm-vụ dạy con. Mà cái nghề dạy con đó là cái nghề suốt đời, không như mọi nghề kiếm ăn, có thể làm trong ít năm rồi bỏ, nhảy qua nghề khác. Vậy nếu tôi nói chúng ta đi học để sau dạy con, thì cũng không sai sự thực. Được cha mẹ nuôi nấng dạy dỗ hai ba chục năm, mà chỉ để kiếm tiền hoặc một cái danh, dù hư dù thực, thì chẳng là uổng công lắm sao ? Còn phải làm cái gì cho hậu thế nữa chứ ; mà việc ích lợi thứ nhất, ai cũng có thể làm được là truyền kinh-nghiệm của ta cho trẻ, dìu dắt trẻ nên người để, thế-hệ sau tiếp thế-hệ trước, nhân loại tiến lần lần lên được. Tóm lại, chúng ta được dạy-dỗ để dạy-dỗ con em, đó mới thực là vòng luân-chuyển của nhân loại. Lâm Ngữ Đường, một học-giả Trung Hoa, nói : « Một nền văn minh cao đẹp là một nền văn minh tạo được những người cha, người mẹ, người vợ, người chồng và người con tốt. Đó mới là mục đích chính của văn-minh, của nhân loại ».

Nhưng cái nghề dạy con đó, cái nghề làm người đó, than ôi ! ở nước Việt-Nam ta chưa có trường chuyên môn nào dạy cả mà ngay ở Âu Mỹ cũng chưa có trường chuyên môn nào có chương trình có kỹ-luật đàng hoàng, như các trường dạy

nghề khác, chẳng hạn nghề bán hàng, nghề đánh máy. Cho nên hết thảy chúng ta vừa phải tập sự vừa phải học thêm, và đều là những thợ vụng, vụng một cách tai hại ! Nghĩ lại những lỗi lầm của ta hồi trước, và có lẽ mới hôm qua, hôm kia đây làm sao cho khỏi áy-náy được, thưa bạn ?

PHỤ LỤC : VẤN ĐỀ ĐÁNH TRẺ

Mươi năm trước, có lần tôi được gặp một nữ giáo viên rất lưu tâm tới Tân Giáo Dục, đã du học Âu-Mỹ về. Cô hoạt bát, hiếu khách, nên câu chuyện kéo dài khá lâu. Tôi để ý nhận xét thì thấy cô chưa có kinh nghiệm gì riêng cả, toàn là lặp lại ý kiến của người. Tôi đã lễ phép ba lần xin cáo từ, chủ nhân đã đưa tôi ra tới cổng mà câu chuyện cũng vẫn thao thao chưa dứt. Đột nhiên ở bên hàng xóm có tiếng đàn ông quát tháo, rồi có tiếng roi quất, có tiếng trẻ khóc. Nữ giáo viên nọ mặt đương tươi bỗng sầm lại. Cô bỏ dở câu chuyện mà thốt ra câu này tới nay tôi vẫn còn nhớ : « Đồ dã man ! Con nít chứ phải là thú vật đâu mà đánh nó ! ». Cặp môi son của cô tru ra khi cô dằn vào tiếng *thú*, cặp lông mày kẻ chì của cô cau lại, tôi thấy sao mà dữ thế. Bao nhiêu cái duyên của cô biến đi đâu mất hết, và tôi chỉ còn thấy trên mặt cô toàn những nanh cùng mỏ.

Tôi hơi ngượng – tại sao lại ngượng, tôi cũng không hiểu nữa, cảm giác tôi lúc đó thật khó tả – tôi hơi bực mình, muốn đáp lại cô một câu, đại ý : « Bên Tây bên Mỹ ra sao tôi không biết, chứ trong xã-hội Việt-Nam này, cha mẹ nào mà không có lần đánh con ? Ngay như chúng mình đây, hồi nhỏ ai mà khỏi bị đòn ? Không lẽ tất cả những cha mẹ đó đều là dã man, đều coi con như loài thú vật ». Tôi đã định đáp như vậy nhưng sợ phải nghe cô thuyết hằng giờ nữa, tôi đành làm thinh và nhân lúc cô còn hầm hầm ngó qua nhà hàng xóm, tới cúi đầu chào rồi dông.

Về giáo dục, chắc chắn cô ấy học nhiều hơn tôi, nhưng dù cô ấy có dẫn lời của tất cả các nhà Tân giáo dục Âu Mỹ, từ Pestalozzi tới Dewey, Montessori, Decroly, vân vân… để triệt để cấm đoán sự đánh trẻ, bất kỳ trong hình thức nào, để mạt sát tất cả những người đánh trẻ, bất kỳ trong trường hợp nào, thì tôi vẫn không tin rằng chủ trương của cô ấy đúng.

*

Tôi xin thưa ngay rằng nói vậy không phải là tôi bênh vực chính sách roi vọt và khuyên các bậc phụ huynh phải dữ đòn thì trẻ mới ngoan. Hồi nhỏ tôi đã học một trường có mười lớp mà tới bốn ông giáo dữ đòn, có ông dùng dùi trống, có ông dùng thước kẻ bảng dài hai thước, rộng một tấc và dày hai phân để « trị » học sinh và học sinh chúng tôi sợ một phép, nên các ông ấy rất ít khi phải « trị ». Tôi đã có lần thấy một anh bạn học hiền lành, chỉ vì lỡ lời, thốt ra một tiếng mà chính anh ta không ngờ rằng không được nhã, tiếng « búi tó » (tức búi tóc) mà bị một cụ Cử cựu học bạt tai đến nỗi chảy máu mũi và lần ấy tôi đã bất bình, bớt lòng kính trọng nhà Nho đó. Và trong mười mấy năm tôi chỉ đánh con tôi có ba bốn lần, hai lần qua cơn giận rồi, tôi hối hận đến rớt nước mắt ; trong năm sáu năm tôi chỉ cú đầu đứa cháu tôi có một lần, lần nó cao hứng đi chơi không cho nhà hay, làm cho cả nhà nhốn nháo lên đi tìm nó tại khắp các ty Cảnh-sát Đô-thành, mười một giờ khuya mới gặp được nó ở nhà một người bà con.

Không, tôi không muốn đánh trẻ. Mà có ai muốn đánh trẻ không nhỉ ? Nhưng bảo đánh trẻ là dã man, là coi trẻ như loài thú, thì nhất định là tôi phản đối. Lời đó sai. Ba tôi thường

đánh tôi hồi nhỏ, lúc đó có lẽ tôi cũng có lần oán người thật, nhưng bây giờ tôi mừng rằng đã được sinh trong một gia đình nghiêm khắc, và tôi biết chắc rằng người không coi tôi như một con thú, trái lại là khác. Mà giả sử khi tôi dưới năm tuổi, người có cho tôi là một con thú thì cũng là có lý.

Tôi nhớ lại Anatole France đã tả đứa con gái của ông tên là Suzanne phùng mang trợn mắt lên, khi cào mặt đĩa để bắt con gà vẽ trên đó mà không được. Lúc đó ông thấy nó gần như một con thú. Tôi nhớ lại những con cháu của tôi, đứa nào hồi hai ba tuổi, đòi một cái gì mà không được thì cũng ngồi bệt xuống đất, có khi nằm lăn ra, dẫy dụa, la hét. Không biết loài cọp con có dữ như vậy không, chứ những con mèo con, con chó con, con bê, con nghé hiền hơn chúng nhiều. Mà lớn lên con người nhiều khi có hơn gì loài thú đâu. Năm trước đây, hai tên lính, coi cọp báo không được, về nhà xách lựu đạn lại trả thù người bán báo, làm mấy người chết, hai chục người bị thương. Rồi người ta còn kể chuyện những kẻ chiên xào gan của nhau để ăn nữa chứ ! Cọp, sư tử, có loài nào tàn nhẫn với đồng loại như thế đâu. Vậy thì sao lại tự phụ rằng người không phải là thú vật ? Đành rằng chúng ta hơn thú vật ở nhiều điểm : Có hai tay, có ngôn ngữ, biết suy nghĩ… nhưng chúng ta cũng phải nhìn nhận rằng con người, không phải là thiên thần mà vẫn còn giữ nhiều thú tính.

Một ông bạn tôi có một đứa con gái mười một mười hai tuổi. Bà vợ có tánh hay nói, hay rầy con. Một lần nó tức bực quá, thốt lên một câu : « Má ác ôn, má chết đi ! ». Không khí trong phòng bỗng lạnh ngắt. Ông bạn tôi lặng lẽ, tiến lại bạt tai cho nó một cái nên thân. Nó biết lỗi, thui thủi vào bếp và

cả hôm đó nó không dám nhìn mặt ba má nó nữa.

Một ông bác tôi được mọi người trong họ gọi là Phật Sống. Cụ hiền tới nỗi hồi còn nhỏ anh em chúng tôi tinh nghịch có lần cầm một que đóm, châm lửa lén đốt chân cụ xem phản ứng của cụ ra sao. Cụ hốt hoảng rụt chân vào, nhìn thấy chúng tôi, nhưng chỉ : « Hừ ! Nghịch nào ! », rồi lại điềm nhiên như thường. Vậy mà có lần cụ đã vác gậy đuổi đánh người con trai của cụ chỉ vì cậu Tú (cổ học) đó đã tàn nhẫn với người vợ đương có mang. Một tuần lễ sau cậu Tú mới dám trở về nhà xin lỗi cha.

Trong hai câu chuyện đó thì người cha đánh con là dã man, hay người con là thú vật ? Riêng tôi, tôi thấy cơn thịnh nộ của ông bác tôi lần đó rất đẹp.

Con người không thể không sống chung với nhau được, mà sống chung là có sự câu thúc, không thể phóng túng được. Dù văn minh tới mấy, có giáo dục tới mấy mà chưa tới được cái trình độ minh triết của Khổng Tử, Lão Tử, Thích Ca, Ki Tô… thì ai cũng có những lúc gắt gỏng bất công hoặc hung dữ mà cha mẹ hóa ra khe khắt với con cái, con cái hóa ra vô lễ với cha mẹ. Tới một mức nào đó cha mẹ có thể bỏ qua cho con được ; quá cái mức đó thì phải trừng trị, mà trong lúc giận dữ có đi quá cái lẽ phải cũng là chuyện thường. Còn con cái thì phải nhịn cha mẹ, nếu quá một mức nào đó, không thể bình tĩnh được nữa thì tạm lánh mặt đi, như vậy mới là phải đạo.

Tôi không biết ông hàng xóm của cô giáo tân tiến nọ đánh con vì lẽ gì, nhưng bảo ông ta là dã man thì quả là tàn

nhẫn quá. Biết đâu chừng ông ta chẳng có nhiều nỗi khổ tâm mà người ngoài làm sao thấu được.

*

Chúng ta thường có thói quá giản dị hóa vấn đề : hễ không phải thì là trái, không đen thì trắng, không tự do thì là độc tài, không văn minh thì là dã man, không là con người thì là con thú… Nhưng việc đời đâu phải giản dị như vậy : Có biết bao trường hợp khác nhau, có biết bao nỗi lòng tế nhị, trong cái đại đồng có biết bao cái tiểu dị.

Chỉ đặt vấn đề : « Nên đánh con hay không ? », rồi trả lời rằng « có » hoặc « không », là có một thái độ nông nổi.

Đánh trẻ là để dạy trẻ. Nếu có thể dạy trẻ mà không cần đánh thì quý nhất rồi, đỡ khổ thân cho trẻ mà cũng đỡ khổ tâm cho cha mẹ và ông thầy. Tôi cũng nhận rằng có những trường hợp không cần đánh mà trẻ cũng ngoan, nhưng những trường hợp đó tương đối hiếm, tỉ số chỉ là một phần mười, một phần trăm hoặc một phần ngàn. Là vì cần có nhiều điều kiện.

Trước hết đứa trẻ phải bẩm sinh ngoan ngoãn, dễ dạy. Thuyết của Rousseau, của Tolstoi cho rằng trẻ nào sinh ra cũng tốt, rằng thiên nhiên bao giờ cũng hoàn hảo, mà xã hội làm cho con người hư hỏng, thuyết đó theo tôi chỉ là một huyền thoại, trừ phi người ta hiểu tốt, thiện là biết hô hấp, biết bài tiết, biết cử động, biết bú và biết *thích* (chứ chắc đã là biết *yêu*) người cho bú. [20]

Cứ nhìn chung quanh, ngay trong gia đình mình, chúng ta cũng thấy có những đứa trẻ hiền lương, có những đứa hung

dữ, có những đứa thích hoạt động, có những đứa chậm chạp… tùy di truyền, tùy thể chất từng đứa.

Rồi lại phải có những bậc cha mẹ hay thầy dạy sáng suốt, tận tâm, có thì giờ để săn sóc trẻ từng li từng tí.

Sau cùng, cần có những hoàn cảnh tốt nữa : trẻ phải được đủ ăn, đủ mặc, được mọi người chung quanh âu yếm, không ai nêu gương xấu cho chúng bắt chước.

Đối với những đứa trẻ không có đủ những điều kiện đó thì đôi khi phải tạm dùng roi. Đánh trẻ chỉ là một lối tạo những phản ứng có điều kiện (điều kiện đó là cái roi) để chúng tập những thói quen nào đó, vào một khuôn phép nào đó. Cách đó tất nhiên là có phần bất nhẫn, nhưng nhiều khi hiệu quả mau mà chắc chắn. Tôi mong rằng sau nầy loài người văn minh hơn, quốc gia nào cũng có thể bỏ chừng một phần ba lợi tức vào sự giáo dục (ngày nay ngân quỹ dùng vào giáo dục chỉ bằng một phần mười, một phần hai mươi lợi tức quốc gia), đào tạo những bậc cha mẹ, ông thầy sáng suốt và cứ năm sáu đứa trẻ thì có một người hiểu tâm lý trẻ em, trông nom, lúc đó mới có thể triệt để áp dụng những lý thuyết Tân Giáo dục rất xác đáng của Montessori, Decroly… và may ra mới có thể bỏ hẳn sự đánh trẻ được. Còn trong hiện tình xã hội, cứ viện những lý thuyết Tân Giáo dục đó ra mà cấm sự đánh trẻ thì không mấy người theo được, hoặc có theo thì lại theo bậy, cho trẻ phóng túng mà chúng sẽ hư thêm thôi.

Vậy đánh trẻ mà chúng sợ, biết sửa lỗi, lại không oán mình, không hóa ra mất hẳn cá tính, thì là việc không có gì đáng trách cả trong xã hội hiện tại.

Nếu đánh mà chúng vẫn không chừa, hoặc sinh ra oán mình hoặc hóa ra sợ sệt giả dối, thì là không có công hiệu, là vô ích, phải sửa đổi lối dạy, giao cho người khác hoặc một cơ quan nào đó trông nom, uốn nắn chúng.

Còn như giận cá chém thớt, vì có điều gì bực mình mà trút sự bực mình lên đầu đứa trẻ, đánh nó không phải là để sửa lỗi cho nó mà chỉ để cho hả cơn tức của mình, thì nhất định là một hành động xấu xa rồi. Nhưng trong trường hợp này tôi thấy thương cả người cha lẫn người con, không oán ai cả.

Đó theo thiển kiến, chúng ta phải phân biệt ít nhất là ba trường hợp đánh trẻ như trên ; trong mỗi trường hợp còn nhiều hoàn cảnh khác nhau cũng nên xét nữa, chứ không thể nhất thiết phán quyết một cách giản dị rằng tuyệt nhiên không nên đánh trẻ, rằng đánh trẻ là dã man, là coi chúng như loài thú vật.

Khổng Tử bảo : « Đạo không xa người, cái gì người ta coi là Đạo mà lại xa người thì không phải là Đạo », nói cách khác là học thuyết nào cũng phải cận nhân tình. Lập ra một học thuyết là để giúp đời, tạo hạnh phúc cho cá nhân và xã hội ; vậy thì học thuyết đó phải hợp nhân tình đã, nếu trái nhân tình thì làm sao tạo hạnh phúc cho con người được ; nó lại phải thực hiện được trong những hoàn cảnh hiện tại, hoặc trong một tương lai rất gần ; sau cùng lại phải xét kết quả, lợi có bù hại không ; nếu không đủ ba điều kiện đó thì học thuyết dù hay tới mấy, hợp « lô-gích » tới mấy, cao thượng tới mấy cũng là vô dụng.

Mà cái thuyết không được đánh trẻ đã không cận nhân tình (không hiểu nỗi lòng của phần đông người cha, nên mới nặng lời cho họ là dã man ; không hiểu cả tâm lý của trẻ, chúng không hoàn toàn là những vị thiên thần), lại không thực hiện được trong hiện tình xã hội như trên chúng tôi đã nói, mà nếu có đem ra thực hiện thì trong đa số trường hợp lợi bất cập hại. Gần đây các nhà giáo dục ở Mỹ đã nhận thấy rằng chính sách phóng túng của họ đối với trẻ nên sửa đổi lại, họ muốn trở lại dùng kỷ luật như ở Anh Pháp vì họ thấy trẻ không ưa thái độ nhu nhược của người lớn, thích được đối đãi một cách cứng cỏi nhưng công bằng và thân thiết.

*

Trở lên trên và xét về sự đánh trẻ trong gia đình. Còn tại học đường ? Ông Pestalozzi bảo thầy không được phép đánh trò vì (nếu tôi không hiểu lầm ông) giữa thầy và trò không có « không khí cảm thông thấm thía » như giữa cha và con. Coi bài « Một nhà đại giáo dục » của ông Thiên Giang (Báo Hồn Trẻ số 1 ngày 15-12-1964). Lời đó thật hồ đồ, không thể nêu lên làm qui tắc được. Tôi thấy đôi khi có sự cảm thông giữa thầy và trò hơn là giữa cha và con, trong trường hợp đó thì thầy được đánh trò chứ ? Ông cũng mắc cái tật giản dị hóa vấn đề, không để ý đến hoàn cảnh, đến tính tình của mỗi hạng trẻ, đến tuổi của chúng.

Bộ Quốc-gia Giáo-dục Pháp cũng triệt để cấm sự đánh học trò, từ hồi nào thì tôi không rõ, chắc là đã từ lâu lắm, và bộ Quốc-gia Giáo-dục của ta cũng theo Pháp ; có thể nói rằng ở gần khắp thế giới, người ta đều theo chính sách đó. Sở dĩ vậy có lẽ là vì một số nhà giáo đã lạm dụng cái quyền

đánh trẻ và gây nhiều sự xung đột giữa trường học và gia đình mà chính quyền muốn tránh những sự rắc rối đó. Nhưng khi cấm đoán như vậy, rõ ràng là chính quyền muốn trút bớt cái trách nhiệm đào tạo con em đi : chúng hay hoặc dở là trách nhiệm của gia đình ; học đường chỉ khuyên bảo, phạt (chứ không đánh), quá lắm thì đuổi đi, cha mẹ chúng làm sao thì làm, có muốn cho vào trại giáo huấn thì chính quyền sẵn lòng nhận, mà cái không khí trong trại ra sao, ai cũng đã biết. Ông giáo ngày nay không chịu một chút trách nhiệm gì về học sinh của mình nữa, ngoài khu vực học đường ; khác hẳn với các cụ đồ thời xưa ; môn đệ dù lớn rồi mà có tội thì chẳng những thầy bị tiếng xấu lây mà có khi còn bị tội lây nữa (như vậy cũng thái quá). Nhưng phép nước là một chuyện mà lòng dân lại là một chuyện khác. Luật lệ thì tuyệt đối cảm thấy không được đánh trò, mà trong các trường tiểu học, chẳng những bên ta mà cả bên Pháp, người ta vẫn thấy nhiều giáo viên bạt tai, cú đầu, khẻ tay học trò. Nhà cầm quyền biết dư chứ, nhưng vẫn làm lơ ; cha mẹ biết dư chứ, nhưng đại đa số đã không lấy vậy làm phiền mà còn lấy làm mừng : « Xin thầy cứ đánh cho, ở nhà chúng tôi dạy nó không được ».

Tôi nghiệm thấy rằng những gia đình nền nếp luôn luôn kính trọng những ông thầy nghiêm khắc và có tư cách, chỉ bọn trọc phú bạo phát mới có thái độ binh con mà thưa kiện ông thầy. Pháp đình gặp những vụ kiện rất hiếm đó, thường bênh vực ông thầy ; chỉ những giáo viên thực có lỗi nặng, đánh trò mà gây ra thương tích thì mới bị phạt ; còn như nếu đứa nhỏ quá có lỗi mà sự trừng phạt không gây thương tích

thì kẻ đi thưa có thể phải nghe một bài học đích đáng là khác. Tôi còn nhớ mười lăm năm trước, một nhân viên Công-an kiện một ông giáo đánh mắng con mình, bị một vị Thẩm-phán người Pháp mắng cho rồi đuổi về.

Vậy là phong tục hoặc lòng muốn của dân đã sửa đổi được phần nào sự quá gắt gao (hay là quá dễ dãi ?) của luật pháp.

Gần đây một tờ báo ở Huế nêu lên vấn đề kỷ luật trong học đường, đưa ra ý kiến này là kỷ luật ngày nay phải xây dựng trên nguyên tắc : thầy trò coi nhau như anh em ; vì cái nguyên tắc « sư phụ » đã lỗi thời rồi. Nếu là ở tiểu học thì nguyên tắc đó hỏng : các em chín mười tuổi trở xuống luôn luôn coi thầy cô như cha mẹ, chúng thích như vậy ; còn nếu là ở Trung-học thì đề nghị trên là thừa : trừ lớp đệ nhất ra, ở Trung-học tinh thần « sự phụ » đã mất từ lâu (phần lớn do tư cách của giáo sư) mà tinh thần huynh đệ cũng đã bị vượt rồi, hiện nay dã bắt đầu vào giai đoạn « bằng hữu » rồi cần gì phải hô hào nữa !


tve-4U
CÙNG ĐỌC, CÙNG CHIA SẺ

Notes

[←1]

Trích trong Hiến-chương do hội Vạn-quốc Tân-giáo-dục thảo năm 1942 và đã được 25 quốc gia chấp thuận.

[←2]
H. Spencer.

[←3]

Hạ ngu bất di.

[←4]

Bạn nên để ý : Thí-nghiệm này với thí-nghiệm Airchborn ở trên khác nhau về mục-đích : Kurt Lewin muốn tìm kết-quả trong sự học mà Airchborn muốn cho trẻ thấy rằng kỷ-luật cần thiết cho sự sống chung.

[←5]

Bạn nào muốn biết kết quả tai hại của chính-sách phóng nhiệm nên coi bài « Ce que m’ont appris Jacques et John » của Laurence Wylie (Sélection du Reader’s Digest, Novembre 1957) và bài « Où en sont les Américains » của Raymond Cartier (Paris Match 10-5-1958). Lauren Wylie cho rằng những lớp tiểu học ở Mỹ nhiều khi ồn như một rạp hát, còn Raymond Cartier thì bảo nền giáo-dục « điên khùng » của Mỹ làm cho số trẻ em phạm tội tăng lên gấp mười trong 7 năm, từ 1950 đến 1957.

[←6]

Nhà Nguyễn Hiến-Lê xuất bản.

[←7]

Người lớn lại càng cần thỉnh thoảng phải xả hơi như vậy một cách đã vô hại mà còn có ích. Coi cuốn *Xây dựng hạnh phúc* của Laura Archera Huxley do Nguyễn Hiến Lê dịch, Tao Đàn xuất bản.

[←8] Coi thêm Phụ Lục : Vấn đề đánh trẻ.

[←9]

Tức « L'Ecole des Parents », 47 rue Miromesnil, Paris 8ème. Trường tổ chức những lớp giảng – do các nhà giáo dục, các nhà tâm lý, các bác sĩ điều-khiển – về các vấn-đề giáo-dục cho các cha mẹ lại nghe ; lại xuất bản nguyệt san « L'Ecole des Parents ».

[←10]

Coi bộ *Gương danh nhân* gồm 5 cuốn của Nguyễn Hiến-Lê.

[←11]

Hiếu hửu tam : đại hiếu tôn thân, kỳ thứ phất nhục, kỳ hạ năng dưỡng. Lễ ký – Tế nghĩa.

[←12]

Theo bác-sĩ Gilbe-Robiert trong cuốn La guérison des défauts et des vices chez l'enfant (Domat-Paris).

[←13]

Pour comprendre nos enfants, mettons nous à leur place (Aubier).

[←14]

Coi cuốn Tìm hiểu con chúng ta, Nguyễn Hiến-Lê xuất bản.

[←15]

Nhà Presses Universitaires de France đã dịch hai cuốn đó ra tiếng Pháp, nhan đề là *Le jeune enfant dans la civilisation moderne* và *L'enfant de 5 à 10 ans*.

[←16]

R. Duttrens, *Nos enfants à l’école* (Delachaux et Niestlé, Paris).

[←17]

Coi cuốn *L'enfant qui s'accuse* của Jean Schlumberger dẫn trong cuốn *Les défauts de l'enfant* của André Berge.

[←18]

Coi thêm cuốn « Tìm hiểu con chúng ta ».

[←19]

Coi cuốn *Tương lai ở trong tay ta*, nhà xuất bản Nguyễn Hiến-Lê.

[←20]

Những cái đó không tốt, không xấu, chỉ tự nhiên, thế thôi. Bảo nó là tốt thì cũng được, nhưng phải định nghĩa thế nào là tốt.